

LỜI CẢM ƠN

Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã, đang không ngừng phát triển và đi lên. Với sự hỗ trợ từ các trang thiết bị dạy học hiện đại các thầy cô đã không những cung cấp, truyền đạt cho chúng em những kiến thức rộng lớn về du lịch, mà còn bao gồm cả những kinh nghiệm sống. Các thầy cô đã giúp chúng em tự tin hơn, không bỡ ngỡ với công việc, cuộc sống sau khi ra trường.

Để bài khóa luận được hoàn thành, em xin được bày tỏ lòng kính trọng và cảm ơn sâu sắc đến các thầy, cô giáo khoa Văn hóa Du lịch Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã nhiệt tình giảng dạy cho chúng em trong suốt thời gian học vừa qua, để em có đủ kiến thức lý thuyết phục vụ cho quá trình làm khóa luận. Đặc biệt là cô giáo hướng dẫn Th.S Vũ Thị Thanh Hương. Người đã hướng dẫn chu đáo cho em từ khâu đọc tài liệu, xác định đề tài, viết đề cương nghiên cứu và sửa chữa những thiếu sót trong bài khóa luận của em. Bên cạnh đó cô đã tạo điều kiện thuận lợi và có nhiều ý kiến quý báu giúp em hoàn thành khóa luận đúng thời hạn và rút ra nhiều nhận định trong nghiên cứu.

Do nguồn số liệu, tài liệu và khả năng của em có giới hạn nên bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Vì thế em rất mong nhận được sự góp ý từ phía thầy cô để em có thể rút ra nhiều bài học quý giá.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Nguyễn Thu Hương

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử xã hội loài người. Trong quá trình tồn tại và phát triển, tôn giáo luôn ảnh hưởng đến đời sống chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội và tâm lý, đạo đức, lối sống, phong tục tập quán của nhiều quốc gia, dân tộc.

Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo. Trong đó có 6 tôn giáo lớn là Công giáo, Phật giáo, Cao Đài, Hoà Hảo, Tin Lành, Hồi giáo với hàng chục triệu tín đồ. Công giáo là một trong hai tôn giáo lớn nhất ở nước ta được du nhập từ ngoài vào, đã ít nhiều chịu ảnh hưởng phong tục, tập quán và bản sắc văn hoá Việt Nam. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận đời sống nhân dân. Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng tự do, tín ngưỡng tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo.

Nghi lễ và lễ hội bao giờ cũng là những yếu tố quan trọng có tính phổ biến góp phần tạo thành một tôn giáo. Tôn giáo không chỉ là nơi lưu giữ các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể mà còn làm cho văn hoá các dân tộc được bảo tồn. Thông qua sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người mà tín ngưỡng, lễ hội Công giáo đã tô đượm cho văn hoá dân tộc nhiều sắc màu. Các cơ sở thờ tự của Công giáo thường là nơi diễn ra nghi lễ của tín đồ Công giáo, đồng thời cũng là nơi lưu giữ những giá trị văn hoá tâm linh. Việt Nam có một nền văn hóa phong phú và đa dạng trên tất cả các khía cạnh, Người Việt cùng cộng đồng 54 dân tộc anh em có những phong tục đúng đắn, tốt đẹp từ lâu đời, có những lễ hội nhiều ý nghĩa sinh hoạt cộng đồng, những niềm tin bền vững trong tín ngưỡng, sự khoan dung trong tư tưởng giáo lý khác nhau của tôn giáo. Trong đó lễ hội Công giáo góp phần quan trọng giải yếu tố đơn nguyên văn hóa Công giáo mà các giáo sĩ ngoại quốc tìm mọi biện pháp duy trì. Nó làm cho tín đồ Công giáo người Việt Nam thực sự sống đạo bằng tâm linh, nếp nghĩ, lối ứng xử của

mình. Lễ hội Công giáo đã góp phần mở rộng không gian, thời gian thực và ảo cho mỗi tín đồ, mỗi cộng đoàn tín đồ. Lễ hội Công giáo góp một phần quan trọng hun đúc đức tin người Công giáo, truyền tải nội dung Công giáo. Nó làm cho bộ phận cư dân Việt Nam- Công giáo không những được củng cố mà còn góp phần liên kết cộng đồng cư dân Việt Nam- Công giáo không còn là “vật lạ” trong cộng đồng dân tộc.

Chính vì những lí do trên, em đã quyết định chọn đề tài: *Lễ hội Công giáo tại Việt Nam và những định hướng phát triển du lịch* làm khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của khóa luận là nghiên cứu một số vấn đề về lễ hội Công giáo tại Việt Nam, từ đó đưa ra những đề xuất nhằm khai thác giá trị của văn hóa lễ hội Công giáo và những định hướng phát triển du lịch lễ hội Công giáo ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của khóa luận là một số vấn đề về lễ hội Công giáo, đặc biệt là những giá trị của văn hóa lễ hội Công giáo và những định hướng phát triển du lịch lễ hội Công giáo ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: Tại Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Vận dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để nêu bật những vấn đề lí luận, đồng thời sử dụng những kết quả từ việc khảo sát thực tế để chứng minh.

5. Bố cục khóa luận

Ngoài phần mở đầu, mục lục, tài liệu tham khảo và kết luận, Bài khóa luận gồm 3 chương chính:

Chương 1. Công giáo và văn hóa Việt Nam.

Chương 2. Lễ hội Công giáo.

Chương 3. Định hướng phát triển du lịch lễ hội Công giáo

CHƯƠNG 1

CÔNG GIÁO VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Quá trình hội nhập văn hóa Kitô giáo với các nền văn hóa thế giới

1.1 Tại một số nước Châu Âu

Đạo cùng tôn thờ Thiên Chúa được gọi chung là Kitô giáo. nhưng khác nhau về nhiều mặt thần học, tín lý, giáo lý, bí tích, phụng vụ .v.v Kitô giáo bị phân chia thành 3 nhánh chính Công giáo, Chính Thống giáo và Tin lành.

Hội nhập văn hóa Kitô giáo chính là các hình thức truyền bá phúc âm, thực hiện nghi lễ và lối sống đạo sao cho phù hợp với đặc thù văn hóa một cộng đồng người, văn hóa một quốc gia, trên cơ sở đó mà sản sinh ra những giá trị văn hóa mới bồi đắp cho văn hóa cộng đồng người, văn hóa một quốc gia và cả văn hóa Kitô giáo, nhưng cả hai đều không mất đi căn tính của mình thì trong quá trình phát triển Kitô giáo đã có những lần hội nhập văn hóa để thích ứng ngay ở vùng đất mà Kitô giáo phát sinh, phát triển. Đồng thời trong quá trình truyền giáo qua các châu lục, quá trình hội nhập có diễn ra dù là mức độ có chật hẹp hoặc kết quả nhỏ bé.

Kitô giáo phát sinh từ miền đất Tiểu Á, từ Tiểu Á, Kitô giáo được truyền bá, phát triển ra các nước thuộc đế chế La Mã rộng hơn thời cổ đại.

Thời kỳ đầu Kitô giáo mang sắc thái văn hóa Châu Á (vì Tiểu Á thuộc về Châu Á) nên rất gần gũi với các tôn giáo châu Á dù tiểu Á thuộc sự cai trị của đế chế Rôma.

Việc truyền giáo của đạo Kitô ba thế kỷ đầu gặp nhiều khó khăn vì bị chính quyền cấm đoán và bách hại. Phải từ thế kỷ thứ IV về sau khi mà Constantinus I, Hoàng đế Rôma bỏ lệnh cấm đạo, lúc đó Kitô giáo mới có điều kiện phát triển. Nhưng ngay cả thời kỳ bị cấm đoán trong quá trình truyền giáo, phát triển đạo trong đế chế La Mã rộng lớn với một nền văn hóa phát triển rực rỡ, Kitô giáo đã được “đắm mình” trong đó để “chịu phép rửa” của nền văn hóa này.

Trong một công trình nghiên cứu có tựa đề: Thích ứng và hội nhập văn hóa trong truyền giáo, tác giả Nguyễn Chính Kết có dành một phần để trình bày việc hội nhập văn hóa tại Tây Phương.

Tìm danh từ để chỉ Thiên Chúa:

Để thích ứng với người Âu châu các giáo phụ đã không dùng những từ Do Thái như ELSHADDAI hay YAHVEH... để chỉ Thiên Chúa mà dùng các từ THEOS, DEUS hay DIEU vốn là chỉ các từ chỉ các vị thần người Âu châu (Zeus, Jupiter, Hercule...). Các từ này vốn không có nghĩa là Thiên Chúa như chúng ta hiểu ngày nay. Đây chính là sự thích ứng và hội nhập.

Thích ứng ngày lễ giáng sinh:

Ngày 25 tháng 12 là ngày người Âu châu thờ thần mặt trời, Ki Tô giáo chọn ngày này là ngày sinh của chúa Giêsu. Khi mọi người ăn mừng thần mặt trời thì người Ki Tô hữu ăn mừng chúa ra đời. Theo cách hội nhập như vậy, ngày đầu tuần người Âu châu kính thần Mặt Trời thì Ki Tô giáo gọi đó là Ngày của Chúa, Chúa Nhật.

Hội nhập văn hóa trong y phục:

Y phục mà hàng giáo phẩm mặc trong phụng vụ là mô phỏng y phục của người Rôma, loại y phục xuất phát từ nền văn hóa của dân chúng, để quen thuộc gần gũi với họ.

Như vậy, truyền giáo phát triển trong đế quốc La Mã, hội nhập với nền văn hóa này, Ki Tô giáo đã “ Bỏ bộ áo văn hóa Do Thái” – Từ của tác giả Nguyễn Chính Kết.

Tác giả Nguyễn Chính Kết cho rằng sau khi cởi bỏ bộ áo văn hóa Do Thái, Ki Tô giáo đã mặc lấy bộ áo văn hóa Âu châu. Một giai đoạn hội nhập khác của Ki Tô giáo, đó là hội nhập với văn hóa Âu châu, cụ thể hơn là Tây Âu. Nghi lễ Rôma được Công đồng Trentô (1545-1563) cho xuất bản có sự kế thừa những phụng vụ cổ kính như Milan, Lyon, Đa Minh...nhưng đặc biệt là kế thừa những nghi lễ của nước Pháp và Tây Ban Nha những quốc gia Tây Âu

1.2 Sự thích ứng văn hóa của một số giáo sĩ Công giáo tại một số nước Châu Á

1.2.1 Nobili ở Ấn Độ

Thừa sai Robert de Nobili (1577-1656), dòng tên đến Ấn Độ năm 1605 và Mandure (miền Nam). Hẹn diện ở Ấn Độ một thời gian dài, Nobili đã học tiếng Tamul và tiếng Phạn. Để hòa nhập với nền văn hóa bản địa, Nobili ăn mặc như một sa môn theo mẫu các nhà tu hành Ấn giáo. Nobili hòa mình vào lối sống của tín đồ Bà la môn giáo để giảng đạo cho họ. Phân biệt được những tập tục xã hội và tôn giáo, ngài cho các tân tông được giữ thói tục xã hội của giai cấp như búi tóc (Kudumi), dây quàng... Trong nghi thức rửa tội, ngài bỏ bớt những gì người Ấn Độ khó chịu như thổi hơi, nước miếng. Nhiều thừa sai đã phản đối Nobili, tố cáo về Rôma, nhưng giáo hoàng Urbano VIII vẫn chấp nhận thích nghi của ngài. Tuy nhiên vấn đề hội nhập ở Ấn Độ kết quả đem lại không nhiều.

1.2.2 Matteo Ricci ở Trung Hoa

Matteo Ricci (1552-1610) là linh mục dòng Tên, người Ý, một nhà truyền giáo nổi bật nhất ở Trung Hoa. Năm 1582 Ricci đến Áo môn. Năm 1589, ông đến Triều Châu truyền giáo, nghiên cứu Tứ thư, Ngũ kinh. Năm 1594, ông ăn mặc quần áo theo kiểu nhà Nho tự xưng là Tây Nho. Năm 1596, ông được cử giữ chức bề trên dòng Tên Trung Hoa. Năm 1598, ông đến Nam Xương qua Nam Kinh cùng Lễ Bộ Thượng thư Vương Trung Danh đến Bắc Kinh, sau đó ông còn trở đi trở lại Nam Kinh, Bắc Kinh hoạt động truyền giáo. Trước tác của ông đáng kể là Thiên học thực nghĩa, Càn khôn tập nghĩa, Quan vu Ki Tô hội đích tiến nhập Trung Quốc

Đáng kể nhất là cuốn Thiên học thực nghĩa cũng được gọi là Thiên Chúa thực nghĩa (Bắc Kinh 1603). Đây là một kiệt tác về sự thích ứng lẫn nhau giữa tư tưởng Đông và Tây. Trong tác phẩm của mình Ricci chứng minh sự tương đồng giữa Ki Tô giáo và Nho giáo.

Tác giả: Song yong pac (Hàn Quốc) trong bài Sự dung hợp và chỗ bất ổn của Thiên Chúa thực nghĩa của Matteo Ricci với Nho học viết: Bất

đầu từ sự giao lưu tư tưởng triết học Đông- Tây có thể nói rằng: “Thiên chúa thực nghĩa” của M. Ricci (1552-1610) có hai ý nghĩa sau đây:

1) Nó là cuốn sách chuyên môn lần đầu tiên giới thiệu một cách có hệ thống tư tưởng triết học phương Tây trong thời đại Trung Quốc truyền thống.

2) Phương thức thuyết minh của nó hết sức phù hợp với quan niệm cơ bản của văn hóa Nho gia, đã phát huy được sức ảnh hưởng trong phạm vi văn hóa Nho gia Đông Á, khiến người ta phải chú ý.

Ở một nước mà Nho, Phật, Đạo giáo phát triển, nhưng Ricci chọn Nho giáo vì thấy nhiều ý niệm của tông giáo này thích hợp để diễn tả sứ điệp Ki Tô giáo hơn. Trong “ Thiên Chúa thực nghĩa” Ricci chứng minh rằng: những văn bản nguyên thủy của Nho giáo chưa bị ảnh hưởng của Phật giáo có những ý niệm về trời, Thượng đế và cuộc sống sau khi chết rất gần gũi với ý niệm Thiên Chúa và đời sau của Ki Tô giáo.

Như vậy, đến truyền giáo ở Trung Hoa một đất nước có truyền thống văn hóa lâu đời, nơi sản sinh ra những hệ tư tưởng và tôn giáo lớn như Nho học, Nho giáo, Đạo giáo, Ricci thấy nếu phủ nhận những hệ tư tưởng và tôn giáo đó chắc chắn hoạt động truyền giáo sẽ không đạt kết quả. Từ suy ngẫm như vậy, ông đã tìm cho mình một “ kênh” để hội nhập với nền văn hóa phát triển rực rỡ của nước này , đó là Nho giáo. Tầng lớp mà ông chú trọng đầu tiên là giới trí thức.

Song, đáng tiếc, trên địa bàn Trung Hoa lúc đó xuất hiện giáo sĩ truyền giáo Nicolo Longobardi với chủ trương truyền giáo vào đại chúng, vào giới bình dân. Hoạt động truyền giáo của Longobardi đi ngược lại Nho giáo, nhất là cấm thờ kính Không Tử và tổ tiên, một tín ngưỡng ăn sâu vào tập tục Trung Hoa.

Việc không hội nhập với văn hóa Trung Hoa cũng có nghĩa là việc truyền giáo, phát hiện đạo Ki Tô ở Trung Hoa vì vậy đã gặp khó khăn.

2. Công giáo Việt Nam và quá trình hội nhập

2.1 Quá trình truyền giáo và phát triển của đạo Công giáo ở Việt Nam

Trong tiếng Việt, thuật ngữ Công giáo được dùng để dịch chữ καθολικος, Catholica (Catholique), với ý nghĩa đó là đạo chung, đạo phổ quát, đạo công cộng đón nhận mọi người, chứ không riêng cho dân tộc hay quốc gia nào. Vì thế cộng đồng hoặc đoàn thể Công giáo Việt Nam còn được gọi là Công đoàn hoặc Cộng đoàn .

Có thể chia quá trình truyền giáo phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam làm 6 thời kỳ.

Thời kỳ từ sơ khai đến năm 1659.

Thời kỳ từ năm 1659 đến năm 1862.

Thời kỳ từ năm 1862 đến năm 1933.

Thời kỳ từ năm 1933 đến năm 1954.

Thời kỳ từ năm 1954 đến năm 1975.

Thời kỳ từ năm 1975 đến nay.

Vào thế kỷ XVI, Công giáo (Thiên chúa giáo) truyền vào Việt Nam do các giáo sĩ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và sau là Pháp. Sự truyền đạo giai đoạn đầu ít gặp trở ngại do tính khoan dung của người Việt Nam và tính không đối đầu của tôn giáo bản địa nhưng sự truyền đạo đạt kết quả không cao. Sau đó Pháp vận động Giáo Hoàng cho phép độc quyền truyền đạo tại Việt Nam. Hội truyền giáo Pa-ri được thành lập năm 1660 cùng nhà nước Pháp tuyển chọn, đào tạo giáo sĩ, cử sang hoạt động ở Việt Nam và một số nước khác.

Cuối thế kỷ XVIII, Giáo hội Công giáo Việt Nam đã có ba địa phận (Đàng trong, Đàng ngoài và Tây đàng ngoài) với khoảng 3 vạn giáo dân và 70 linh mục Việt Nam. Dưới triều Nguyễn, lúc đầu sự truyền giáo được nhà Nguyễn tạo nhiều điều kiện thuận lợi, nhưng sau đó thấy những hoạt động của giáo sĩ vừa truyền đạo vừa phục vụ cho âm mưu xâm lược của thực dân Pháp nên nhà Nguyễn đã cấm đạo nhất là từ khi thực dân Pháp bộc lộ rõ ý

đồ thôn tính Việt Nam. Việc cấm đạo gay gắt tạo sự chia rẽ nhất định trong nhân dân.

Trong hơn 100 năm dưới chế độ thực dân, chúng luôn lợi dụng Công giáo để xâm lược và duy trì sự thống trị. Chúng luôn lợi dụng Công giáo để chèn ép các tôn giáo khác gây chia rẽ giữa các tín đồ Công giáo với tín đồ các tôn giáo khác hoặc với người không có đạo. Dưới ách thống trị của đế quốc, thực dân, Giáo hội Công giáo được nhiều đặc quyền đặc lợi. Những tổ chức, giáo sĩ theo chúng được ưu đãi. Tuy thế, giáo hội Công giáo ở Việt Nam vẫn bị coi là giáo hội thuộc địa. Có thể thấy điều đó rất rõ sau gần 400 năm truyền đạo vào nước ta, mãi đến năm 1933 mới có một giáo sĩ Việt Nam được phong làm giám mục.

Do sự thao túng bởi các thế lực bên ngoài, trong cuộc kháng chiến đánh đuổi đế quốc, thực dân giáo hội đã đứng về phía xâm lược. Năm 1951 Hội nghị các giám mục Đông dương đã họp và đã đưa ra thư chung cấm người Công giáo tham gia kháng chiến. Năm 1960, Hội nghị các giám mục miền Nam ra thư mùa chay, nhắc lại thư chung năm 1951 ngăn cản đồng bào Công giáo tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc. Mặc dù vậy, một bộ phận chức sắc đã dung hoà được quyền lợi của dân tộc với tôn giáo và đồng đảo tín đồ với ý thức dân tộc và lòng yêu nước đã đứng về phía kháng chiến và đã đóng góp không chỉ vật chất, tinh thần mà còn cả xương máu cho cách mạng.

Sau 1975, với thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và những tác động của sự chuyển đổi của Công đồng Vatican II, Giáo hội Công giáo Việt Nam có nhiều sự biến đổi. Năm 1976, Giáo hoàng phong chức Hồng y đầu tiên cho một Giám mục Việt Nam. Năm 1980, các Giám mục trong cả nước đã họp hội nghị để thống nhất đường lối của giáo hội. Hội nghị đã thành lập Hội đồng giám mục Việt Nam và ra thư chung 1980 với phương châm “sống phúc âm trong lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc đồng bào”.

Trong những năm gần đây, Công giáo nước ta có chiều hướng phát triển. Số lượng tín đồ tăng do sự gia tăng dân số tự nhiên và một số tín đồ khô đạo, nhậ đạo trở lại sinh hoạt. Số tín đồ Công giáo nước ta hiện nay khoảng 5 triệu, hiện nay đang có cuộc sống ổn định và phấn khởi trước cuộc đổi mới và chính sách tôn giáo của Đảng đang chăm lo cải thiện đời sống và tham gia vào các hoạt động xã hội nhân đạo, an ninh trật tự, phòng chống các tệ nạn xã hội và thể hiện cuộc sống theo phương châm “tốt đời, đẹp đạo”, “kính Chúa yêu nước”. Tuy nhiên, trong Công giáo còn một số chức sắc chưa thể hiện rõ được ý thức công dân, không đặt lợi ích của Công giáo trong lợi ích của dân tộc, muốn hoạt động của Giáo hội nằm ngoài sự quản lý của nhà nước

Giáo hội Công giáo Việt Nam: gồm 25 giáo phận, mỗi giáo phận do một Giám mục đứng đầu. Hội đồng Giám mục Việt Nam tập hợp tất cả các giám mục ở Việt Nam được thành lập năm 1980 chọn đường hướng “sống phúc âm trong lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”.

2.2 Quá trình hội nhập Công giáo với văn hóa Việt Nam

2.2.1 Chiếc cầu nối giao lưu giữa văn hoá phương Tây với Việt Nam

Đạo Công giáo ra đời ở Trung Á nhưng lại phát triển mạnh mẽ ở châu Âu và mang đậm văn hoá châu lục này. Bởi vậy khi đến Việt Nam nó trở thành sứ giả đem văn hoá, văn minh của Âu châu tới nước ta và cũng giới thiệu văn hoá Việt Nam ra quốc tế.

Thông qua đạo Công giáo, người Việt Nam không chỉ biết đến một tôn giáo mới với giáo lý khá nghiêm ngặt tạo ra lối sống mới như hôn nhân một vợ một chồng, cấm rượu chè, cờ bạc bê tha... mà còn có cơ hội được chiêm ngưỡng những tác phẩm hội hoạ lừng danh như Bữa tiệc ly của Leonard da Vinci, Đức Mẹ đồng trinh của Rafael, được thưởng thức các bản nhạc bất hủ như Ave Maria, Holly Night, Jingle bell. Rồi ở giữa những làng quê thanh bình hay thành thị tấp nập thấp thoáng những kiến trúc lạ mắt của các nhà thờ theo kiểu "gotic" với những tháp chuông nhọn hoắt vươn lên trời cao hay kiểu "roman" vuông vắn, khoẻ mạnh. Cùng với tháp chuông là những bộ chuông Tây vang lên những

âm thanh mới và trở thành cảm hứng cho bao nhạc phẩm như Làng tôi của Văn Cao, Em ơi, Hà Nội-Phố của Phú Quang...

Các giáo sĩ đến Việt Nam truyền giáo thời kỳ đầu, hầu hết được đào tạo bài bản nên họ có kiến thức khoa học chuyên sâu nhiều lĩnh vực. Năm 1627, Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) đã biếu chúa Trịnh chiếc đồng hồ chạy bằng bánh xe và tặng chúa cuốn Kỹ hà nguyên bản của nhà toán học Euclide đồng thời giảng giải cho Trịnh Tráng nghe. Giáo sĩ Badinoti (người Ý) năm 1626 cũng được vời vào phủ chúa để giảng về thiên văn, địa lý và toán học. Các giáo sĩ Da Coxta, Langerloi đã đưa vào Đàng Trong phương pháp chữa bệnh theo lối Tây y nên được chúa cho mở nhà thương (bệnh viện). Có hai giáo sĩ là J.B Sanna (người Ý) và S. Piere (người Bồ) được phong ngự vương dưới thời Minh Vương. Tại Kẻ Chợ, năm 1627, Đắc Lộ cũng nói tới việc lập một nhà thương ở Cầu Dền (Cầu Diễn?) để chăm sóc cho người nghèo. Đây có lẽ là cơ sở từ thiện sớm nhất ở nước ta. Các giáo sĩ cũng phổ biến kỹ thuật dệt vải mịn và khổ rộng bằng khung dệt mang từ nước ngoài về để sản xuất tại dòng Mến Thánh giá Di Loan (Quảng Trị) và sản phẩm đã được trưng bày tại hội chợ Paris năm 1867. Công nghệ in của ta trước đây dùng bản khắc gỗ rất lâu công, các giáo sĩ đã du nhập kỹ thuật in bằng con chữ đúc bằng đồng hay chì tại nhà in Vĩnh Trị (Hà Nam) thời Giám mục Jacques Longer (1752-1831). Người ta cũng ghi nhận chính các giáo sĩ đã đưa giống cừu vào Phan Rang để nuôi và linh mục Henry (thuộc MEP) là người đã đưa cây phi lao về trồng ở xứ Hà Úc (Huế)...

Người Việt trước đây coi trọng nghề nông (dĩ nông vi bản) và xem khinh buôn bán, thương mại qua các xếp hạng: sĩ, nông, công, thương. Người ta cũng gọi những người làm nghề thương mại bằng từ khinh miệt: bọn con buôn. Các giáo sĩ đã giới thiệu cách làm giàu như rẽ mua, đất bán hay cho vay lấy lãi vừa phải. Trong cuốn “Bổn dạy những sự kẻ giảng phải biết và giữ về phép rửa tội” xuất bản thời Giám mục Neéz năm 1742 có đoạn viết: “Mùa nào rẽ thóc, rẽ hàng hãy mua, mùa nào mắc sẽ bán cũng nên... Hay là mua lãi cách này: hãy cho người nào thật thà 10 quan hay là 100 quan mặc lòng, mà vốn ấy trao cho người ấy mặc người ấy cầm trọn đời, cùng đời con cái, đời cháu chắt người mặc lòng;

mà một năm nó trả như mười quan là hai quan năm, hay là ba quan lã: một năm là 15, 30, chốc ấy cũng nên”

Đạo Công giáo du nhập vào Việt Nam không chỉ làm xuất hiện những lễ hội mới càng ngày càng được ưa chuộng như lễ Noel, lễ Valentin mà còn xuất hiện cả cách tính lịch mới theo Dương lịch và tuần lễ 7 ngày, cách ghi nhạc mới 5 dòng 7 nốt, nhiều nhạc cụ “Tây” và cả cách biểu diễn nhạc hiện đại qua các bản hoà tấu thánh ca hay các đội kèn đồng (mà ngày nay người ta vẫn còn gọi là đội kèn Tây). Đạo Công giáo cũng đi đầu trong việc đưa một loại hình thông tin mới là báo chí với sự ra đời của tờ Nam Kỳ địa phận ra số đầu ngày 26-1-1908 và nhiều nhà báo có nghề như Trương Vĩnh Ký (1837-1898), Huỳnh Tịnh Của (1834-1907)... đem lại kiểu làm báo “Tây học”: “nói viết như thường”. Bởi trước đây, nhiều tờ báo ở nước ta chỉ là dạng công báo chuyên đăng thông báo, văn bản của chính quyền cai trị.

Một ý nghĩa nữa không thể không nhắc đến là chính trào lưu tư tưởng tự do của phương Tây đã thổi vào Việt Nam thông qua nhiều tín đồ Công giáo và do họ không còn bị ràng buộc bởi ý thức hệ Nho giáo nên đã làm xuất hiện nhiều tư tưởng cải cách táo bạo như linh mục Đặng Đức Tuấn (1806-1874), sĩ phu Đinh Văn Điền ở Yên Mô, Ninh Bình và đặc biệt là Nguyễn Trường Tộ (1830-1871) mà nhiều kiến nghị đổi mới của ông ngày nay vẫn mang tính thời sự.

Đạo Công giáo giới thiệu văn hoá, văn minh phương Tây vào Việt Nam thì nó cũng làm vai trò giới thiệu văn hoá Việt Nam ra thế giới bên ngoài.

Các giáo sĩ khi đến Việt Nam, hàng năm đều phải làm tường trình về MEP (Missions Étrangères de Paris) hay Roma về tình hình truyền giáo nên họ có nhiều ghi chép về đất nước, con người ở đây. Nhiều ghi chép của họ là những tác phẩm nghiên cứu về dân tộc, tôn giáo, lịch sử, địa lý có giá trị như các tác phẩm Truyện xứ Đông Kinh của Bunsomi, Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài; Hành trình truyền giáo của A. Rhodes hay các cuốn Địa lý lịch sử Quảng Bình qua thư tịch triều đình; Di tích lịch sử Quảng Bình; Dinh trấn các chúa Nguyễn trước Gia Long... của Leopold Cadiere (1869-1965). Các tác phẩm này khi được giới thiệu ở nước ngoài ví dụ bộ ba Từ điển Việt – Bồ – La; Ngữ pháp tiếng

Việt; Phép giảng tám ngày của A. Rhodes được in ở Roma năm 1651, thế giới không chỉ biết thêm một chữ viết của người Việt mà còn làm thay đổi nhiều quan niệm của nước ngoài với Việt Nam, ví dụ quan niệm: “ngoài châu Âu ra thì toàn là man di, mọi rợ” hay “Trung Quốc là tất cả những gì đẹp đẽ nhất trái đất”. A. Rhodes đã đặt câu hỏi cho các nhà nghiên cứu ở châu Âu: “Tôi không biết vì sao đất nước rất xinh đẹp này lại không được biết tới, vì sao các nhà địa lý châu Âu không biết tên gọi và gần như không ghi trong bản đồ nào cả. Tuy họ chép đầy đủ tên các nước trên thế giới” . Một số giáo sĩ có những nhận xét khá sắc sảo về người Việt như Buzomi, người Ý, đến Đàng Trong ngày 18-1-1615 đã so sánh người Việt với một số cư dân châu Á như sau: “Họ không nghiêng về văn chương, tính tình không thâm hiểm như người Tàu. Họ không nghiêng về quân bị, tính tình không độc ác như người Nhật. Cả về tầm thước cũng không cao như người Tàu song không thấp như người Nhật. Dễ nghe, dễ tin và nhiều mê tín nhưng người dân Việt dễ nhận ra lẽ phải, không kiêu căng hay tự tôn như người Tàu” .

Có những tài liệu của các thừa sai trước đây, bây giờ trở thành những bằng chứng về chủ quyền biên cương của Tổ quốc như ghi chép của Giám mục J. Louis Tabert viết trên tạp chí Journal of the Royal Asia society of Bengal tháng 9-1937: “Quần đảo Panacels mà người Việt gọi là Cát Vàng hay Hoàng Sa gồm nhiều đảo chằng chịt với những đảo nhỏ và bãi cát mà các nhà hàng hải khiếp sợ một cách chính đáng do người Việt xứ Đàng Trong chiếm cứ. Năm 1816, vua Gia Long cấm cò trên quần đảo này”.

2.2.2 Công giáo hội nhập văn hoá Việt

Trước hết, phải khẳng định không phải sau Công đồng Vaticanô 2, ở Việt Nam mới diễn ra tiến trình hội nhập văn hoá dân tộc mà ngay từ khi tôn giáo này du nhập vào Việt Nam. Bằng chứng là những tín hữu đầu tiên ở Thăng Long đã dùng thể thơ lục bát để ghi lại sự tích trong Kinh thánh. Ngày Tết, các gia đình Công giáo vẫn dựng cây nêu nhưng phía trên ngọn có thêm hình Thánh giá. Ngày lễ Lá, người ta dùng lá dứa thay cho lá ôliu... Hơn nữa tiến trình này cũng có sự hướng dẫn của Giáo hội chứ không phải là hoàn toàn đơn phương, tự phát.

Rõ nhất là bản Monita ad Misinarios (Nhấn nhủ các thừa sai) mà Bộ Truyền giáo đức tin đã trao cho hai Giám mục tiên khởi là Francois Pallu và Lambert de la Motte đến Việt Nam năm 1659. Bản Monita viết:

“Chư huynh đừng bao giờ muốn sửa đổi, đừng tìm lý lẽ nào để buộc dân chúng sửa đổi những phép xã giao, tập tục, phong hoá của họ trừ khi nó hiển nhiên mâu thuẫn với đạo thánh và luân lý. Có gì vô lý và bỉ ổi hơn mang theo cả nước Pháp, Tây Ban Nha, ý hay bất cứ nước nào khác bên trời Âu sang cho dân á Đông chăng? Không phải mang thứ ấy cho họ mà là mang chân lý đức tin, một chân lý, không loại trừ nghi lễ và tập tục của bất cứ dân tộc nào, cũng không xúc phạm đến nghi lễ, tập tục ấy, miễn là chúng không xấu; ngược lại chân lý ấy muốn người ta bảo tồn và duy trì chúng là đàng khác”.

Thứ hai, tiến trình hội nhập văn hoá dân tộc của đạo Công giáo diễn ra trong thời gian dài với nhiều thăng trầm kể cả xung đột, bi kịch và phải trả giá khá đắt nhất là giai đoạn dưới triều Nguyễn ở nước ta. Đồng thời, dưới chế độ thực dân, không phải là thời kỳ thuận lợi để tôn giáo này hội nhập văn hoá dân tộc. Bởi một trong các điều kiện để hội nhập của đạo Công giáo là phải xây dựng được đội ngũ giáo sĩ người Việt. Thế nhưng, không ít thừa sai nước ngoài ngăn cản phong chức linh mục nhất là giám mục cho người Việt. Vì vậy, nếu lấy năm 1533 như Khâm định Việt sử thông giám cương mục ghi là năm đạo Công giáo được du nhập vào Việt Nam thì 135 năm sau tức năm 1668 mới có người Việt đầu tiên là linh mục và 400 năm sau mới có giám mục người Việt đầu tiên (năm 1933). Còn số lượng cũng rất hạn chế, từ năm 1863 đến năm 1945 chỉ có 153 tu sĩ người Việt được truyền chức linh mục, năm cao nhất là năm 1937 có 10 tân linh mục. Không ít lần chính quyền thực dân Pháp cũng muốn thay đạo Công giáo Việt Nam bằng đạo Tin Lành và thay cả các cơ sở từ thiện của Công giáo bằng cơ sở của Nhà nước. Ngày 14-5-1904, Thống sứ Bắc Kỳ Foures đã báo có với viên Toàn quyền Beau như sau: “Các cơ sở y tế tại các dòng tu phục vụ rất tốt. Hiện nay, hầu hết các bệnh viện dân bản xứ vẫn dùng các nữ tu S. Paul. Tìm các điều dưỡng viên là dân thường đảm nhiệm các công việc ấy cùng với một mức lương đó là điều rất khó. Bên giáo dục từ lâu nay, các dòng tu đã

mở và điều hành được những trường tốt nhất, có thể nói là duy nhất...Mua lại các cơ sở ấy, hoặc xây dựng các cơ sở tương đương, thay thế nhân sự các dòng tu đang phục vụ tại các bệnh viện và nhà trường sẽ đưa đến hậu quả thảm hại cho ngân sách địa phương. Chính quyền không thể làm được các việc như các dòng tu đã làm mà còn là gánh nặng ghê gớm đối với tài chính quốc gia” .

Mặc dù trải qua những sóng gió gập ghềnh nhưng với tinh thần dân tộc của rất nhiều thế hệ người Công giáo, tôn giáo này đã hội nhập được với văn hoá dân tộc để tạo ra một tôn giáo gần gũi với người Việt từ kiến trúc, nghi lễ, lối sống đến nghệ thuật, phụng vụ Công giáo.

Bên cạnh các nhà thờ kiến trúc kiểu gothic, roman cũng có rất nhiều nhà thờ “Nam” mang đậm phong cách dân tộc như nhà thờ lớn Phát Diệm Ninh Bình) rất gần với kiến trúc đình chùa. Nhà thờ Cam Ly (Đà Lạt) dáng dấp như ngôi nhà sàn của đồng bào Thượng. Nhà thờ Pleichuet (Gia Lai) lại thiết kế như ngôi nhà rộng của người Jrai, Bahnar... Đồng thời ngay cả các kiến trúc theo phương Tây như nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, nhà thờ Phú Nhai (Nam Định), nhà thờ lớn Hà Nội... người ta vẫn nhận ra bản sắc văn hoá dân tộc qua bàn tay thi công khéo léo của người thợ Việt. Nhà thờ nào cũng có kiến trúc phụ như núi đá, hồ ao, cây xanh như vũ trụ thu nhỏ theo triết lý của người phương Đông “thiên địa nhân nhất thể”. Các bức chạm khắc ở nhà thờ cũng đủ đào, cúc, trúc, mai; long ly, quy, phượng. Các gian nhà thờ cũng chọn con số lẻ 5,7,9. Còn chỗ ngồi trong nhà thờ thì chia ra “nam tả, nữ hữu”. Đây là điều chỉ thấy ở Việt Nam.

Quan sát một đám rước của người Công giáo cũng không khác rước làng bao nhiêu. Cũng trống, kèn, hội bát âm, cờ ngũ sắc. Cũng chú lùn đi kheo, múa trống. Các ông cũng khăn xếp, áo the. Các bà cũng áo dài tứ thân, nón lá. Có khác là thêm hội kèn Tây. Nhà người Công giáo bây giờ cũng thắp hương, bày hoa quả trước di ảnh người quá cố. Tại nhà thờ, tín hữu còn viết lời khẩn nguyện ra giấy và đốt trước tượng ảnh nữa.

Trần trở với nghệ thuật dân tộc, các họa sĩ, nhạc sĩ Công giáo cũng đã sáng tạo ra nhiều tác phẩm thuộc nghệ thuật thánh được dư luận đánh giá cao như các bức Madalena dưới chân Thập giá của Lê Văn Đệ, Đức Mẹ Việt Nam

của Nam Phong, Giảng sinh của Nguyễn Gia Trí hay các nhạc phẩm Đêm đông của Hải Linh, Kinh hoà bình của Kim Long... Qua các tác phẩm đó, hình ảnh các thánh nhân đã mang vóc dáng người Việt và các làn điệu dân ca từ quan họ Bắc Ninh trữ tình đến các giai điệu Jarai, Bahnar bốc lửa đều có thể tìm thấy ở thánh nhạc.

Buổi đầu, các giáo sĩ theo giáo lý tôn giáo độc thần duy nhất vì vậy những người tiên bộ như Đắc Lộ vẫn coi tất cả các tôn giáo khác là mê tín là tà đạo và không chấp nhận nghi thức thờ cúng tổ tiên. Nhưng đó là điều khác với truyền thống văn hoá dân tộc. Bây giờ, đạo Công giáo gọi các tôn giáo khác là “tôn giáo bạn”. Người Công giáo được kết hôn với người khác đạo. Đây là điều mơ ước của bao đôi trai gái trước đây:

*“Amen, lạy Đức Chúa Trời
Cầu cho bên đạo bên đời lấy nhau”*

Tại rất nhiều vùng quê, người Công giáo và không Công giáo sống chan hoà với nhau mà người ta gọi một danh từ rất hay là “làng xôi đỗ”. Người Công giáo vẫn đến chùa ngày Phật đản, người không Công giáo lại đến chia vui với người Công giáo ngày châu lượt và còn đóng góp cả tiền để sửa nhà thờ nữa.

Một số người vẫn cáo buộc đạo Công giáo phổ biến chữ quốc ngữ làm đứt đoạn văn hoá dân tộc. Thế nhưng chính các sĩ phu của nhóm Đông kinh nghĩa thực đã hết sức cổ vũ cho việc học chữ quốc ngữ và coi đó là một kế sách để mở mang dân trí. Việc bỏ chữ Hán, chữ Nôm không phải lỗi của Công giáo. Từ năm 1910, Thống sứ Bắc Kỳ ra nghị định buộc phải dùng chữ quốc ngữ trong giấy tờ hành chính và trong thi cử nên chữ Hán và chữ Nôm mai một dần. Nhưng ở nhiều chủng viện vẫn buộc chủng sinh phải học chữ Hán, chữ Nôm. Kho tư liệu về chữ Hán Nôm Công giáo để lại ngày nay cũng rất đồ sộ. Nhiều tác giả như Majorica (1591-1656) đã viết 45 tác phẩm chữ Nôm với 1,2 triệu chữ.

Yêu nước là truyền thống của người Việt. Vì vậy yêu nước cũng là nét đặc trưng của người Công giáo. Bởi họ đã là người Việt trước khi trở thành tín đồ. Chính điều này đã tạo ra phong trào yêu nước của người Công giáo ngày càng sâu rộng. Ngay lúc đạo Công giáo bị cấm, Nguyễn Trường Tộ vẫn trăn trở

dâng lên triều đình 58 bản điều trần những mong nước mạnh để có thể đánh đuổi Pháp xâm lược. Tiếp đó, nhiều người Công giáo đã theo Phan Bội Châu làm cách mạng và có người đã phải bị tù đày ở Côn đảo như các linh mục Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Thần Đồng, Đậu Quang Lĩnh. Ngay những ngày đầu tháng 8-1945, nhiều người Công giáo đã ủng hộ cách mạng và giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Chính phủ, Quốc hội. Trong hai cuộc kháng chiến cũng như công cuộc đổi mới hiện nay, người Công giáo vẫn chủ trương “đồng hành cùng dân tộc”, là công dân tốt và cũng là người Công giáo tốt.

Công giáo Việt Nam ngày nay là sản phẩm của sự giao lưu giữa văn hoá phương Tây và văn hoá dân tộc. Đây là thành công trong việc mở cửa giao lưu với quốc tế nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hoá dân tộc. Điều này, có thể giúp chúng ta không quá lo lắng khi hội nhập với thế giới hôm nay để có thể vừa “chớp được thời cơ vàng” nhưng có thể vượt qua “thảm hoạ đen”.

Từ giữa thế kỷ XVI, trên đất nước Việt Nam xuất hiện tôn giáo mới-Công giáo. Quá trình truyền giáo, phát triển đạo vào Việt Nam, Công giáo có đặt ra vấn đề hội nhập văn hóa Ki Tô giáo với văn hóa Việt Nam hay không? Có thể nói về mặt quan phương, Công giáo trước Công đồng Vatican II (1962-1965) không quan tâm đến các nền văn hóa của dân tộc mà nó truyền giáo. Vì vậy, Công giáo cũng không quan tâm đến vấn đề hội nhập văn hóa các dân tộc, trong đó có Việt Nam. “Hậu quả là nhiều cộng đoàn Ki Tô giáo tại Á châu sống bên lề những nền văn minh, nơi mà những cộng đoàn Ki Tô này phải làm chứng cho những giá trị Phúc âm”.

Hội nghị Giám mục Á châu kỳ đại hội tại Manila khi bàn đến vấn đề hội nhập, trong lời tuyên ngôn có đoạn: “Chúng tôi phải lấy làm tiếc mà nhìn nhận rằng, chúng tôi cũng thiếu sót. Chúng tôi đã không thể hiện một đời sống Ki Tô hữu và không làm cho hội thánh trở thành xa lạ trong quốc gia chúng tôi”. Từ nhận định trên, Hội nghị giám mục Á châu đi đến quyết định: “Chúng tôi hứa sẽ phát huy một nền thần học địa phương và làm tất cả những gì chúng tôi có thể làm được để đời sống sứ điệp của tin mừng được nhập thể hơn bao giờ hết vào các nền văn hóa phong phú và lâu đời

của Á châu, có thể góp phần phát huy những gì thực sự nhân bản trong nền văn hóa đó (Nghị quyết 13).

Như vậy, cho đến tận cuối thế kỷ XX về mặt quan phương giáo hội Công giáo mới chính thức đưa ra quan điểm và thực hiện “ hội nhập” văn hóa Ki Tô giáo với văn hóa các dân tộc Á châu, trong đó có Việt Nam.

Trước hết, khi truyền sang Việt Nam, Công giáo đã đóng vai trò là cầu nối chuyển tải những thành tố của văn minh phương Tây đến văn hoá Việt Nam. Các giáo sĩ đến truyền giáo ở nước ta lúc đó đều là những người được đào tạo chính quy trong các chủng viện, đại chủng viện, do đó rất nhiều người có trình độ uyên thâm và có những cống hiến nhất định trong việc chuyển tải văn hoá, văn minh tới vùng đất ngoại.

Thứ hai, sự du nhập của Công giáo đã tạo ra một loại hình chữ viết mới ở Việt Nam, đó là chữ quốc ngữ. Kể từ lúc ra đời cho tới cuối thế kỷ XIX, chữ Quốc ngữ đã dần dần được hoàn thiện từng bước nhằm phục vụ cho công cuộc truyền giáo như in kinh bản và các sách giáo lý. Nó cũng là phương tiện ghi chép những hoạt động của các giáo sĩ và giáo dân. Như vậy, trải qua hơn hai thế kỷ sau khi ra đời, phạm vi sử dụng của chữ Quốc ngữ không chỉ hạn chế trong khuôn khổ nhà thờ và giáo dân.

Đây là một trong những đóng góp quan trọng nhất của các giáo sĩ đạo Công giáo đối với văn hoá Việt Nam. Tuy đóng góp này nằm ngoài ý thức chủ quan của các nhà truyền đạo nhưng nhìn từ góc độ giao lưu văn hóa, với việc tạo lập một dạng chữ viết có ưu điểm hơn hẳn những dạng chữ viết trước đó, các nhà truyền đạo đã có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của nền ngôn ngữ Việt Nam.

Cùng với việc truyền bá Công giáo, các giáo sĩ đã du nhập vào Việt Nam rất nhiều thành tựu của kỹ thuật hiện đại phương Tây, trong đó một ngành công nghệ có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển của văn hoá Việt Nam được các giáo sĩ Thừa sai đưa vào Việt Nam khá sớm: đó là ngành in. Cùng với việc sáng tạo ra chữ Quốc ngữ, sự du nhập công nghệ in hiện đại vào Việt Nam

đã góp phần làm thay đổi diện mạo văn hoá bản địa những năm đầu thế kỷ XIX, đặc biệt trên lĩnh vực báo chí.

Không những chỉ làm thay đổi diện mạo văn hoá Việt Nam trên bình diện chữ viết và báo chí, Công giáo khi du nhập vào nước ta còn góp phần làm đa dạng hoá kiến trúc ở Việt Nam với sự du nhập của nghệ thuật kiến trúc nhà thờ phương Tây. Và đặc biệt, sự du nhập này đã tạo ra một sự giao lưu, hoà quyện văn hoá hết sức độc đáo.

Lối kiến trúc gôgích với hình tháp nhọn, vòm mái đòi hỏi kỹ thuật xây dựng khác hẳn với lối kiến trúc truyền thống của người Việt. Qua việc xây dựng những công trình kiến trúc này, những người thợ Việt Nam có cơ hội được tiếp cận với kỹ thuật xây dựng của phương Tây: lối trang trí, họa tiết trong nhà thờ châu Âu như trang trí mặt tiền nhà thờ, trang trí cửa sổ, cửa ra vào, trang trí tháp chuông, vòm nhỏ hai bên hông và vòm lớn trên cung thánh, nơi đặt tượng Chúa, tượng Đức Mẹ Maria và các Thánh.

Bên cạnh đó là các nhà thờ theo lối kiến trúc kết hợp Đông -Tây Sự xuất hiện của nhà thờ Công giáo ở Việt Nam đã du nhập những phong cách kiến trúc mới, vật liệu xây dựng mới. Trên cơ sở lối kiến trúc phương Tây, người thợ Việt Nam tài hoa đã tạo ra những kiểu dáng mới, tiêu biểu là loại hình kiến trúc nhà thờ Nam - một sáng tạo trong kiến trúc Công giáo Việt Nam. Đây được coi là một tư liệu sống động về sự hội nhập văn hoá.

2.2.3 Giáo sĩ có những hoạt động tích cực để hội nhập văn hóa Việt Nam A Lịch Sơn Đắc Lộ

Lịch sử hội nhập nghi lễ Công giáo trong văn hóa Việt Nam không thể không nhắc đến trường hợp A Lịch Sơn Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes).

A Lịch Sơn Đắc Lộ, người gốc Do Thái, sinh ngày 15-3-1593 tại nước Pháp, tỉnh Avignon, thuộc hạt Comtat Venaissin, trong một gia đình vốn nhiều đời quý phái. Tuổi thơ và tráng niên của ông được tắm mình trong những lâu đài tráng lệ cổ kính và bầu không khí đạo đức ảnh hưởng lối giáo dục dòng Tên. Ngày 14-4-1612, Đắc Lộ vào nhà tập dòng Tên ở

Rôma. Năm 1618, Đắc Lộ được thụ phong linh mục khi mới tròn 25 tuổi. Ngay sau khi chịu chức linh mục, giáo sĩ Đắc Lộ được cha bề trên cả dòng Tên là Vitelleschi truyền lệnh đi truyền giáo ở Viễn Đông.

Ngày 4-4-1619, giáo sĩ Đắc Lộ cùng 5 giáo sĩ dòng Tên khác đáp tàu “Thánh Têrêsa” rời Lisbon (Bồ Đào Nha), ghé qua đảo Goa của Ấn Độ một thời gian, rồi đi ngang qua Malacca (Malaixia), Áo Môn (Trung Hoa) sau cùng đến Thuận Hóa (Việt Nam) cuối tháng chạp năm 1624. Ở Việt Nam một thời gian dài, khi ra Đàng Ngoài, lúc vào Đàng Trong. Cùng với hoạt động truyền giáo, giáo sĩ Đắc Lộ đã có những đóng góp nhất định trên phương diện hội nhập văn hóa.

Hoạt động thích nghi và hội nghi lễ Công giáo với văn hóa Việt Nam của Đắc Lộ trước hết là việc ông học tiếng Việt để truyền bá phúc âm bằng tiếng Việt. Ông học tiếng Việt “chăm chỉ như khi học thần học ở Rôma”.

Nhờ nói được tiếng Việt mà ông có điều kiện học hỏi văn hóa Đại Việt, tìm ra hướng đi hội nhập, trực tiếp truyền bá Phúc âm bằng tiếng Việt cho người Việt lĩnh hội.

Việc làm “Việt hóa” của Đắc Lộ còn thể hiện ông luôn ăn mặc như người Việt: Áo thụng, quần ta, tóc dài, ông chấp nhận để dân chúng gọi mình bằng Thầy gần gũi với người Việt về tôn xưng và thuộc về khuôn mẫu Quân, sư, phụ đáng kính theo quan niệm lúc bấy giờ. Đắc Lộ ứng xử, giao tiếp với nhà vua, quan lại và bình dân theo phong cách người Việt: Vào chầu Vua cúi đầu sát đất, dâng đồ lễ vật.

Tiến hành truyền giáo phát triển đạo Công giáo một tôn giáo còn rất xa lạ với người Việt Nam lúc bấy giờ, Đắc Lộ đã rất cố gắng trong việc chuyên giữ cho gần gũi với người Việt để họ dễ hiểu mà vẫn giữ được ý nghĩa thần học. Về gọi tên Thiên Chúa, kế thừa người đi trước, nhưng ông không theo họ mà đã tìm ra một từ hoàn toàn mới gần với cách hiểu của người Việt- Đức chúa trời đất về sau giảm lược thành Đức Chúa Trời. Cụm từ này được ông giải thích rất rõ trong cuốn từ điển Việt- Bồ - La. Nhều

khái niệm của Ki Tô giáo được ông diễn tả bằng những từ tiếng Việt hoàn toàn mới như: Thiên thần, linh hồn, thiên đàng, hỏa ngục, tội tổ tông, rửa tội, xúc trần, thầy cả, kẻ giảng. Ông cũng biết dựa vào những tiếng Việt có sẵn, nhưng lại cho nó nghĩa của Ki Tô giáo như: Sinh thì, địa ngục, ma quỷ, tội lỗi...

Một trong những đóng góp quan trọng của Đắc Lộ về hội nhập là ông thích nghi những nghi lễ Công giáo với văn hóa Việt Nam. Đó là thích nghi việc cử hành nghi lễ rửa tội. Đó là thích nghi trong mùa chay và tuần thánh.

Mùa Chay, mùa Công giáo kỷ niệm sự kiện Chúa Giêsu bị bắt, bị hành hình. Trung tâm của mùa chay là tuần thánh tưởng niệm sự thương khó của chúa Giêsu. Để tưởng niệm có kết quả, Đắc Lộ đã chia sự thương khó thành 15 chặng thương khó Chúa Giêsu với các nghi lễ ngắn và các hình thức diễn tả bằng giọng đọc...

Những hình thức tưởng niệm thánh quan thầy xứ họ đạo hoặc một số lễ trọng Công giáo được tổ chức như hội làng của người Việt không Công giáo với các cuộc di kiệu rầm rộ, vui văn nghệ, thi kinh bản ...

Để có tài liệu rao giảng, Đắc Lộ đã soạn cuốn Phép giảng tám ngày. Tiến trình trình bày giáo lý được phản ánh trong 8 bài giảng của Đắc Lộ:

Ba bài đầu nói về việc Chúa tạo dựng trời đất.

Bài bốn nói về nạn hồng thủy và ba tôn giáo ở Việt Nam.

Bài năm và sáu nói về Thiên Chúa Ba Ngôi, ngôi Hai nhập thể và giảng đạo.

Bài bảy nói về cuộc tử nạn, phục sinh của chúa Ki Tô và sự hiện xuống của thánh thần.

Bài tám nói về 10 giới răn, thiên đàng, hỏa ngục, bi tích rửa tội.

Trong phép giảng tám ngày, Đắc Lộ cố gắng diễn tả sứ điệp Chúa Ki Tô vốn là những khái niệm triết học Tây phương nhiều khi xa lạ với người Việt bằng những quan niệm đang có của người Việt. Dựa vào bậc thang

quan hệ quân, sư, phụ của người Việt, Đắc Lộ đưa ra thần học tam phụ (cha, cha, cha).

Trong cuốn Phép giảng tám ngày, Đắc Lộ viết: “Bây giờ ta phải hay có ba đấng bề trên là ba cha, Ta phải thờ ở đấng nào cho nên đấng ấy. Đấng dưới là cha mẹ sinh ra thân xác ta, đấng giữa là vua chúa trị nước, đấng trên là Đức Chúa trời đất, làm chúa thật trên hết mọi sự. Có ba đấng này ta mới được sống được ở”.

Những ngôn ngữ như “sinh ký tử quy” hoặc thành ngữ “quê cha đất tổ” được Đắc Lộ vận dụng vào giảng giáo lý với một nội hàm Công giáo.

Quan niệm của người Việt theo Phật giáo về cuộc sống là “sống gửi, thác về” – sinh ký, tử quy được hiểu theo nghĩa khác là về nhà Cha lên Thiên đàng.

Hoặc thành ngữ “quê cha đất tổ” được mang ý nghĩa Công giáo nói về quê hương đích thực trên đời.

Có thể nói Đắc Lộ là một điển hình về sự hội nhập nghi lễ Công giáo trong văn hóa Việt Nam.

2.2.4 Những biểu hiện cụ thể của hội nhập nghi lễ Công giáo trong văn hóa Việt Nam

Mỗi tôn giáo đều có nghi lễ thờ phụng. Nghi lễ được biểu đạt với các hình thức khác nhau. Như: cúng, bái, niệm, tế, lễ, hát chầu thánh... Công giáo cũng có những nghi lễ thờ phụng như hát kinh, hát thánh ca, đọc sách thánh.

Đọc kinh, hát kinh, hát thánh ca là những nghi thức phụng vụ Công giáo. Nghi thức này có từ lâu đời, ổn định vào ba thế kỷ đầu của Công giáo.

Vào thời điểm trước năm 1945 ở nhà thờ Công giáo Việt Nam các nghi lễ do chủ tế thực hiện bằng tiếng Latinh đã hạn chế rất nhiều đến việc tiếp thụ cảm nhận. Tình hình đó dẫn đến việc xuất hiện một linh mục tên Vượng, linh mục nhà thờ thành phố Nam Định dựa vào các điệu nhạc ngoại quốc, viết lời Việt, tạo nên bài hát Việt. Người đương thời lúc đó gọi

là sách hát cha già Vương. Linh mục đã ấn hành chừng 10 cuốn ca thánh, mỗi cuốn có chừng trên dưới 20 bài. Thời điểm ấn hành vào khoảng năm 1943. Một điều đáng khâm phục vị linh mục già xứ Nam Định là ông đã lấy cả nhạc điệu cổ truyền Việt Nam từ lưu thủy đến hành vân, từ điệu Nam ai đến hát hò...

Việc làm của linh mục Vương được xem như là sự kiện đánh dấu một thời kỳ mới cho tiến trình thánh nhạc Việt Nam. Ở đó các bài thánh ca được sáng tác bằng lời Việt, giai điệu được biến tấu từ những làn điệu dân ca cổ truyền. Có thể xem đó là biểu hiện của sự hội nhập văn hóa.

Sự xuất hiện của nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh đã tiếp bước một cách vững chắc đường trường thánh nhạc Việt Nam. Từ những bài hát đầu tiên của Nguyễn Khắc Xuyên những bài thánh ca của nhạc đoàn dần dần nhiều lên với cung thánh 1(1945) cung thánh 2 (1946) cung thánh 3 (1946) cung thánh 4(1949) cung thánh 5(1949) cung thánh 6 (1949) cung thánh 7 và 8 (1950) cung thánh 9 (1951) cung thánh 10(1951) cung thánh 11 (1952). Các cung thánh trên về sau được tuyển chọn gọi là hợp tuyển cũng gọi là cung thánh 10 gồm 65/ 102 bài. Cùng với sự ra đời của các cung thánh là sự trưởng thành của những nhạc sĩ sáng tác, và việc xuất hiện những nhạc đoàn mới như nhạc đoàn Sao Mai ở Bùi Chu, nhạc đoàn Phát Diệm.

Sau năm 1954, di cư vào Nam, nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh vẫn tiếp tục phát huy vai trò với các cung thánh 12, 13, 14, 15... Năm 1975 Lê Bảo Tịnh cho ấn hành Cung thánh tổng hợp tân biên gồm 174 bài. Một số bài hát trong “ Cung thánh tổng hợp tân biên” được dựa trên giai điệu dân ca cổ truyền mà người khéo léo vận dụng là Hùng Lân.

Cùng với thời gian, dòng thánh nhạc Công giáo đã dần dần xác định được vị trí của mình. Khởi nguyên của nó ban đầu là một sự lai căng, mượn nhạc Rôma có sẵn đưa lời Việt vào, đến chỗ sáng tác bằng lời Việt. Đặc biệt các nhạc sĩ Công giáo đã biết kế thừa nền âm nhạc cổ truyền dân tộc, đưa nội dung kinh thánh vào đó, tạo nên thánh ca mang âm hưởng, tâm linh người Việt. Đó chính là sự hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa

Việt Nam. Từ sau cộng đồng Vatican II tiến trình hội nhập văn hóa trên lĩnh vực âm nhạc càng được thúc đẩy mạnh mẽ, nhiều bản thánh ca mang âm hưởng dân ca các miền, dân ca các dân tộc Việt Nam được ra đời.

Sự xuất hiện của mảng sách Nôm và kinh Nôm(hoặc Việt ngữ) cùng với những cung sách, giọng đọc một mặt tạo điều kiện cho tất cả các tín đồ nghe hiểu, cùng tham dự, mặt khác nó truyền tải được tâm linh, lòng sùng kính của giáo dân đối với Thiên chúa, với Đức Maria và các thánh. Việc soạn và in ấn một loạt sách Nôm đã cho ra đời một mảng sách mà các nhà nghiên cứu Công giáo gọi là Nôm đạo. Nôm đạo đóng góp một phần vào kho tàng Hán Nôm Việt Nam. Việc thể hiện cách đọc sách, đọc (câu) kinh bằng các cung sách, cung điệu khác nhau là một sáng tạo của tín đồ trong phụng vụ, làm phong phú thêm các hình thức cầu nguyện, lễ lạy trong mỗi thánh lễ, mỗi mùa phụng vụ. Đó cũng là kế thừa hoặc hội nhập văn hóa truyền thống Việt Nam, kế thừa hình thức, nghi lễ của các tôn giáo truyền thống Việt Nam. Ở đó còn có dư âm của các làn điệu dân ca được luyện láy, ngâm nga với những chữ í i, í i i, í i i....

Múa hát dâng hoa là một trong những nghi lễ Công giáo gắn quyền với văn hóa truyền thống Việt Nam. Đó là sự cải biên các làn điệu dân ca, là mô phỏng các điệu múa dân gian, múa chèo, là xếp chữ hay xếp hình tượng khi múa hát giống như trò kéo chữ trong lễ hội truyền thống của người Việt. Vì vậy múa hát dâng hoa vừa mang yếu tố nghi lễ Công giáo, vừa thấm đượm yếu tố văn hóa cổ truyền. Nếu như hát dâng hoa điệu nhạc được cải biên từ những làn điệu dân ca các miền đất nước thì múa hát dâng hoa cũng được biên đạo từ những điệu múa dân gian của người Việt, thường là mô phỏng những điệu múa trog hát chèo. Con hoa tay cầm chiếc quạt chèo truyền thống uốn lượn các ngón tay, cổ tay, cánh tay. Bàn chân, khuỷu chân nhún nhẩy, có lúc chỉ đi bằng năm đầu ngón chân như đi xuyên đất, nhẹ êm; lại có lúc một chân làm trục để xoay người. Ở những đoạn lời ca ngừng nhịp hai phách, bốn phách, tám phách là những lúc con hoa thể hiện nhiều động tác múa, xoay chuyển đội hình ở khu vực dâng

hoa. Trong hội làng truyền thống của người Việt, có trò chơi kéo chữ. Còn trong múa hát dâng hoa của đạo Công giáo Việt Nam, thì đội hình được di chuyển, sắp xếp theo biểu tượng thập giá, hình mặt trăng, ngôi sao (Đức Mẹ là mặt trăng, là ngôi sao biển), hình mỏ neo (Đức Mẹ là nôm trong cây), hình triều thiên. Hoặc đội hình múa hát dâng hoa xếp theo chữ A và M (Chữ đầu của Ave Maria- Kính mừng Maria)...

Tế giao thừa, tế hoa là những lễ thức tôn giáo Công giáo mang đậm màu sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Ở đây có sự hài hòa đến nhuần nhuyễn giữa y phục, lễ điệu, nhạc lễ, nhạc điệu và lời ca. Thánh lễ đã đánh động tâm linh từng con người, vọng dội trong họ để họ cảm nhận mình là người Việt sống đạo Chúa. Điều đáng chú ý là, ngay từ trước khi có Công đồng Vatican II, nghĩa là trước khi có sự cho phép chính thức của Tòa thánh La Mã về việc hội nhập văn hóa thì tín đồ Công giáo đã biết kế thừa, biết tuyên chọn từ văn hóa truyền thống Việt Nam để đưa vào các nghi lễ Công giáo.

Trong nghi lễ “Ngày thứ sáu tuần thánh” của đạo Công giáo. Là lễ kỷ niệm Chúa Giêessu chịu chết, cũng có nhiều hình thức diễn xướng nơi nhà thờ Công giáo. Người ta diễn lại cảnh Chúa Giêsu bị điệu đến núi Calvaire để chịu án đóng đinh trên thập giá; Cai pha lột áo Chúa; Đức Maria lòng quặn đau chứng kiến cảnh con mình bị hành quyết. Tiếp theo là cảnh hạ xác Chúa, đưa đi táng xác. Lối diễn tả Chúa chịu chết vừa mang tính tả thực, vừa mang tính ước lệ. Đó là một thánh lễ bằng hình ảnh sống động, là những tang phúc âm sống. Nói cách khác nó làm sống dậy những trang phúc âm mà 90 % dân Việt thời bấy giờ do mù chữ không đọc được. Lối diễn xướng như vậy dễ hiểu, dễ nhớ mà đánh động tâm can của mọi người tham dự. Trong lễ hội truyền thống của người Việt lối diễn xướng vừa tả thực vừa mang tính ước lệ có từ lâu đời.

Tín đồ Công giáo- cư dân Việt vẫn chịu sự chi phối của văn hóa truyền thống Việt Nam, cụ thể là văn hóa làng với những lễ thức sinh hoạt hội hè truyền thống vốn đã ăn sâu vào tâm thức người Việt. Ở làng Công

giáo, tên làng được đặt cho tên xứ, tên nhà thờ: Làng Phú Nhai- Xứ Phú Nhai- Đền Thánh (nhà thờ) Phú Nhai; Làng Phát Diệm- Xứ Phát Diệm – Nhà thờ Phát Diệm. Thánh quan thầy của xứ họ đạo vì vậy đồng nghĩa là lễ thánh quan thầy làng đạo. Ở các làng Công giáo xứ đạo miền Bắc, miền Trung lễ thánh quan thầy xứ đạo tương đương như một lễ hội, ở đó có phần lễ và phần hội. Lễ hội Công giáo thường diễn ra trong khuôn viên nhà xứ, ít có lễ hội vượt ra khỏi làng Công giáo- xứ đạo. Trong lễ hội, nhà thờ là trung tâm điểm. Không gian nhà thờ là không gian thiêng của làng giáo- xứ đạo.

Ở nhiều làng Công giáo- xứ đạo thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ; tuy không quan niệm nhà thờ là ngôi đình làng nhưng thánh quan thầy làng giáo- xứ đạo được cư dân xem là thần hoàng làng. Ngày kỷ niệm thánh quan thầy là ngày kỷ niệm thần hoàng làng. Đó không phải là ngày lễ trọng nhưng lại là một trong những ngày vui tươi, náo nhiệt của làng giáo- xứ đạo.

Nghi lễ múa mỗ của Công giáo thường ở một số ngày như lễ trọng, lễ thánh quan thầy ở các xứ đạo. Mỗ là một loại nhạc cụ của người Việt- nhạc cụ này giản đơn, dễ làm, dễ sử dụng. Mỗ không chỉ có mặt trong các tiếng chèo, trong các hội làng Bắc- Trung- Nam, mà mỗ còn “ vươn ra ngoài xã hội”. Làng Việt dùng Mỗ mở đầu cho rao báo việc làng, tiếng mỗ kèm với tiếng tù và để hộ đê, tiếng mỗ cùng với tiếng trống khua rền vang đuổi trộm cướp, xua giặc giã, giữ bình yên làng xóm. Ở miền Nam trong các ngôi đình cùng với trống là mỗ được sử dụng trong tế lễ tế thần, cầu cho quốc thái dân an, phong đăng, hòa cốc.

Cũng như làng Việt, làng Công giáo ở vùng đồng bằng Bắc Bộ xưa kia dùng mỗ báo việc làng, việc xứ. thường thì khi “ hàng” xứ hay họ đạo có việc, một người được xứ đạo hay họ đạo cử đem mỗ để gõ kèm theo lời rao. Múa mỗ vốn là một trò trong sinh hoạt văn hóa dân gian của làng Việt vùng Đông Bắc Bộ xưa kia. Làng Việt Công giáo đã tiếp thu kế thừa đưa

vào nghi lễ Công giáo. Tiếp thu kế thừa có sáng tạo như đã tạo ra mỗ cá, có một tổ giữ trật tự...

Một số nghi lễ Công giáo khi du nhập vào Việt Nam dần dần được người Việt Nam Công giáo biến thành nghi lễ của mình như lễ cầu mùa, lễ cầu bằng yên, lễ đón tết nguyên đán...Lễ cầu mùa và lễ bằng yên có nguồn gốc từ nước ngoài, song khi truyền vào Việt Nam, nó được mang những nội dung mới, trở thành lễ thức nông nghiệp của cư dân trồng lúa nước, mùa màng trông chờ nhiều vào thời tiết. Ở những làng Công giáo ven biển như xứ Nhượng Bạ (Hà Tĩnh) lễ cầu mùa được gắn với lễ cầu ngư. Tuy mang những nội dung khác nhau, nhưng lễ cầu mùa và lễ cầu bằng yên là sự tiếp biến văn hóa Ki Tô giáo của làng Việt Công giáo.

Lễ hội Công giáo vì vậy trở thành một bộ phận của lễ hội truyền thống Việt Nam, ở đó lưu giữ một số nội dung của lễ hội truyền thống Việt Nam, làm phong phú thêm lễ hội truyền thống Việt Nam, nơi mà nó bắt nguồn, nó được nuôi dưỡng.

Tiểu kết chương 1

Cho đến nay, Công giáo đã có lịch sử trên 400 năm ở Việt Nam. So với Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo thì Công giáo là một tôn giáo đến muộn, tuy nhiên trải qua thời gian, văn hoá Công giáo vẫn có một chỗ đứng nhất định trong văn hoá Việt Nam, có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của văn hoá Việt Nam. Những đóng góp của Công giáo đối với văn hoá dân tộc Việt Nam thể hiện trên rất nhiều lĩnh vực: lối sống đạo, ngôn ngữ - chữ viết, báo chí, văn chương, kiến trúc...

Có thể nói, quá trình du nhập tôn giáo vào Việt Nam là quá trình hội nhập từng tôn giáo với văn hóa Việt Nam và hội nhập giữa các tôn giáo với nhau trên cái trục phong tục, tín ngưỡng, văn hóa Việt Nam, tạo một kết cấu đa nguyên giáo, nhưng lại hòa hợp, đồng hành.

Như vậy, mặc dù mục đích chính là truyền đạo, nhưng với sự du nhập của Công giáo, nền văn hóa Việt Nam đã được giao lưu, hòa quyện văn hóa hết sức độc đáo.

CHƯƠNG 2

LỄ HỘI CÔNG GIÁO

1. Năm phụng vụ và niên lịch Công giáo

1.1 Năm phụng vụ

Năm phụng vụ Công giáo được tính theo Tây lịch. Theo quan niệm Công giáo, trong chu kỳ một năm giáo hội diễn giải toàn bộ màu nhiệm chúa Ki Tô (sinh, truyền đạo, lập giáo hội, chịu chết, phục sinh, trở về trời) và kính nhớ ngày sinh trên trời của các thánh.

Trong chu kỳ một năm giáo hội chia ra các mùa, mỗi mùa có những Chúa nhật là ngày phụng vụ.

Ngày phụng vụ.

Ngày phụng vụ được kéo dài từ nửa đêm hôm trước cho đến nửa đêm hôm sau. Nhưng việc cử hành ngày Chúa nhật và các ngày lễ trọng bắt đầu từ chiều ngày hôm trước

Chúa (chủ) nhật.

Ngày đầu mỗi tuần, gọi là ngày của Chúa hay Chúa nhật. Ngày này giáo hội họp mừng màu nhiệm vượt qua (hay là màu nhiệm phục sinh-sống lại). Vì thế, Chúa nhật được coi là ngày lễ quan trọng nhất. Vì vậy, Chúa nhật chỉ nhường chỗ cho các lễ trọng và các ngày lễ kính Chúa. Chúa nhật mùa vọng, mùa Chay, mùa phục sinh chiếm vị trí ưu tiên. Khi gặp các Chúa nhật này, các lễ trọng sẽ mừng vào ngày thứ hai, trừ khi các lễ đó trùng với Chúa nhật lễ Lá hay Chúa nhật Phục sinh.

Chúa nhật trong tuần Bát nhật giáng sinh, mừng lễ thánh gia thất.

Chúa Nhật sau mồng 6 tháng giêng mừng lễ Chúa Giêsu chịu phép rửa.

Chúa nhật sau lễ Thánh thần hiện xuống mừng lễ trọng kính Chúa Ba ngôi.

Chúa nhật cuối mùa thường niên, mừng lễ trọng kính Chúa Giêsu Ki Tô, Vua Vũ trụ.

Nơi nào các lễ Hiến linh, Thăng thiên, Minh và máu Thánh Chúa Ki Tô không còn là lễ buộc nữa sẽ mừng vào Chúa nhật như ngày riêng của các lễ đó như sau:

Lễ Hiến linh mừng vào Chúa nhật từ mồng hai đến mồng tám tháng giêng.

Lễ Thăng thiên mừng vào Chúa nhật VII phục sinh.

Lễ trọng Kính Mình và Máu Thánh Chúa Ki Tô vào Chúa nhật sau lễ chúa Ba Ngôi.

1.2 Các lễ trọng, lễ kính, lễ nhớ

1.2.1 Lễ trọng (lễ lớn)

Lễ trọng là lễ đặc biệt, được cử hành từ giờ kinh chiều ngày hôm trước. Có hai lễ trọng đặc biệt là lễ Phục sinh và Giáng sinh. Hai lễ này kéo dài tám ngày liên tục. Lễ trọng là lễ kỷ niệm những sự kiện lớn liên quan đến cuộc đời Chúa Giêsu.

1.2.1.1 Lễ phục sinh

Lễ Phục sinh (Easter) được xem là một trong những ngày lễ quan trọng nhất trong năm của người theo Công giáo là lễ thường diễn ra vào tháng 3 hoặc tháng 4 mỗi năm để tưởng niệm sự kiện Phục sinh của Chúa Giêsu từ cõi chết sau khi bị đóng đinh trên thập tự giá, được người Kitô tin là xảy ra vào khoảng thời gian này trong năm 30- 33 SCN. (Phục sinh cũng được dùng để chỉ một mùa trong năm phụng vụ gọi là Mùa Phục sinh, kéo dài 50 ngày từ lễ Phục sinh đến Lễ Hiện xuống).

Trong đạo Công giáo, Chính thống giáo, Tin lành, Anh giáo ngày lễ Phục sinh tất cả rơi vào một Chủ nhật giữa ngày 22 tháng 3 và ngày 25 tháng 4. Ngày kế tiếp, thứ hai được công nhận là ngày nghỉ lễ chính thức của hầu hết các quốc gia có truyền thống Kitô giáo, nhưng không được quy định tại Hoa Kỳ, ngoại trừ trước kia ở một số tiểu bang, tất cả đã được bãi bỏ từ thập niên 1980. Lễ Phục sinh và các ngày nghỉ liên hệ tới nó là những ngày lễ di động, tức chúng không rơi vào một ngày cố định trong lịch Gregorian hay lịch Julian (là những lịch dựa theo sự vận hành của mặt trời và mùa). Thay vào đó nó dựa trên lịch

mặt trăng nhưng không giống hệ lịch Do Thái. Ngày chính xác của lễ Phục sinh thường vẫn còn là đề tài tranh luận.

Vào Công đồng Nicaea thứ nhất năm 325, lễ Phục sinh được quyết định tổ chức vào cùng một chủ nhật trên toàn giáo hội, nhưng có lẽ chưa có phương pháp nào được chỉ định bởi Công đồng (không may là hiện không tìm thấy nguyên văn các quyết định của Công đồng). Thay vào đó, việc chọn ngày dường như tham khảo từ giáo hội ở Alexandria (Ai Cập), một thành phố nổi danh về sự thông thái vào lúc đó. Thành phố này tổ chức lễ Phục sinh vào chủ nhật đầu tiên sau ngày thứ 14 đầu tiên của tháng âm lịch xảy ra vào hoặc sau 21 tháng 3. Trong suốt thời Trung cổ, cách tính này được diễn đạt ngắn gọn là Lễ Phục sinh xảy ra vào chủ nhật đầu tiên sau ngày trăng tròn đầu tiên hoặc sau ngày xuân phân. Giáo hội Công giáo dùng cách riêng để tính ngày Phục sinh cho đến thế kỉ 6, sau đó có lẽ họ chuyển sang phương pháp Alexandria khi đổi sang lịch Julian bởi Dionysius Exiguus (không có bằng chứng rõ ràng về việc này cho đến thế kỉ 9). Hầu hết giáo hội trên các đảo của nước Anh dùng phương pháp Rôma cuối thế kỉ 3 cho đến khi họ áp dụng cách tính Alexandria vào Công đồng Whitby năm 664. Các giáo hội trên lục địa châu Âu ở phía tây dùng cách tính Rôma đến cuối thế kỉ 8 trong triều đại Charlemagne, và cuối cùng họ cũng chuyển sang dùng phương pháp Alexandria. Vì các giáo hội Tây phương (Công giáo, Tin lành, Anh giáo) hiện nay dùng lịch Gregorian để tính ngày, còn các giáo hội Chính thống Đông phương dùng lịch Julian, nên ngày lễ Phục Sinh của họ thường không trùng nhau.

Trong Công giáo, lễ Phục Sinh đánh dấu việc kết thúc 40 ngày chay tịnh – giai đoạn ăn kiêng và sám hối để chuẩn bị cho lễ Phục Sinh bắt đầu vào Thứ tư Lễ Tro và chấm dứt vào khuya Thứ bảy Tuần Thánh.

Tuần trước ngày Phục Sinh là tuần rất đặc biệt trong truyền thống Kitô giáo gọi là Tuần Thánh: Chủ nhật trước đó là Chúa nhật Lễ Lá, và ba ngày cuối cùng trước ngày Phục sinh gọi là Tam Nhật Thánh, bao gồm: Thứ năm Tuần Thánh (Thứ năm Rửa Chân), Thứ sáu Tuần Thánh (Thứ sáu Tốt Lành) và Thứ bảy Tuần Thánh (Thứ bảy Yên Tĩnh). Chúa nhật Lễ Lá, Thứ năm Tuần Thánh

và Thứ sáu Tuần Thánh tập chú và việc tưởng nhớ đến các sự kiện Chúa Giêsu vào thành Jerusalem, bữa Tiệc Ly và Chúa Giêsu bị đóng đinh trên thập giá. Thứ sáu Tuần Thánh, Thứ bảy Tuần Thánh và Chúa nhật Phục sinh đôi khi được gọi là Tam Nhật Phục sinh (hay Tam Nhật vượt qua). Ở một số nước, lễ Phục sinh kéo dài 2 ngày, với ngày thứ hai gọi là "Thứ hai Phục sinh". Nhiều giáo hội bắt đầu lễ Phục sinh vào cuối buổi tối ngày Thứ bảy Tuần Thánh với lễ Vọng Phục Sinh hay Canh thức Vượt Qua.

Mùa Phục Sinh bắt đầu từ Chúa Nhật Phục Sinh và kéo dài đến lễ Hiện xuống vào 50 ngày sau đó.

Quan điểm Công giáo cho rằng Chúa Giêsu tự nguyện hiến mình như là một hành động tuân phục trọn vẹn để đền tội cho sự bất tuân của Adam, do đó ngài tẩy sạch nhân loại khỏi vết ô của nguyên tội (tội tổ tông). Sự hiến tế của Chúa Giêsu là hành động của tình yêu làm vui lòng Thiên Chúa, là lớn hơn tội lỗi loài người đã xúc phạm Thiên Chúa, vì vậy hễ ai tin Chúa Giêsu và tuân giữ mạng lệnh của ngài sẽ nhận lãnh sự cứu chuộc trong danh ngài.

Tín hữu Công giáo tin rằng một người có thể bị vượt mất ân điển nếu tiếp tục phạm tội sau khi được cứu rỗi. Một người có thể được phục hồi vào ân điển qua thánh lễ ăn năn và hoà giải (xung tội).

Khi nói đến phong tục lễ Phục sinh, không thể không nghĩ đến những quả trứng sặc sỡ với các nét vẽ trang trí, biểu tượng cho sức sống mới bùng dậy trong mùa xuân. Những quả trứng sôcôla hoặc trứng nhuộm không thể thiếu trên bàn tiệc Phục sinh. Trong những ngày trước lễ Phục Sinh, trong cửa hàng, ngoài chợ, nhiều người tìm mua những hộp thuốc màu để vẽ trứng. Ai nhiều thời gian và kiên nhẫn cũng có thể nhuộm trứng bằng các màu sắc của cây cỏ tự nhiên. Như màu xanh của lá rau, màu đỏ của trái dâu, màu vàng của phấn hoa. Lũ trẻ con lại thích nhất là vớ lấy những cây bút lông hoặc bút dạ. Những vỏ trứng đã rút ruột - tốt nhất là màu trắng - được tô vẽ một cách đầy trù mển bằng màu nước hoặc bút dạ sẽ được tết thêm dải băng xinh để trang trí cho vòng hoa Phục sinh ở nhà.

1.2.1.2 Lễ giáng sinh

Lễ Giáng sinh, còn được gọi là lễ Thiên Chúa giáng sinh, Noel, hay Noel (từ tiếng Pháp Noel, là viết tắt từ gốc Em-ma-nu-el, nghĩa là Thiên Chúa ở cùng chúng ta) là một ngày lễ quốc tế kỷ niệm ngày Chúa Giê-su sinh ra đời của phần lớn người Cơ Đốc giáo. Họ tin là Giê-su được sinh tại Bethlehem thuộc tỉnh Judea của Đế quốc La Mã giữa năm 6 TCN và năm 6.

Một số nước ăn mừng ngày này vào 25 tháng 12, một số nước lại vào tối ngày 24 tháng 12. Tuy nhiên, những người theo Chính Thống giáo Đông phương vẫn sử dụng lịch Juliêng để định ngày này, cho nên họ tổ chức lễ Giáng sinh vào ngày 7 tháng 1 theo lịch Gregory.

Nguyên thủy, lễ giáng sinh là của những người theo đạo Kitô giáo, nhằm kỷ niệm ngày sinh ra của người lãnh đạo tôn giáo mình, người mà họ cho là Thiên Chúa xuống thế làm người. Nhưng dần dần, theo thời gian và qua các lễ hội của phương Tây, người ta tổ chức lễ Giáng sinh ngày càng linh đình. Kết quả là bây giờ, lễ Giáng sinh được xem là một ngày lễ quốc tế, với ông già Noel, cây Giáng sinh và cây thông Noel.

Ngoài ý nghĩa theo đạo Thiên Chúa, Noel là một ngày lễ gia đình, một ngày đặc quyền để tụ tập quây quần mọi người, mọi thế hệ trong gia đình. Lễ này dưới mọi hình thức được biểu lộ, tạo những kỷ niệm chung và duy trì tình cảm giữa mọi người trong gia đình. Mỗi người tìm được, bằng cách thức riêng của mình, để tạo dựng mối liên hệ : chia sẻ với nhau một bữa ăn chung, một đêm không ngủ, nghe thuật lại một câu chuyện, quây quần bên cạnh cây sa pin Noel... Với địa vị ngày càng lớn lao của trẻ con trong gia đình, ngày Noel trở thành một buổi lễ của trẻ em : một đêm thần diệu mà hầu như tất cả mọi ước nguyện trẻ con được thành sự thật trong sự sung sướng của những người lớn.

Ngày Noel cũng là một thông điệp của hoà bình : ” Vinh danh Thượng Đế trên cao – Bình an cho người dưới thế ” : đây là câu được hát bởi những thiên thần báo tin sự xuất hiện của vị cứu thế và Noel cũng là ngày người ta chia sẻ với những ai bị bỏ rơi, bị cô đơn, bệnh hoạn, già yếu...

1.2.2 Lễ kính

Lễ kính là lễ mừng trong giới hạn một ngày. Trong chu kỳ một năm, Giáo hội có những lễ kính bà Maria (mẹ Chúa Giêsu), kính các vị thánh, khoảng 80 vị thánh trên vài ngàn vị. Các địa phận hay giáo hội mỗi nước, hoặc dòng tu... lại đặt ra những lễ kính riêng.

1.2.3 Lễ nhớ

Lễ nhớ gồm lễ nhớ buộc và lễ nhớ không buộc. Những lễ nhớ buộc gặp ngày thường trong mùa chay thì chỉ có thể mừng như lễ nhớ không bắt buộc. Một ngày có nhiều lễ nhớ không bắt buộc thì chỉ mừng một lễ nhớ. Các ngày thứ 7 mùa thường niên không có lễ nhớ buộc, có thể mừng lễ nhớ không bắt buộc kính Đức Mẹ.

Những ngày trong tuần:

Là những ngày sau Chúa nhật mỗi tuần. Những ngày đó được cử hành khác nhau.

Ngày thứ Tư lễ Tro và các ngày trong Tuần Thánh từ thứ hai đến chiều thứ năm chiếm vị trí ưu tiên trên mọi cử hành khác.

Các ngày trong tuần thuộc mùa Vọng từ ngày 17 đến ngày 24 tháng 12, và mọi ngày trong tuần thuộc mùa Chay chiếm vị trí ưu tiên trên các lễ nhớ bắt buộc.

Các ngày trong tuần thuộc các mùa khác sẽ nhường bước cho mọi lễ trọng, mọi lễ kính và sẽ dung hòa với các lễ nhớ.

1.3 Tuần Thánh

Nhà thờ Công giáo thực hành nghi lễ làm phép lá, tưởng niệm việc chúa Giêsu đã cùng các môn đệ vào đền thờ Giêrusalem một cách trọng thể để làm ứng nghiệm lời tiên tri. Chủ nhật lễ Lá còn gọi là chủ nhật Thương khó vì trong lễ có bài đọc phúc âm tường thuật về sự thương khó Chúa Giêsu.

Trong nghi thức lễ Lá, ngay từ thời Đắc Lộ, tín đồ vùng đồng bằng Bắc Bộ đã có thói quen đem lá dừa đến nhà thờ vì có tích Chúa Giêsu vào thánh Giêrusalem được tín hữu trải áo và lá dọc đường Chúa đi. Cuối lễ tín

đồ mang lá về cắm ở nhà mình cho đến lễ Lá năm sau mới đem đốt để thay vào đó lá mới.

Trong tuần thánh có những ngày lễ riêng.

Lễ truyền phép Mình thánh vào thứ năm.

Lễ Chúa Giêsu chịu chết vào thứ sáu.

Vọng Phục sinh vào thứ bảy.

Phục sinh vào chủ nhật.

Lễ truyền phép Mình Thánh còn gọi là bữa tiệc ly, Chúa Giêsu xác lập bi tích mình và máu Chúa.

Từ xa xưa, các xứ họ đạo có nghi thức rửa chân ở nhà thờ để tưởng niệm bữa tiệc ly. Nước rửa có lá thơm. Việc rửa chân hoàn toàn có tính chất tượng trưng. Trong Tuần Thánh mỗi xứ đạo, tùy điều kiện mà có những hình thức tưởng niệm khác nhau.

Ngày thứ sáu tuần Thánh kỷ niệm chúa Giêsu chịu chết cũng có nhiều hình thức diễn xướng nơi nhà thờ Công giáo. Người ta diễn lại cảnh Chúa Giêsu bị điệu đến núi Calvaire để chịu án đóng đinh trên thập giá; Cai pha lột áo Chúa; Đức Maria lòng quặn đau chứng kiến cảnh con mình bị hành quyết. Tiếp theo là cảnh hạ xác Chúa, đưa đi táng xác.

Tuần thánh là một trong những trung tâm điểm của năm phụng vụ Công giáo nói chung và mùa chay nói riêng. Trong một thời gian ngắn tít hữu vừa tưởng niệm việc Chúa Giêsu vào thành Giêrusalem một cách trọng thể làm ứng nghiệm lời tiên tri, vừa tưởng niệm Chúa Giêsu lập bi tích Thánh thể, chịu chết và sống lại. Những sự kiện ban đầu là bi thương về sau là mừng rỡ hoan ca. Sự tích về cái chết sống lại của Chúa Giêsu dù được phúc âm miêu tả sống động bao nhiêu, dù giáo lý được linh mục giảng giải sống động bao nhiêu, dù giáo lý được linh mục giảng giải kỹ càng đến bao nhiêu, nó vẫn chỉ là sách vở, thật khó hình dung mừng tượng. Nó chỉ thực sự sống động bởi hình thức sống đạo, lối diễn tả qua các ca vè vãn, kịch, tuồng, qua lối diễn tả bằng hình thức sân khấu hóa (

bắt đóng đinh, đưa đi táng xác...) lời diễn tả bình dân dễ hiểu, dễ vào, dễ đánh động tâm thức dân gian.

Lời diễn tả ấy được truyền từ năm này sang năm khác, từ đời này qua đời khác, ai cũng phải hát, ai cũng được diễn thật dễ nhớ. Khi Tuần Thánh qua đi người ta lại mong ngóng cho một năm phụng vụ mới, một Tuần Thánh mới ở đó những người năm ngoái là “khán giả” thì năm nay họ được đổi chỗ là “diễn viên” họ có dịp được thi thố tài năng, được khẳng định mình trước cộng đồng.

1.4 Chu kỳ năm phụng vụ (hay còn gọi là mùa phụng vụ).

Chu kỳ năm phụng vụ: giáo hội tưởng niệm chúa Giêsu và kết thúc bằng giờ kinh chiều Chúa nhật Phục sinh; Trung tâm của Tam nhật là đêm Canh thức vượt qua được gọi là Mẹ của mọi lễ canh thức.

1.4.1 Mùa Phục Sinh

Gồm 50 ngày (ngũ tuần) từ Chúa nhật Phục sinh đến Chúa nhật Hiện xuống. Nó được gọi là Đại Chúa Nhật. Mùa Phục Sinh kỷ niệm sự kiện Chúa sống lại.

Tám ngày đầu mùa Phục sinh là tuần bát nhật Phục sinh và được cử hành như các ngày lễ trọng kính Chúa.

1.4.2 Mùa Chay

Bắt đầu từ thứ tư lễ Tro đến trước thánh lễ Tiệc ly, Các Chúa nhật mùa này gọi là Chúa Nhật I, II, III, IV, V mùa Chay. Chúa nhật thứ VI, bắt đầu tuần Thánh, gọi là Chúa nhật lễ Lá tưởng niệm cuộc thương khổ của Chúa Giêsu.

Mùa Chay chuẩn bị cử hành lễ Vượt qua. Đây là mùa các tỳ tòng gia nhập đạo, tín đồ thực hành bí tích thanh tẩy và sám hối.

1.4.3 Mùa Giáng sinh

Bắt đầu từ giờ kinh chiều I lễ Chúa Giáng sinh cho đến hết Chúa nhật lễ Hiện linh, hoặc Chúa nhật sau ngày 6 tháng giêng.

Lễ vọng Giáng sinh cử hành vào chiều ngày 24-12 trước và sau giờ kinh chiều I.

Lễ Giáng sinh được cử hành 3 thánh lễ: Đêm, rạng đông, ban ngày.
Lễ giáng sinh kỷ niệm Chúa Giêsu ngôi hai gaing thế làm người.

Lễ Giáng sinh có tuần bát nhật Giáng sinh được tính từ ngày 25-12 đến 1-1 năm sau.

1.4.4 Mùa Vọng

Bắt đầu từ giờ kinh chiều ngày Chúa nhật, nhằm ngày 30-11 hoặc ngày nào gần nhất, kết thúc trước giờ kinh chiều chiều I lễ Chúa Giáng sinh. Mùa Vọng theo quan niệm Công giáo là mùa chuẩn bị mừng lễ trọng Giáng sinh, và mùa các tín hữu trông đợi Chúa Ki Tô đến lần II trong ngày tận thế.

1.4.5 Mùa thường niên

Ngoài các mùa trên, các tuần còn lại thuộc vào mùa thường niên bắt đầu từ thứ hai kế tiếp Chúa nhật sau ngày 6 tháng giêng và kéo dài đến hết thứ ba trước mùa Chay; Rồi lại bắt đầu từ thứ hai sau Chúa nhật lễ Hiện xuống và kết thúc trước giờ kinh chiều I Chúa nhật mùa Vọng.

Mùa thường niên không cử hành những sự kiện lớn của Chúa Ki Tô, nhưng lại tôn kính toàn bộ mà nhiệm Chúa Ki Tô trong các ngày Chúa nhật.

2. Các nghi lễ thường được cử hành trong lễ hội Công giáo.

2.1 Hát thánh kinh, đọc sách và đọc kinh

Mỗi tôn giáo đều có nghi lễ thờ phụng. Nghi lễ được biểu đạt với các hình thức khác nhau, như: cúng, bái, niệm, tế, hát chầu Thánh... Công giáo cũng có nghi lễ thờ phụng như hát kinh, hát thánh ca, đọc sách Thánh.

2.1.1 Hát thánh kinh

Trong những hình thức diễn xướng của nhà thờ Công giáo Việt Nam trước hết phải kể đến hát: Bao gồm hát thánh kinh (hát kinh thánh), hát thánh ca.

Hát thánh kinh:

Đó là những bài hát trong kinh thần vụ, rút ra từ kinh thánh, nhưng không phải là thánh vịnh. Một dạng hát của các bài hát được hát ở nhà thờ Công giáo mà tín đồ quen gọi là thánh ca là những bài hát được sáng tác

trên nguồn cảm xúc lấy từ kinh thánh, thánh vịnh hoặc hạnh tích các thánh Công giáo hoặc nội dung bày tỏ sự tôn vinh Thiên Chúa, Mẹ Maria hoặc các thánh...

Để phục vụ thánh lễ, mỗi nhà thờ Công giáo thường có một hội hát. Hội hát phục vụ trong các buổi lễ lớn, những buổi cầu nguyện thánh thể, những lễ mô, lễ cưới. Đặc biệt còn có những bài hát cho mùa phụng vụ, cho các tháng như tháng ba: kính ông thánh Giuse, tháng năm: kính Đức trinh nữ, tháng sáu: kính Trái tim.

Bài hát cho từng mùa cũng có những sắc thái riêng mang những nỗi niềm tâm tư tiêu biểu cho từng giai đoạn phụng vụ của một năm. Xin đơn cử:

Mùa vọng: lay tạo hóa các tinh tú.

Giáng sinh: lay Đức Chúa Giêsu cứu chuộc.

Mùa chay: cò vua pháp phối.

Phục sinh: tới tiệc vương đế con chiên.

Nhạc điệu của các bài hát là nhạc điệu bình ca.

Hình thức thể hiện là xướng ca, đáp ca hay đối ca.

Về nhạc cụ, có hai loại hình mà giáo dân quen gọi là nhạc Tây và nhạc Nam. Nhạc Tây gồm: Phong cầm, banjô, altô ; nhạc Nam gồm: Đàn nguyệt, đàn tam, nhị, hồ, sáo (bát âm).

Cùng với thời gian, dòng thánh nhạc Công giáo đã dần dần xác định được vị trí của mình. Bước đầu hình thành một đội ngũ nhạc sĩ Công giáo. Ở nhiều làng quê, xứ đạo Công giáo khôi phục lại ban nhạc Nam, trong đó có bát âm tấu những bản nhạc dân ca tạo cho thánh lễ hoặc các cuộc đi kiệu mang đậm nét dân tộc.

2.1.2 *Đọc sách và đọc kinh*

Đọc sách: Đọc sách trong nhà thờ là một thói quen có từ lâu đời của các cộng đồng giáo dân xứ đạo. Nguồn gốc ban đầu của nó là các giáo sĩ nước ngoài không được tự do hoạt động, vả lại, có nhiều cộng đồng, mà số lượng giáo sĩ thì ít nên phải có người đọc lịch lễ Công giáo và đọc các thư

chung của giáo sĩ gửi bốn đạo. Ngoài ra ở các nhà thờ các giáo dân còn đọc các sách ngắm...

Về cách đọc sách, không đọc theo lối thông thường mà phải đọc theo các cung giọng khác nhau tùy theo loại sách nào, đọc vào mùa nào. Tác giả Nguyễn Khắc Xuyên chia sách đọc và cung sách ra làm bốn: sách đọc ở một vài trường tu, sách đọc ở nhà thờ họ đạo, sách ngắm vào những dịp lễ riêng và sách ngắm mùa chay thánh. Sách ngắm mùa chay khá đa dạng. Đó là sách tuần chín ngày kính ông thánh Phanchicô Xavie; sách giảng sự thương khó Đức Chúa Giêsu...

Đọc kinh: Nếu như đọc sách có cung giọng thì đọc kinh cũng có cung giọng.

Ngày nay mỗi địa phận đều có sách kinh hoặc sách kinh bốn của địa phận. Sách được soạn và in bằng tiếng Việt. Việc thể hiện lời kinh phải theo những giọng dành riêng cho từng thứ kinh, dành riêng cho từng mùa phụng vụ, mùa vui, mừng cho quanh năm, mùa thương cho mùa chay thánh.

Về giai điệu: Có ba giai điệu thông thường thể hiện theo ba loại kinh: một là kinh Kính mừng; hai là kinh ngắm lễ hàng ngày; ba là kinh cảm ơn rước lễ. Mỗi kinh tùy theo mùa được đọc với những cung khác nhau. Ví dụ kinh Kính mừng, kinh Lạy cha đọc cung buồn trong mùa Chay, cung vui dành cho mùa sinh nhật, phục sinh, hiện xuống. Có những kinh chỉ đọc một cung như kinh cầu chịu nạn, đọc cung thương, cung giọng đều đều trên hai nốt nhạc, âm sắc thường bị biến, tạo nên cung giọng buồn rầu, náo nề.

2.2 Múa hát dâng hoa

Một phong tục lâu đời của người Âu châu coi tháng Năm là tháng của hoa. Dần dần tháng Năm, tháng hoa được gắn với hình ảnh Maria. Trong tháng ấy hàng ngày giảng giải nguyện ngắm hát mừng ngợi khen Đức Bà; Nơi thì đi kiệu xa viếng nhà thờ Đức Bà đã làm phép lạ mà xem lễ cùng chịu lễ ở đây nơi thì hàng ngày bốn đạo, dù kẻ khô khan, dù người

ngoan đạo đều đến nhà thờ như hội, chẳng khác gì như ngày lễ trọng vậy; Kẻ nọ thì đem những hoa thơm tho tốt lành để trên bàn thờ Đức Bà, là hình bóng nhân đức Đức Bà đã xông như hương thơm vào trong lòng làm cho kẻ cây trông được vui mừng; Người kia dâng nến, sáp, tiền nong để sắm sửa màn, ảnh, kiệu, tượng, làm bàn thờ riêng Đức Bà; Mọi người hợp hợp một lòng cầu nguyện ngợi khen kính mến. Từ rất sớm trong phụng tự, giáo hội Công giáo Việt Nam đã thực hành nhiều nghi lễ tôn kính Đức Maria với các hình thức như đi kiệu Đức Bà, múa hát dâng hoa...

Ở xứ Phát Diệm (Kim Sơn, Ninh Bình) cho thấy, thời kỳ làm linh mục chính xứ Phát Diệm, linh mục Trần Lục đã tổ chức múa hát dâng hoa và đi kiệu hoa.

Hàng năm vào tháng Năm, dưới hang đá táng xác hay còn gọi là hang Lộ Đức xây dựng từ năm 1896 các cuộc múa hát dâng hoa diễn ra trọng thể mà vui tươi, trang nghiêm mà rộn rã dâng kính Mẹ Maria. Các lời văn hoa, điệu múa khi hái hoa, lúc dâng hoa do linh mục Trần Lục đặt và đạo diễn. Những bài dâng hoa đầu tiên ở xứ Phát Diệm hiện không còn tài liệu. Giai điệu hát văn được cải biên từ những làn điệu dân ca truyền thống.

Văn hoa là một hình thức múa hát với các bài hát cùng điệu múa kết hợp với các loài hoa thể hiện sự tôn kính của chiên Chúa với Đức Maria. Ví dụ văn Mân Côi dâng hoa trắng thể hiện đức trinh khiết của Maria. Mỗi văn còn được gắn với một làn điệu dân ca các miền của đất nước Việt Nam.

Văn 12 hoa lấy sắc hoa Phong Lan làm chủ đạo, nhạc của bài hát được phỏng theo dân ca Tây Nguyên.

Văn Mân Côi dâng hoa màu trắng, nhạc của văn này khá đa dạng, mô phỏng theo hát đúm, hát chèo, dân ca miền Trung, châu văn, ca trù, cò lả, sa mạc... Đây chính là sự tổng hợp của các văn, nghĩa là phỏng nhạc dân ca của các miền đất nước vào lời ca của một văn.

Từ rất lâu, các xứ họ đạo miền Bắc, miền Trung đều có hội hát và hội dâng hoa thực hiện múa hát dâng hoa trong tháng Năm- Tháng Đức

Bà- Tháng Hoa. Đi liền với hát dâng hoa là múa dâng hoa. Khi dân ghóa con hoa có thể tay cầm hoa, tay để không, hay tay cầm hoa, tay cầm quạt hoặc nển, nhưng có động tác chính giông nhau, vì những động tác thường mô phỏng theo lời, như tỏ lời cung kính thờ lạy thì cúi đầu hay quì. Tỏ lòng thành của mình thì tay hoa hoặc vai úp vào ngực, dâng hoa thì dơ hoa lên, hái hoa thì làm động tác ước lệ như đang hái hoa... Nhiều động tác khác thì múa theo điệu nhạc, tùy theo người biên đạo.

2.3 Nghi thức tế trong lễ hội Công giáo

Tế ở nhà thờ Công giáo là hình thức sinh hoạt hội hè trong làng Công giáo.

Ở Việt Nam một số xứ họ thuộc các địa phận Thái Bình, Bùi Chu (Nam Định), Hà Nội. Tế ở nhà thờ Công giáo có từ trước Cách mạng tháng Tám 1945. Năm 1945, một số giáo dân thuộc hai địa phận Bùi Chu và Thái Bình di cư vào Nam có ý thức giữ gìn và phục hồi ở một vài xứ đạo di cư thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh và địa phận Xuân Lộc (Đồng Nai). Còn các xứ đạo thuộc hai địa phận Bùi Chu và Thái Bình vì những lý do khác nhau đã không còn duy trì tế ở nhà thờ Công giáo.

Châu Bình là xứ đạo của giáo dân di cư từ miền Bắc vào năm 1954. Tín đồ Công giáo vốn là người ở rải rác hai địa phận Bùi Chu và Thái Bình. Các linh mục dòng Đức Mẹ mà người có công đầu là linh mục Phạm Quang Thiều đứng ra chiêu tập họ về định cư trên đất nhà dòng.

Từ những năm sau di cư, giáo dân được tổ chức thành xứ đạo, lấy tên là xứ Châu Bình. Một nhà thờ nhỏ làm bằng bặt được dựng lên cho giáo dân đến tham dự Thánh lễ. Năm 1958, xứ dựng một ngôi nhà thờ mới xây gạch, lợp ngói. Những tổ chức của xứ đạo lần lượt ra đời mà khuôn mẫu được đưa ra từ miền Bắc là khu dân cư được xem là một họ giáo có trùm khu, thánh quan thầy khu, các hội đoàn lần lượt ra đời, đáng kể là các hội đoàn phục vụ thánh lễ như hội trồng, kèn, bát âm, trắc, hội hát, hội con hoa ngày càng được củng cố và phát triển. Một số nghi lễ mang tính văn

hóa dân tộc như rước kiệu, múa hát dâng hoa và tế được phục hồi. Trong nghi thức tế có tế giao thừa và tế hoa.

2.3.1 Tế giao thừa

Năm phụng vụ của Công giáo là năm dương lịch. Nó bắt đầu từ sau lễ Giáng sinh (25-12) hàng năm và kết thúc vào lễ Giáng sinh năm sau. Về lý thuyết giáo hội Công giáo không theo âm lịch và không có nghi lễ đón giao thừa. Song từ lâu ở các xứ đạo Công giáo, giáo dân tổ chức đón giao thừa với những lễ thức khác nhau, trong đó có lễ thức tế.

Đoàn tế ở xứ Châu Bình gồm 15 người, một chủ tế, hai bồi tế (Đông xướng và Tây xướng) và 12 tế viên. Tham gia vào đoàn tế còn có hội bát âm thổi sáo, đánh đàn, gõ chuông, đánh trống.

Khi giờ phút giao thoa giữa năm cũ và năm mới của đất trời đến cũng là lúc lễ thức tế giao thừa được tiến hành trọng thể, trang nghiêm trong nhà thờ xứ đạo.

Thời gian tế giao thừa kéo dài nửa giờ. Sau lễ, những người tham dự rời nhà thờ, trở về mái nhà ấm cúng của mình, mở đầu cho một năm mới với những hi vọng tốt đẹp.

2.3.2 Tế hoa

Cũng trong tháng năm, một số xứ đạo còn tổ chức tế hoa. Đây là một lễ thức có ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Những giáo dân miền Bắc di cư vào Nam đem theo tế hoa và có cải biên đôi chút. Ví dụ trước Công đồng Vatican II, nhà thờ Công giáo không có thắp hương nên không có phần dâng hương. Nghi lễ này chỉ được đưa vào nội dung tế hoa từ sau Công đồng Vatican II.

Khác với múa hát dâng hoa do các cháu gái 9 tuổi đến 15 tuổi đảm nhiệm, tế hoa do nam giới thực hiện. Đoàn tế gồm 15 người: 1 chủ tế, 2 bồi tế và 12 tế viên. Về trang phục của đoàn tế hoa, giống như trang phục của đoàn tế giao thừa. Chủ tế là người cao tuổi có đức hạnh, hai bồi tế cũng là hai huynh trưởng gương mẫu. Mười hai tế viên thường là những nam giới trung niên, thành viên sốt sắng của xứ, họ đạo.

Cũng như múa hát dâng hoa, trước khi vào lễ tế hoa xứ đạo tổ chức đi kiệu hoa xung quanh khuôn viên nhà xứ. Cuộc đi kiệu thường kết thúc vào lúc sẩm tối. Đó cũng là thời điểm bắt đầu của tế hoa.

Mở đầu, một vị thay mặt cho xứ đạo (có thể là thánh trưởng) hoặc thay mặt cho họ đạo thực hiện, ngâm lời giáo đầu. Nội dung của lời giáo đầu nêu lý do xứ đạo tổ chức tế hoa. Tiếp theo đến phần dâng hương. Hai vị bồi tế lần lượt tiến đến bát hương đặt trước bàn thờ. Ban nhạc cử điệu sinh tiền. Dứt nhạc, hội hát, hát một bài ca, ca ngợi Đức Maria.

Song phần tế hoa: Năm cặp lần lượt cầm mỗi sắc hoa dâng lên bàn thờ, cạnh đó là kiệu hoa Đức Mẹ. Mỗi sắc hoa tượng trưng cho mỗi đức hạnh của Đức Maria. Hoa trắng thể hiện lòng trinh khiết, hoa xanh tượng trưng cho nhân từ, khoan dung.

Cuối lễ là lời chúc phúc của chủ tế.

Tế hoa cũng diễn ra độ nửa giờ.

Sau phần tế là phần cộng đồng tín hữu cầu nguyện. Buổi lễ kết thúc bằng việc giáo dân chịu phép Mình Thánh.

2.4 Nghi lễ sùng kính Mình Thánh Chúa Giêsu trong lễ hội Công giáo

2.4.1 Tuần châu lượt

Trong các sách lịch lễ địa phận ở miền Bắc, miền Trung đều có ghi lịch lễ châu lượt của xứ đạo, họ đạo trong địa phận. Lễ châu lượt nghĩa là đến lượt một xứ đạo, họ đạo nào đó thay mặt cho các xứ họ đạo toàn địa phận châu Mình Thánh một cách trọng thể. Lễ châu lượt được tổ chức vào ngày chủ nhật trong năm, ở mỗi địa phận đều có xứ đạo, họ đạo châu Mình Thánh một cách trọng thể.

Lễ châu lượt được nêu tính thời điểm giám mục Đông ra thư chung (ngày 8 tháng 9 năm 1902) lập lễ châu lượt đến năm 1999 thì lễ châu lượt đã được thực hành 97 năm. Trong non một thế kỷ, lễ châu lượt nhanh chóng đi vào tâm thức người Công giáo với tấm lòng sùng kính Mình Thánh Chúa. Ngày lễ châu lượt dần dần trở thành một lễ hội ở xứ, họ đạo, làng Công giáo. Từ trước ngày lễ, nhà thờ đã được quét dọn sạch sẽ, được

trang hoàng đẹp đẽ. Nhiều xứ đạo làm công chào, cờ đuôi nheo, dựng đèn lồng.

Cư dân trong xứ, họ đạo chọn rộn, chuẩn bị đón chờ ngày lễ. Người đi làm xa, nhớ ngày lục đục trở về quê trước ngày lễ. Nhân dân các làng quê, xứ đạo Công giáo nhắc nhau:

Dù ai buôn đâu, bán đâu

Nhớ ngày châu lượt rủ nhau mà về.

Dù ai buôn bán trăm bề.

Nhớ ngày châu lượt thì về thông công.

Đến ngày châu lượt, không chỉ giáo dân trong xứ, họ đạo đó mà giáo dân các xứ họ đạo quanh vùng lũ lượt đến “ thông công”, cùng tỏ lòng sùng kính Minh Thánh Chúa.

Lễ châu lượt được cư dân miền đồng bằng Bắc Bộ và miền Trung gọi là tuần châu lượt vì nó được tổ chức tới ba ngày. Buổi chiều ngày đầu được diễn ra với một thánh lễ trang trọng. Buổi tối là đêm canh thức. Ngày thứ hai được xem là chính lễ, hình thức là sáng lễ, chiều châu. Thường thì mỗi xứ đạo có một số họ đạo lẻ. Trong khoảng thời gian nhất định người ta phân chia để các họ đạo lần lượt thay nhau châu Minh Thánh. Buổi tối là canh thức thứ hai. Tuần châu lượt được kết thúc vào chiều thứ ba. Buổi tối xứ đạo có thể tổ chức liên hoan văn nghệ. Có thể là đội văn nghệ của xứ đạo có thể mời đội văn nghệ của xứ khác tới biểu diễn. Tiết mục là những lời ca, điệu múa ngợi ca Chúa, ngợi ca Mẹ Maria. Cũng có thể diễn về hạnh tích một thánh tử đạo nào đó, hoặc nội dung lấy trong phúc âm.

Trong lễ châu lượt, xứ đạo, họ đạo có thể mời giám mục về làm lễ thêm sức cho trẻ được mạnh đạo, hoặc xứ đạo, họ đạo tổ chức cho trẻ nhỏ được xưng tội chịu lễ lần đầu.

Châu lượt thực sự là một lễ trọng của xứ, họ đạo. Một vùng quê yên tĩnh ngày thường bỗng nhộn nhịp vui tươi làm thức dậy những nét đẹp văn hóa và lòng mộ đạo của giáo dân.

2.4.2 *Kiếp Santi (kiếp Minh Thánh)*

Đi kiệu Santi cũng là một nghi lễ trang trọng của giáo dân một xứ đạo, hay một địa phận tỏ lòng kính trọng Thánh thể. Kiểu đặt Minh Thánh Chúa hầu hết là kiểu cổ hay còn gọi là kiệu vàng. Ở nhiều xứ đạo vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ hiện còn lưu giữ khá nhiều kiệu, chủ yếu là kiệu Bát Cống mà giáo dân quen gọi là “Kiệu Vàng”. Kiệu Vàng xứ đạo được dùng trong lễ kỷ niệm thánh Quan thầy, thánh tử đạo, trong tháng Hoa, tháng Mân Côi. Thông thường mỗi xứ đạo (nhiều nơi có cả họ đạo) có từ một, đến hai, ba kiệu vàng. Mỗi kiệu vàng tùy theo thánh lễ mà được đặt tên khác nhau như kiệu Thánh tâm, kiệu Hoa, kiệu Mân Côi, kiệu Santi...

Về kiểu dáng, bộ đòn khiêng không khác bộ đòn khiêng của kiệu cổ người Việt. Đòn khiêng được chia làm hai lớp, lớp dọc và lớp ngang xếp vuông góc. Lớp dọc thường dài gấp đôi lớp ngang. Thường có 14 khiêng... hoặc có thể nhiều hơn. Tiếp vào phần đòn khiêng là bệ kiệu. Bệ kiệu chông tam cấp, giật về hai phía. Thành mỗi cấp đều trạm trổ hoa lá dây cách điệu. Đặt trên bệ kiệu là khán. Nhưng đó là khán rộng. Khán được làm bằng 4 trụ tròn dựng ở 4 góc bệ kiệu. Mỗi trụ được nối chéo phía bên trên dựng hình thập giá. Các trụ và đường chéo chạm trổ hoa lá cách điệu.

Khán của kiệu vàng ở mỗi xứ đạo có sự khác nhau. Nhưng giống nhau ở một điểm là trên chóp dựng thập giá. Cá biệt có một vài xứ đạo ở địa phận Phát Diệm (Ninh Bình) đã mua kiệu của người Việt, mang về sửa sang đôi chút để dùng.

Kiệu Thánh thể hay còn gọi là kiệu Santi cũng được bắt đầu từ trong thánh đường. Về cơ bản nó cũng giống như lễ đi kiệu thánh quan thầy, chỉ khác ở một vài điểm sau: Minh Thánh để trong Mặt nguyệt thường là gò bằng đồng, do vị chủ tế (do linh mục hoặc giám mục) cầm. Một phương du có bốn cột, đình làm bằng vải do bốn người cầm che đầu chủ tế. Kiệu Thánh thể đi đến đâu, giáo dân tung hoa đến đó. Hoa được tính toán, dự trữ để tung thể nào cho đến hết cuộc đi kiệu. Suốt dọc đường giáo dân đọc kinh cầu nguyện, còn các ca đoàn, hội trống, kèn, bát âm... ca hát và chơi

các bản nhạc ngợi ca Chúa Giesu. Dọc đường giáo xứ thường dựng một vài trạm, gọi là trạm Santi dùng để đặt Mình Thánh cho giáo dân dừng lại cầu nguyện một thời gian ngắn từ mười lăm đến ba mươi phút, sau đó cuộc đi kiệu lại tiếp tục. Cuộc đi kiệu Thánh Thể ở xứ đạo thường ngắn hơn so với kiệu Thánh Thể ở địa phận.

3. Một số lễ hội Công giáo nổi tiếng tại một số địa phương

3.1 Kỷ niệm thánh quan thầy địa phận ở xứ đạo Phú Nhai (Nam Định).

Phú Nhai là một xứ đạo lâu đời thuộc địa phận Bùi Chu (Tỉnh Nam Định).

Sự ra đời của xứ đạo Phú Nhai gắn liền với công cuộc truyền giáo phát triển đạo vùng đất Trà Lũ. Năm 1533 đời vua Lê Trang Tông đã có giáo sĩ ngoại quốc là Inêkhô đến giảng đạo ở Trà Lũ, Sơn Nam. Sử ký địa phận trung viết: Trong các gia phả lương dân về xã Trà Lũ thì thấy con chúa tên thánh là Maria, Anna, Phêrô, Rôsa... cho nên có lẽ mà luận xứ này có đạo đã lâu đời, có từ lúc hai đảng dòng Tên đến giảng đạo Đàng Ngoài, trong nước An Nam là năm 1627. Vì trong sử ký Nhà nước đời ấy cũng nói đã giảng đạo về Trà Lũ huyện Giao Thủy. Rồi năm 1698 Tòa Thánh giao địa phận cho các đảng ông Thánh Dumigo (Đa Minh) thì từ bấy giờ đến rầy các đảng dòng ta vốn giảng đạo ở địa phận này mãi.

Sau nữa, trong các kỳ cấm đạo từ trước cho đến đời vua Minh Mạng, vua Tự Đức thì các đảng đến ẩn mình trong làng Trà Lũ, ấy là dấu chắc đã có kẻ có đạo đấy.

Sau hết, cụ Thánh Liêm quê họ thôn Đông chịu tử vì đạo năm 1773 thì xứ ấy cũng là dấu chắc xứ này có đạo đã lâu rồi.

Song le, ai lập (đạo) Phú Nhai thì không ai biết. Còn từ Minh Mạng lục niên về sau thì xem ra các Đức Cha và cha chính thường ở trong xứ này, rồi lập ra nhà tràng, nhà chung cũng ở trong xứ này.

Trước năm 1806 thì cha Luis Vilanova ở xứ này, rồi đến cha chính Tăng (1826).

Vả lại đang khi cấm đạo thì các Đức Cha ở Bắc Tĩnh thường lui về Phú Nhai làm phép Comfirmasong cho các trẻ ở nhà bà trùm Bính, và nhà ông trùm Văn, mà thầy già bốn Khuê thì trú ở nhà bà trùm Hựu vì thôn Bắc cho được đi về làm cửa nhà ở Bắc Tĩnh. Đã lập ra nhà Chung ở Bắc Tĩnh lần thứ nhất đời cha Chính xứ Huy là năm 1737 mà các lễ đầu dòng thì các đảng, các cụ cũng hội về mừng lễ cha cả ta ở đấy nữa. Từ Trà Lũ các giáo sĩ dòng Đa Minh phát triển đạo sang Phú Nhai. Nửa cuối thế kỷ XVIII, Phú Nhai có một dòng họ đạo lẻ. Năm 1873 Phú Nhai trở thành một họ đạo độc lập, có linh mục về chăn chiên. Một ngôi thánh đường được làm mới lấy tên là Dâng Kính Đức Bà khỏi tội và đặt Đức Bà làm thánh quan thầy riêng của địa phận.

Phú Nhai không phải là xứ đạo trụ sở của tòa giám mục hay còn gọi là giáo xứ chính tòa, nhưng do nhà thờ Phú Nhai thánh quan thầy Đức Bà là thánh quan thầy địa phận, nên lễ kỷ niệm thánh quan thầy của xứ chính là lễ kỷ niệm thánh quan thầy địa phận. Đây là lễ hội mang yếu tố vùng, thu hút hàng vạn giáo dân thuộc địa phận tham gia. Lễ hội được tổ chức vào ngày 8-12 hàng năm. Đây là ngày lễ trọng- Lễ Đức Mẹ Vô nhiễm nguyên tội. Vì là lễ kỷ niệm thánh quan thầy địa phận, nên quy mô và hình thức tổ chức rất lớn, vượt ra ngoài quy mô lễ hội của một xứ đạo thông thường. Từ mấy ngày hôm trước người ta đã bó cột bằng những cây luồng tạo nên cây cột cờ thật cao. Các hội mõ, trống, kèn, bát âm được tập luyện cho thành thực để tham gia vào cuộc đi kiệu. Kiệu vàng được đem ra lau chùi, kết đèn, hoa.

Mở đầu cuộc đi kiệu là hình tượng chiếc thuyền vượt biển, trên đó là giáo sĩ ngoại quốc do một nam giới đóng. Hình tượng này thể hiện việc giáo sĩ ngoại quốc vượt biển đến truyền giáo tại địa phận. Rồi đến hội trống, hội mõ vừa hành tiến vừa gõ, vừa múa, đội trống, đội kèn đồng. Trong cuộc đi kiệu còn có hình ảnh chim Phượng, biểu tượng cho hình ảnh Thiên Chúa. Kiệu Đức Mẹ trên đó là tượng Đức Maria ở đây khác với nhiều xứ đạo khác là tượng được vận quần áo vải nên sinh động. Tham gia đi kiệu là

những nữ tu dòng Đa Minh, dòng Mến Thánh giá (ở xứ đạo Bùi Chu đến) là các hội đoàn. Các bà mẹ Công giáo mặc áo tấc đỏ, tay cầm ô cho thêm điệu dàng, hội con hoa, hội hát mặc áo dài trắng. Các linh mục về tham dự mặc quần trắng, áo dài vàng khoác bên ngoài. Để phân biệt hội kèn, hội trống, hội mõ của các họ đạo, các hội này thường mặc trang phục khác nhau.

Những kỷ niệm chẵn, lòng nhà thờ trở nên chật hẹp khi mà có tới hàng vạn giáo dân tham dự. Vì vậy dịp này địa phận cho dựng lễ đài ở cửa nhà thờ, thánh lễ diễn ra ở ngoài trời cho đông người tham dự. Chủ tế thường là giám mục địa phận.

Lễ rước kiệu thánh tử đạo ở xứ Đồng Trì đám rước đi theo hướng từ Tây sang Đông, hướng thuận chiều kim đồng hồ. Trong khi đó lễ rước kiệu ở xứ đạo Phú Nhai (Nam Định), ở nhà thờ lớn Phát Diệm (Kim Sơn- Ninh Bình) lại đi theo chiều ngược kim đồng hồ, nghĩa là từ Đông sang Tây.

Với người Việt, trong các lễ hội truyền thống (làng, đình, chùa, đền..)

Giáo sư Lê Trung Vũ chuyên gia về lễ hội cho biết, quan niệm về cõi cực lạc phương Đông và phương Tây có sự khác nhau. Tín đồ theo đạo Phật quan niệm đi về theo hướng Tây là đi về cõi cực lạc. Đi theo hướng Đông- Tây là đi theo biểu kiến mặt trời. Đạo Công giáo- Âu châu- quan niệm hướng Đông là hướng về chốn Thiên đàng. Một số nhà thờ Công giáo rước kiệu từ trong nhà thờ đi ra mang theo hướng Tây- Đông tức là hướng về Thiên đàng. Nhà thờ Công giáo cổ quay hướng về phía Đông.

Vào thời giám mục Liêu Retord (1831- 1858), giám mục ra thư chung quy định cách đi kiệu Đức Bà : “ Về sự đi kiệu ở nhà thờ mà ra ngoài thì phải quay về đằng tay mặt, là về bên Evan; mà khi đã đi hết vòng quanh nhà thờ, thì lại vào nhà thờ về bên Epistola là xứng đáng và phải trở mặt xuôi cùng một chiều như người ta theo sau”. Như vậy theo quy định rẽ tay phải của đoàn rước từ trong nhà thờ đi ra hướng của kiệu bao giờ cũng theo chiều thuận của kim đồng hồ, nghĩa là theo hướng từ tây sang đông.

Lễ hội thánh quan thầy làng giáo- xứ đạo đóng góp vào đặc trưng văn hóa làng Công giáo. Từ đó hình thành những tiểu vùng văn hóa- văn hóa làng giáo- xứ đạo, làm đa dạng, phong phú văn hóa làng Việt.

3.2 Kiệu thánh tử đạo xứ Đông Trì

Đông Trì là một xứ đạo lâu đời thuộc địa phận Hà Nội. Về hành chính, Đông Trì thuộc xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Cũng như các xứ đạo khác, Đông Trì thờ thánh tử đạo và có lễ tưởng niệm thánh tử đạo.

Hàng năm cứ độ xuân về giáo dân xứ Đông Trì tiến hành lễ kỷ niệm thánh tử đạo. Lễ này không chỉ của một xứ đạo mà là của một vùng đạo thuộc huyện Thanh Trì và những xứ đạo nội thành, thành phố Hà Nội như các xứ: Giáp Bát, Hàm Long, Nhà thờ lớn. Từ mấy ngày trước lễ, giáo dân đã tổ chức kết đèn, hoa, chăng cờ, náo nức chuẩn bị cho ngày lễ.

Lễ được tổ chức vào buổi sáng ngày 18-2. Mở đầu là cuộc đi Kiệu. Xứ đạo có hai kiệu vàng bát công cô. Ngày lễ, một kiệu dùng để rước hài cốt thánh tử đạo, một kiệu rước đức Mẹ, được gọi là kiệu đức Mẹ. Hai chiếc kiệu đều được lau chùi sạch sẽ, kết hoa tươi nhiều màu, vì thời tiết đang là mùa xuân.

Trên một chiếc kiệu tựa như long đình có đặt chiếc hòm nhỏ, trong hòm có hài cốt thánh tử đạo. Sáu nhi nữ thướt tha trong bộ quần áo dài màu trắng, đeo lẵng hoa trước ngực. Hoa mùa xuân tươi và thơm được cắt nhỏ. Các nhi nữ đi giật lù trước kiệu, thay phiên nhau, hai người tung hoa một lượt. Hoa được trữ, được tung thế nào đủ để đến hết lượt về. Kiệu được 8 người khiêng, 4 người mặc áo vàng, 4 người mặc áo đỏ. Tiếp sau kiệu là 4 chú nhỏ giúp lễ mặc áo liền váy màu trắng, tay chấp trước ngực. Linh mục chính xứ mặc áo đỏ được che lọng xanh đi kế tiếp theo.

Kiệu Đức Mẹ đi sau kiệu Thánh tử đạo. Kiệu do 4 thanh nữ khiêng. Hai thanh nữ đi đầu mặc áo dài màu vàng, hai thanh nữ đi sau mặc áo dài màu trắng.

Cả hai kiệu đều xuất phát từ trong lòng nhà thờ. Hai kiệu được xông hương, linh mục làm phép kiệu.

Theo giờ đã định, đám rước bắt đầu sau hiệu lệnh là một hồi chuông giống dĩa. Đi trước hết là một chú nhỏ xông hương. Khói hương trầm xanh lam, mùi hương thơm vãn vít; tiếp sau là các bô lão gồm 12 người khác mặc áo thụng xanh 3 người đi đầu, một người cầm thánh giá, hai người đi phía sau cầm nền chân cao, tiếp theo là bát bửu. Một bát bửu hình lá đề có ghi bốn chữ Hán “Phương danh Thánh Mẫu”; Sau đó là hội đoàn với các em gái nữ, trai nam, hội trống, hội kèn, hội đoàn của thanh nam, thanh nữ, sau đến hội đoàn của các ông, các bà. Một số hội đoàn có cờ hội, cờ hình chữ nhật, phía trên bằng, phần dưới cắt đuôi theo. Tên của hội đoàn được thêu trên cờ.

Theo thông lệ, ngày lễ kỷ niệm, một số linh mục ở các xứ đạo quanh vùng về đồng tế. Các linh mục đều mặc áo đỏ. Một trong số họ được mời giảng lễ, hay nói cách khác được mời chủ trì thánh lễ. Các bài giảng thường ngắn gọn, nội dung toát lên được cuộc đời thánh tử đạo với cái chết mà thánh đã chọn để giữ đạo. Ý nghĩa cái chết vì đạo như trái nho ép nên thành rượu ngọt, hạt lúa nghiền nát hóa bánh thơm. Hạt giống gieo hư nát đi trong đất sẽ trở nên mùa gặt hái hân hoan.

Cuộc đi kiệu diễn ra trong khuôn viên nhà xứ. Thời gian thường kéo dài khoảng một giờ. Sau cuộc đi kiệu, giáo dân vào nhà thờ tham dự thánh lễ.

3.3 Lễ hội Thánh lễ La Vang Quảng Trị

La Vang là một thánh địa của người Công giáo Việt Nam, nằm ở huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Các tín hữu tin rằng Đức Mẹ Maria hiển linh ở khu vực này vào năm 1798 và một nhà thờ đã được dựng lên gần nơi 3 cây đa, nơi Đức Mẹ hiện ra và nay là nơi hành hương quan trọng của người tín hữu Công giáo Việt Nam. Thánh địa La Vang được Tòa thánh Vatican phong là Tiểu Vương Cung Thánh đường La Vang từ năm 1961

Theo một thuyết, dưới thời vua Tây Sơn Quang Toản có chính sách chống đạo Kitô giáo, cho nên nhiều người theo Công giáo ở vùng Quảng Trị để tránh sự trừng phạt của nhà Tây Sơn đã chạy lên vùng đất này. Do đây là vùng đất đồi núi cho nên để gọi nhau được họ phải “la” lớn mà “la” lớn thì “vang”. Cái tên La Vang ra đời.

Một thuyết tương tự về tiếng “la vang” đã từ đặc tính của âm thanh chuyển thành danh từ riêng, nói rằng nơi chốn rừng rú La Vang vốn xưa kia nhiều cọp beo hại người. Do đó xưa kia những người đi rừng đi rú, ở lại đêm thường chia nhau thức canh, thấy động thì “la vang” lên để mọi người đến tiếp cứu.

Một cách giải thích khác là khi những người theo đạo Công giáo chạy lên vùng đất này thì bị dịch bệnh, lúc bấy giờ Đức Mẹ đã hiện lên và chỉ dẫn cho họ đi tìm một loại lá gọi là lá vằng – uống vào sẽ chữa khỏi bệnh. Viết “lá vằng” không dấu thành La Vang. Một thuyết khác cho là địa danh “phường Lá Vằng” đã có từ trước đó, thuộc làng Cổ Vưu, nằm về phía Tây cách đồn Dinh Cát, về sau là tỉnh lỵ Quảng Trị, 4 cây số và cách Phú Xuân, tức Kinh Đô Huế, 58 km về phía Bắc.

Bà Ts. Nguyễn Thị Thanh, vốn xuất thân từ La Vang, trong khi kiểm nghiệm thực tiễn tiếng la to giữa vách núi của khu vực này đã suy đoán, tiếng "la" to của người sẽ được các vách núi dội vọng lại thành tiếng "vang" hùng vĩ đi xa hơn trong suy luận, Nguyễn Thị Thanh còn cho rằng ý nghĩa tiếng "la vang" ở đây là tiếng trong âm thầm nhiệm màu của đức tin các thánh tử đạo lên với Thiên Chúa trên trời, là tiếng la vang âm thầm trong nguyện cầu của những người đói khát ốm đau khốn khổ đã thấu vọng đến tai Nữ Vương Thiên Đàng, là tiếng Đức Mẹ trả lời những cầu xin của chúng dân, và cũng là tiếng dội trở lại của Nữ Vương Thiên Đàng trong lòng mỗi người khi đến thánh địa.

Theo Tư liệu Tòa Tổng Giám Mục Huế - 1998, dưới triều đại vua Cảnh Thịnh (lên ngôi năm 1792), với chiếu chỉ cấm đạo ngày 17 tháng 8 năm 1798, một số các tín hữu ở gần đồi Dinh Cát (nay là thị xã Quảng Trị)

phải tìm nơi trốn ẩn. Họ đã đến lánh nạn tại núi rừng La Vang. Nơi rừng thiêng nước độc, hoàn cảnh ngặt nghèo, thiếu ăn, bệnh tật, sợ hãi quan quân, sợ thú dữ, các tín hữu chỉ biết một lòng tin cậy phó thác vào Chúa và Đức Mẹ. Họ thường tụ tập nhau dưới gốc cây đa cổ thụ, cùng nhau cầu nguyện, an ủi và giúp đỡ nhau.

Một hôm đang khi cùng nhau lần hạt kính Đức Mẹ, bỗng họ nhìn thấy một người phụ nữ xinh đẹp, mặt áo choàng rộng, tay bông Chúa Hải Đông, có hai thiên thần cầm đèn châu hai bên. Họ nhận ra ngay Đức Trinh Nữ Maria. Mẹ bày tỏ lòng nhân từ, âu yếm, và an ủi giáo dân vui lòng chịu khó. Mẹ dạy hái một loại lá cây có sẵn chung quanh đó, đem nấu nước uống sẽ lành các chứng bệnh. Mẹ lại ban lời hứa: “Mẹ đã nhận lời các con kêu xin. Từ nay về sau, hễ ai chạy đến cầu khẩn Mẹ tại chốn này, Mẹ sẽ nhận lời ban ơn theo ý nguyện”.

Sự kiện xảy ra trên thảm cỏ gần gốc cây đa cổ thụ nơi giáo dân đang cầu nguyện. Sau đó, Mẹ còn hiện ra nhiều lần như vậy để nâng đỡ và an ủi con cái Mẹ trong cơn hoạn nạn.

Từ đó đến nay sự kiện Đức Mẹ hiện ra tại núi rừng La Vang, qua các thế hệ được loan truyền khắp nơi. Và nhiều người chân thành tin tưởng, đến cầu khẩn Mẹ đều được ơn theo ý nguyện. Đức Mẹ La Vang thường được biểu tượng bằng một phụ nữ mặc áo dài Việt Nam.

Lịch sử Đức Mẹ hiện ra và lập nhà thờ không rõ ràng vì đã quá lâu và không được biên chép từ thời đó, hầu hết chỉ có lời truyền khẩu và nhiều giả thuyết khác nhau. Có giả thuyết là nhà thờ La Vang vốn được xây trên nền của một mái chùa Phật giáo hoặc là một miếu thờ Bà (có thể là Phật bà quan âm hoặc bà chúa Liễu Hạnh) cho người đi rừng, nguyên là một mái nhà tranh dưới gốc cây đa và rào sơ bốn mặt, sau biến cố Mẹ Maria hiện ra năm 1789 được nhường cho giáo dân để xây một nơi thờ Mẹ Maria Ý kiến khác cho rằng La Vang trước đó chỉ là một vùng hoang vắng, vùng rừng núi hẻo lánh.

Theo giám mục Hồ Ngọc Cân kể lại lời truyền khẩu là năm 1885 nhà thờ bị đốt, và một nhóm giáo dân La Vang dựng lại nhà thờ Đức Mẹ trên nền cũ Cha sở quản hạt Quảng Trị Patinier Kinh trong báo cáo năm 1894 có viết: "Năm 1885 ngôi nhà thờ ở đây cũng như những nhà thờ khác trong hạt, không thoát khỏi thảm họa... Khi hòa bình vừa vãn hồi, con đã cấp tốc dựng lại ngôi nhà thờ nhỏ bé, tạm bợ để chờ nguồn kinh phí cũng như để chờ cho tình hình bớt nhiều nhương" Năm 1886 (có bản ghi là năm 1894) Đức Cha Caspar (Lộc) cho xây lại nơi đây đền thờ ngói, vì xây trên một vùng núi vận chuyển vật liệu khó khăn nên 15 năm mới hoàn thành. Năm 1901, đại hội La Vang đầu tiên được tổ chức vào ngày 08 tháng 08 để mừng khánh thành nhà thờ.

Năm 2008, Thánh địa được chính quyền tỉnh Quảng Trị cấp thêm 21 ha đất để "phục vụ hoạt động tín ngưỡng của giáo dân Theo Linh mục Giacôbê Lê Sĩ Hiền (Quản nhiệm Trung tâm Thánh mẫu La Vang), đây là đất xưa từng thuộc về nhà thờ (trước 1975 là 23 ha) nay được giao trả lại..

Theo truyền khẩu, bắt đầu từ 1864, đã có 30 giáo dân Cổ Vưu tổ chức hành hương La Vang và những cuộc hành hương như thế diễn ra hàng năm với số giáo dân tham dự càng lúc càng đông biến cuộc hành hương La Vang cấp giáo xứ (Cổ Vưu) thành giáo hạt (Dinh Cát)

Từ khi nhà thờ ngói được dựng, hàng năm vào ngày 15 tháng 8 tại La Vang thường tổ chức lễ hội hành hương, gọi là "Kiệu" (cứ 3 năm lại có một "Kiệu" lớn, gọi là "Đại hội La Vang"). Người hành hương về nơi này có thể mua được lá cây vàng, một loại lá thường dùng sắc thuốc hoặc uống mát, lành và có khả năng kháng khuẩn, rất tốt cho phụ nữ sau khi sinh nở. Không những thế, khách thập phương đến đây là để hành hương và cầu xin những ơn lành mà người Công giáo tin rằng Đức Bà sẽ ban ơn như ý.

Sau một thời gian gián đoạn, từ năm 1990, chính quyền địa phương đã cho phép hành lễ tại đây trở lại. La Vang đã trở thành thánh địa hành hương quan trọng nhất của người Công giáo Việt Nam, hàng năm có hơn

nửa triệu người về hành hương, như năm 2008 . Đại hội La Vang 29 sẽ vào năm 2011 (cứ 3 năm hành hương có 1 Đại hội).

Khởi đầu đại hội La Vang chỉ mang tính địa phương của Giáo phận Huế nhưng sau khi hàng giáo phẩm Việt Nam được thành lập vào năm 1960 thì đến ngày 13-4-1961, hai Giáo tỉnh Huế và Sài Gòn đã quyết định thành lập Trung tâm Thánh Mẫu toàn quốc (miền Nam) tại La Vang và đại hội lần thứ 15 tổ chức năm 1961 đã trở thành đại hội Thánh Mẫu đầu tiên mang tầm cỡ quốc gia với sự tham dự của 2 phái đoàn chính quyền miền Nam lúc bấy giờ, một do Tổng thống Ngô Đình Diệm dẫn đầu (ngày 16-8-1961) và một do Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ dẫn đầu (ngày 21-8-1961). Đến ngày 1-5-1980, vào lúc 9g30 tại Hà Nội, các Giám mục Giáo tỉnh Hà Nội và toàn thể các Giám mục họp đại hội Giám mục toàn quốc đã đồng thanh biểu quyết chấp nhận Trung tâm Thánh Mẫu La Vang là Trung tâm Thánh Mẫu toàn quốc, tuy nhiên mãi đến đại hội 24 tổ chức năm 1996 thì qui mô toàn quốc mới thực sự rõ nét với sự tham gia ngày càng đông đảo của hàng giáo phẩm và giáo dân trên cả nước.

Mặc dù đã ấn định 3 năm tổ chức một lần đại hội, nhưng hàng năm cứ vào dịp 15-8 trong những năm không có đại hội, dòng người tín ngưỡng vẫn tuôn đổ về La Vang và Giáo tỉnh Huế vẫn tiến hành những nghi thức khá trọng thể trong ngày đại hội “không chính thức” này, trở thành một ngày hội cấp giáo phận. Ngoài ra mỗi năm vào ngày mùng 3 Tết, Giáo phận Huế cũng tổ chức hành hương minh niên, thu hút khá đông giáo dân về bên Mẹ tỏ lòng thành tín và cầu nguyện cho quốc thái dân an.

Theo chương trình chung của những lần đại hội gần đây và tại đại hội 29, chiều ngày thứ nhất thường diễn ra thánh lễ khai mạc và cuộc rước kiệu trọng thể kính Đức Mẹ La Vang.

Cao điểm là buổi chiều ngày thứ hai với nghi thức đón tiếp các chức sắc, các phái đoàn, các vị khách quý và nghi thức khai mạc. Tại đại hội lần thứ 29 và bế mạc Năm Thánh Giáo hội Công giáo Việt Nam 2010, Đức Giáo hoàng Benedic đã cử Đức Hồng y Ivan Dias làm đặc sứ, chủ tọa lễ bế

mạc Năm Thánh. Theo số liệu của Ban Tổ chức, có 42 Giám mục, gần 1.000 Linh mục và khoảng nửa triệu người cả trong và ngoài nước đã về La Vang tham dự đại hội đặc biệt này. Vào lúc 15 giờ 30 phút, vị đặc sứ đã cử hành nghi thức thánh hiến bức tượng Mẹ La Vang bằng đá quý tại linh đài, trước sự hiện diện của phái đoàn chính phủ Việt Nam do Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân dẫn đầu.

Trong không khí trang nghiêm và phấn khởi, nghi thức được tiếp nối tại lễ đài với phần rước và thượng cờ 26 giáo phận, giới thiệu các phái đoàn, các vị khách quý... Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam thay mặt cộng đoàn dân Chúa đọc diễn văn chào mừng phái đoàn Tòa Thánh và các thượng khách. Hồng y đặc sứ đã có lời đáp từ và Phó Thủ tướng Việt Nam đã có lời phát biểu chúc mừng.

Từ 19 giờ, chương trình ngày đại hội thứ hai được tiếp tục với phần diễn nguyện và suy tôn Thánh Thể. Các thành viên tham gia diễn nguyện đã giúp cộng đoàn có dịp hồi niệm về tình mẫu tử thánh thiêng mà Mẹ La Vang đã dành cho các bậc cha, ông, tiên tổ trong thời buổi gian nan cam cách, đồng thời mời gọi mọi người cùng với Mẹ sống mẫu nhiệm cứu độ của Con-Thiên-Chúa-làm-người và thông chia niềm vui tín thác vào tình yêu Thiên Chúa.

Cao điểm của đêm diễn nguyện là phần suy tôn Thánh Thể. Với nền sáng trên tay, cộng đoàn cùng tham gia rước kiệu Thánh Thể – biểu tượng và sức mạnh của tình yêu Thiên Chúa trao ban cho nhân loại. Trong tâm tình lắng đọng và khát khao yêu mến, mọi người cùng cất cao lời kinh hòa bình như một dấu chỉ của tấm lòng khiêm hạ và yêu thương, một quyết tâm “cùng Mẹ ra đi loan báo Tin Mừng”...

Sáng ngày thứ ba đại hội, thánh lễ bế mạc thường được tổ chức sớm, vừa tránh cái nắng nóng khắc nghiệt của mùa hè miền Trung, mà cũng để cho các tín hữu ở xa có thể về nhà kịp trong ngày. Đặc biệt trong lễ bế mạc Năm Thánh Giáo hội Công giáo Việt Nam 2010 và đại hội 29, Đức Hồng y đặc sứ đã chuyển đến La Vang chén thánh là quà tặng của Đức Giáo

Hoàng Benedic XVI, như bảo chứng của tấm lòng hiền phụ và sự hiện diện của Ngài trong hy lễ tạ ơn. Sau thánh lễ, vị đặc sứ cũng đã cử hành nghi thức đặt viên đá đầu tiên tái thiết Vương cung Thánh đường La Vang.

Đại hội La Vang khép lại trong bầu khí hân hoan pha lẫn buồn của người tham dự. Những giọt nước mắt, những cái vẫy tay, những lời hẹn hò gặp nhau trong kỳ đại hội tới... tất cả không chỉ là những kỷ niệm đáng nhớ, mà còn là lời nhắn nhủ động viên nhau “cùng Mẹ ra đi loan báo Tin Mừng”...

Tiểu kết chương 2

Lễ hội Công giáo được biểu hiện qua những cuộc đi kiệu dịp lễ thánh quan thầy trình bày ở trên, chúng ta thấy có nhiều yếu tố Nam. Nhưng yếu tố Nam mở rộng ra còn phải kể như nhà thờ Nam, chuông Nam... Tất cả tạo nên một thể ứng xử, thể đối trọng với yếu tố Tây.

Với những yếu tố Nam đậm nét, lễ hội Công giáo góp phần quan trọng giải yếu tố nguyên đơn nguyên văn hóa Công giáo mà các giáo sĩ ngoại quốc tìm mọi biện pháp duy trì. Nó làm cho tín đồ Công giáo người Việt Nam thực sự sống đạo bằng tâm linh, nếp nghĩ, lối ứng xử của mình. Lễ hội Công giáo đã góp phần mở rộng không gian, thời gian thực và ảo cho mỗi tín đồ. Nó không bị gò bó như những thánh lễ, ở đó chỉ có chủ tế và một số người giúp lễ giữ vai trò. Ở đó chỉ có tiếng Latinh dẫu đọc lên cả trăm lần, nhưng dễ mấy tín đồ hiểu biết và cảm nhận được. Chỉ có lễ hội với nghi thức, nội dung văn hóa Việt, tâm hồn người Việt Nam Công giáo mới thực sự được giải thoát, siêu thoát, bay bổng và mới thực sự được “nâng tâm hồn lên” cùng Thiên Chúa Ba Ngôi. Những hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian còn tạo nên những tần số dễ rung cảm, cố kết cộng đồng dân chúa với Thiên Chúa. Vì vậy người Việt Nam Công giáo ở làng giáo-xứ đạo ai cũng háo hức đón chờ, tham dự lễ hội Công giáo. Họ tự nguyện dọn dẹp nhà thờ, bó cột cờ, chăng đèn, kết hoa, tập ca hát, múa, tập tể, thổi kèn, đánh trống, mõ, trặc, đi kheo. Ngày hội đến không gian làng giáo-xứ đạo bừng lên, náo nhiệt, sống động, vui tươi.

Lễ hội Công giáo có lẽ mang được hầu hết các nội dung của một lễ hội truyền thống: hát, hò, trò, tích. Ở đó có hát thánh ca, có múa mõ, trặc, trống, có thuật lại việc các giáo sĩ đi thuyền vào truyền giáo. Lễ hội Công giáo là dịp làng giáo-xứ đạo biểu dương sức mạnh cộng đồng, nhưng đó là một cộng đồng “chật” và “rắn” được đoàn ngũ hóa, được diễn ra theo một trật tự, một khuôn mẫu. Dịp lễ hội cũng là dịp người dân quê từ già đến trẻ ngày thường chỉ biết “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời” được thi thố tài năng, được thể hiện tài nghệ của mình trước cộng đồng-xứ.

Lễ hội Công giáo vì vậy trở thành một bộ phận của lễ hội truyền thống Việt Nam, ở đó lưu giữ một số nội dung của lễ hội truyền thống Việt Nam, làm phong phú thêm lễ hội truyền thống Việt Nam, nơi là nó bắt nguồn, nó được nuôi dưỡng.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH LỄ HỘI CÔNG GIÁO

3.1 Thực tế khai thác các lễ hội Công giáo trên Thế giới và Việt Nam

3.1.1 Thực tế khai thác lễ hội Công giáo trên thế giới

Công giáo truyền vào các nước Đông Nam Á từ thế kỷ XVI đã đọng lại ở Việt Nam và Philippin nhiều nhất. Đúng lúc này, công nghiệp cơ khí, chế tạo máy đã phát triển ở các nước phương Tây. Cách mạng tư sản đã nổ ra ở Anh, Pháp. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha giàu mạnh nhờ phát kiến địa lý và buôn bán đường biển. Công giáo đã thể chế hóa kinh sách nghi lễ. Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn đều đã tương đối hoàn chỉnh, nên lễ hội Công giáo ở khu vực chịu ảnh hưởng chặt chẽ trong khuôn khổ cho phép của giáo hội. Thánh Vinhson Phaolô (1581-1660) ở Pháp sau khi học khoa thần học ở Toulouse, bị bán làm nô lệ ở châu Phi, rồi lại trở về nước làm linh mục giáo xứ đã đề xuất cách truyền giáo "đi từ làng này sang làng khác để khuyên bảo, giảng dạy kinh bản cho dân quê". Cách làm này đã được áp dụng triệt để bởi các linh mục truyền đạo ở Đông Nam Á. Có người còn hòa nhập vào cộng đồng, giả theo Ấn Độ giáo, Phật giáo bằng trang phục, sau khi làm quen môi trường sống, mới giảng giải Cựu ước, Tân ước và lôi kéo dân chúng theo Công giáo.

Tình hình đó khiến cho lễ hội Công giáo ở Đông Nam Á rập khuôn máy móc ở buổi ban đầu.

Được tổ chức bằng nghi thức Công giáo khá chặt chẽ, lễ hội Công giáo ở Philippin đã gây ấn tượng mạnh mẽ trong tâm lý cộng đồng dân tộc trong cả nước, cho dù họ không phải là giáo dân vẫn bị cuốn hút theo. Gần như quanh năm, không mấy lúc là các bài thánh ca bị nhãng quên trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cách ngày lễ Giáng Sinh gần ba tháng, trên khắp đường phố, ngõ đường, giáo dân đã chằng đèn lồng, đèn màu, kết hoa, treo băng biển chào mừng. Ngay cả các trường học, công sở, cây thông Noel đủ các cỡ to, nhỏ đã bày rục rở ở vị trí sang trọng. Tranh ảnh, phù điêu, mô hình chúa giáng sinh có những người chẵn cừu và ba vị vua từ ba nước tới chúc mừng được trưng bày

khắp nơi. Cả không gian tỏa sáng bởi giấy màu kim tuyến trên khung cửa, trước hiên nhà.

Nhộn nhịp nhất ở từng gia đình, ai cũng lo sắm sửa quần áo gọn gàng sạch sẽ, lo làm bánh thánh kính dâng lên Chúa và xin Chúa cho ăn trong lễ đón lúc giao thừa vào 0 giờ ngày 25. Sáng sớm ngày 25, ông già Noel hoặc người lớn trong nhà giáo dân đồng loạt cho quà con trẻ.

Cả ngày lễ hội, số các thầy cả vào lo công việc tại nhà thờ. Giáo dân ở đủ các tầng lớp lứa tuổi có thể tham dự các đám rước chiêng trống trước sân nhà thờ, rồi tụ tập vào trong nhà thờ cầu kinh. Mục Ai ca trong Kinh Thánh có dạy: "Sau việc cử hành hàng năm mẫu nhiệm Vượt qua, Hội thánh không có việc cử hành nào cổ xưa bằng việc kính nhớ Chúa giáng sinh và kính nhớ những lần tỏ mình đầu tiên của người: đó là mùa Giáng Sinh . Và "Hôm nay các linh mục có thể cử hành hay đồng tế ba thánh lễ, miễn là vào giờ thích hợp cho mỗi thánh lễ." Ngoài việc quy định đọc từng đoạn trích Kinh Thánh trong Sách lễ còn chỉ rõ "Chúa Giáng Sinh lễ trọng. Lễ buộc Lễ cầu cho giáo dân trong lễ đêm Noel, tòa thánh quy định cho giáo dân chỉ được đọc trích các kinh Ti-tô, kinh Lu-ca và kinh I-sai-a.

Trong vùng ấy có những người chăm chiêm sống ngoài đồng và thức đêm canh giữ đàn vật. Bỗng sứ thần chúa đứng bên họ và vinh quang của Chúa chiếu tỏa xung quanh, khiến họ kinh khiếp hãi hùng. Nhưng sứ thần bảo họ: "Anh em đừng sợ. Nay tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân (...) người là đấng Ki-tô đấng chúa"

Với tất cả những quy định chặt chẽ như trên, công việc phụng vụ có lịch cụ thể, lễ cầu kinh được chỉ dẫn mạch lạc, chi tiết nên hoạt động lễ hội mùa Giáng Sinh nặng hơn về phần lễ.

Âm thanh kèn, trống, náo bạt và toàn dân giáo xứ kéo đến nhà thờ có trật tự, nền nếp cả ban đêm và ban ngày, tạo ra niềm vui cho cả cộng đồng.

Cách thức tổ chức lễ hội Giáng Sinh có thể coi là điển hình cho các lễ hội Công giáo khác ở Philippin. Lễ hội Mùa Chay là dịp giáo dân Công giáo tưởng niệm đến cái chết và sự phục sinh của chúa Giêsu . Lễ hội được sách Nghi thức

giám mục đặt quy chế: "Trong mùa chay, không được chưng bông (bày hoa) trên bàn thờ và chỉ được dùng nhạc cụ để đệm hát mà thôi, trừ chúa nhật IV (chủ nhật thứ 4 trong tháng hai) và các ngày lễ trọng cùng lễ kính, có thể dùng màu hồng". Khi giáo dân đã lữ lượt đến lễ hội. Lễ Tro vào ngày thứ tư mở đầu lễ hội Mùa Chay. Linh mục xức dầu Tro lên trán, giáo dân tiếp tục làm dấu thánh. Dấu thánh là nước lá thơm có hòa tro lá để giành lại từ Mùa Chay năm trước. ở Philippin, giáo dân còn dựng lại tích chúa Giêsu bị hành hình và sau ba ngày Chúa sống lại gặp gỡ các tông đồ giống như những tiểu phẩm sân khấu hiện đại.

Lễ Lá diễn ra vào ngày chủ nhật trong lễ hội Mùa Chay là ngày trọng đại nhất. Nhiều cuộc diễu hành, diễu xướng không khác kịch nghệ là mấy, thể hiện chặng đường Chúa Giêsu đi đến Jerusalem. Tán, lọng che tượng trưng cho Chúa trên đường đi là do giáo dân làm bằng những tàu lá dừa to đẹp với rất nhiều hình dạng khác nhau. Trước khi đoàn diễu hành khởi sự, các vị linh mục đã làm thánh.

Lễ và ban phép cho những chiếc tán, lọng làm bằng lá dừa, với những hình dáng khác nhau. Những tán, lọng bằng lá dừa sau ngày lễ hội, được giáo dân cất giữ để làm bùa chữa bệnh, bỏ một ít vào nồi nước tắm, linh mục cũng giữ một phần để ban phúc thánh, hoặc đốt làm tro để làm lễ Tro năm sau.

Tuần Thánh trong lễ hội Mùa Chay là thời gian để các linh mục và toàn thể các giáo xứ tưởng niệm cái chết và sự phục sinh của Chúa. Giáo hội cử hành những mâu nhiệm cứu độ mà Chúa đã hoàn tất vào những ngày cuối cùng ở trần thế; đến lúc Chúa đã vào thành Giêrusalem với tư cách là đấng Mêsia, đến cuộc Thương Khó, hồng phúc và Phục Sinh vinh quang. Tại nghi lễ Tuần Thánh linh mục ban phép cho giáo dân, trông coi lễ rước lá, kiệu Chúa đi trước về nhà nguyện làm lễ Tiệc Ly, lễ Vượt Qua tưởng niệm Chúa. Dưới sự lãnh xướng của cha xứ hoặc họ đạo. Tuần Thánh trong lễ hội Mùa Chay hát thánh ca theo nghi thức, ca ngợi cuộc đời và phép màu nhiệm của Chúa. Người Philippin gọi lễ Lá là "pabasa". Có một số nam giáo dân sám hối, cởi bỏ áo, lấy dây da có gai tự đánh vào lưng mình đến mức xây xát, chảy máu để thể hiện ý chí thực hiện lời nguyện (panata) trung thành trước Chúa, cầu Chúa tha thứ những lỗi lầm. Có trường hợp sùng bái hơn, người ta còn lặp lại việc tự đóng đinh người lên cây

thánh giá vào ngày thứ sáu, ngày Phúc Lành. Xế chiều, linh mục đọc lại bảy lời nói cuối cùng của Chúa trước đám đông giáo dân trong nhà thờ. Buổi tối; mô hình quan tài Chúa được rước quanh khu dân cư, qua các phố phường. Sáng hôm sau, ngày lễ Phục Sinh diễn ra tại nhà thờ. Làm lễ xong, đám rước lại chuẩn bị diễu hành trên đường phố. Thời xưa, hai kiệu gỗ, rước biểu tượng Chúa bị đóng đinh trên cây thánh giá và đức mẹ Maria Thương Khó (Mater Dolorosa). Ngày nay, ở Philippin đã cải tiến hình thức khiêng kiệu bằng hai cỗ xe nhỏ. Đám rước đi vòng quanh các nẻo đường, rồi đến một quảng trường nhỏ trong thành phố, nơi đã được coi như Galilea. Ở quảng trường có một sân khấu, đã có sẵn một đội quân nhỏ tuổi, mặc quần áo lễ, giống như những thiên thần tí hon đang múa hát đợi chờ sẵn chào đón đám rước đưa Chúa và đức mẹ Maria đến. Khi đám rước dừng lại ở sân khấu, những thiên thần tí hon, mở khăn trùm đầu đức mẹ cất đi. Sau ít phút ngưng nghỉ, mọi người làm dấu thánh, miệng lầm nhảm lời kinh, rồi tất cả những người lớn nhỏ ở quảng trường lại theo xe, rước Chúa và đức mẹ Maria trở lại nhà thờ. Nhà thờ rung chuông từng hồi dài, giục đã bước chân đám rước.

Ngoài các ngày lễ Công giáo ở Philippin có tính quốc gia kể trên, hầu như tháng nào cũng có những ngày lễ thánh, nhưng đó chỉ là ngày lễ có tính nghi thức bắt buộc theo giáo luật. Các linh mục, cha xứ thực hiện đều đặn với sự tham gia của số ít giáo dân có chức sắc trong giáo xứ.

Ở tất cả các làng bản (barangay) của Philippin đều có lễ hội các thánh đỡ đầu; nhưng chủ yếu cũng chỉ do các cha xứ và một số chức sắc lo liệu, chỉ có ở thủ đô Manila, ngày lễ hội Nazarene thuộc quận Quiapo là được tổ chức trọng thể vào tháng 1, có ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của cả thành phố. Tượng thánh Nuestro Padre' Senor Nazarene được đặt trong một cỗ xe do các tín đồ Công giáo nam giới (hijo) kéo dọc đường phố. Người đi lễ hội đông như nêm cối. Dân chúng liên tục chen chúc, xô đẩy để được đến gần kiệu thánh. Họ vẩy nước hoa thơm vào tường vào xe kiệu thánh. Thánh đã được tắm nước hoa đến mức ướt đẫm, đổi màu toàn thân. Những chiếc khăn nhỏ để lau tượng thánh hoặc buộc trang trí trên xe kiệu, bị giáo dân cướp, xé lấy mảnh vải nhỏ để lau khắp người mình cầu mạnh, cầu phúc.

Về những vùng ven sông như thị trấn Gumaca ở Quezon, Naga ở Bicol... lễ hội thánh đờ đầu đã kết hợp và nâng cấp các lễ hội dân gian cổ truyền thành lễ hội tôn giáo. Tượng một vị thánh cụ thể được giáo xứ đặt ở vị trí cao trên bè nổi hoặc con thuyền nhỏ, có trang trí rực rỡ. Giáo dân cử người lôi kéo, đẩy bè hoặc thuyền đi trên mặt nước. Tục té nước của cư dân nông nghiệp Đông Nam Á được tái hiện làm tượng thánh thắm màu. Ở hai bờ sông, dọc theo tuyến đi của bè tượng thánh, dân chúng reo hò, vẫy cành lá xanh chào đón.

Cư dân miền núi Kalibo ở tỉnh Aklan có lễ hội Atiatihan cũng gắn với chúa hài đồng- lúc Chúa Giêsu mới ra đời- nhưng những nghi thức saman giáo cổ xưa còn đọng lại. Đến ngày lễ hội (tháng năm dương lịch) quanh ngôi nhà tụ hội của dân được kết hoa đủ sắc màu. Hàng trăm chiếc mũ lá dừa làm lễ vật dâng thần bản mệnh Isidro Labrador cũng được treo dán kín vách tường phía ngoài. Nam giới đội mũ thân mà lại có hình thánh ở trán; bơi nhỏ nổi đầy mặt và cổ, đi theo kiệu thánh vòng vèo trên đường hẹp của bản làng. Họ vừa đi vừa đánh trống và hô vang những nhịp điệu: “Halabira”. Có những phụ nữ sùng tín đến bên kiệu, ôm ghì tượng hài đồng (dân xứ gọi là Santo Nino) vào ngực, chạm trán vào bất cứ vị trí nào trên thân tượng dường như xin chúa ban phúc.

3.1.2 Thực tế khai thác lễ hội Công giáo tại Việt Nam

Lễ hội văn hoá dân gian Việt Nam vốn đã rất đa dạng ở tất cả các vùng miền. Công giáo được truyền vào Việt Nam từ giữa thế kỷ XVI và ngay từ buổi đầu tiếp xúc, lễ hội Công giáo đã sớm kết hợp với nghi thức giáo luật với phong tục lễ hội của cư dân bản địa. Lúc sơ giao, mục đích của các linh mục chỉ là sử dụng chính sách dân vận, lôi kéo quần chúng theo đạo mà lựa chọn các lễ hội, đưa nội dung giáo lý, phổ biến kiến thức Công giáo. Khi Công giáo Việt Nam trải qua những chặng đường lịch sử thì lễ hội Công giáo trở thành một bộ phận không thể thiếu trong lễ hội Việt Nam. Ca dao Việt Nam có bài:

Tháng Giêng ăn tết ở nhà

Tháng hai ngắm đưng, tháng ba ra mùa

Tháng tư tập trồng rước hoa

Kết đèn làm trạm châu giờ tháng năm

Tháng sáu kiệu ảnh Lái Tim

Tháng bảy chung tiền đi lễ Phú Nhai

Tháng tám đọc ngắm Văn Côi

Trở về tháng chín xem nơi chôn mộ

Tháng mười mua giấy sao tua

Tháng một, tháng Chạp sang mùa ăn chay

Đáng chú ý nhất trong lễ hội Công giáo Việt Nam là lễ hội đêm Noen (25 tháng 12 dương lịch). Từ trước đêm lễ hội hai ngày, khắp các xứ đạo, họ đạo và nhất là các nhà thờ lớn ở thành phố, giáo dân đã lo tu chỉnh, sắm sửa lễ vật chào đón ngày lễ hội. Cột cờ cao nhất được dựng lên ở sân nhà thờ. Các cờ nhỏ, hoa kết dây trang trí khắp nơi xung quanh nhà thờ. Giáo dân nô nức mau sắm lễ vật làm bánh thánh, trẻ em tưng bừng trong bộ quần áo mới, mũ cano là phẳng...đến nhà thờ xem những buổi tập dượt kèn, trống, nã bạt, múa sinh tiền. Khác với lễ hội Noen ở Philippin, người Công giáo Việt Nam chỉ dựng cây thông Noen ở nhà thờ, không trang trí mang tính phổ biến ở các công sở nhà nước và đường phố. Lễ hội của bộ phận giáo dân ở các vùng có đạo, kể cả xứ toàn tòng thì cũng biểu hiện tính cá biệt giữa các cộng đồng cư dân theo Phật giáo hoặc không theo một tôn giáo nào. Trống hội, kèn tây cứ tự do âm vang, có khi kéo dài suốt đêm Noen hoặc cả ngày đêm 24,25 tự do thoải mái mà không hề có sự ngăn cấm của chính quyền sở tại. Tiếng cầu kinh và hát thánh ca đồng thanh vang ra từ nhà thờ xứ, họ...

Từ quy định ngày giờ thực hành lễ hội, đến những nội dung giáo lý ít nhiều đã “nghệ thuật hoá” trong đời sống văn hoá xã hội được tinh lọc lại. Các cha xứ, linh mục đã hướng tâm mọi “con chiên” của Chúa ở mỗi miền, đều theo một lẽ lối thống nhất. Đây cũng chính là nguyên nhân hạn chế sự phát triển đa diện, nhiều chiều của lễ hội Công giáo Việt Nam, mặc dù có một số linh mục truyền giáo đã lưu ý đến sự hoà nhập bản địa từ rất sớm. Linh mục Trần Tam Tỉnh trong Thập giá và lưỡi gươm đã viết: “Ngoại trừ các cụm nhà thành thị, dân chúng sống lẫn lộn. Người Công giáo thường tập trung lại thành làng xóm riêng, tách rời khỏi người lương, sống chen chúc quanh tháp nhà thờ xây theo

kiểu Tây, chọc lên trời, cao vượt khỏi lũy tre. Bị đóng và được đoàn ngũ hoá bởi hàng giáo sỹ, họ trở thành một lực lượng quân chúng, một lực lượng đáng ghê sợ khi cha sứ kêu gọi họ đứng lên bảo vệ đức tin, bảo vệ nhà thờ. Hệ thống ốc đảo đó tách biệt và cô lập phần lớn giáo dân khỏi liên hệ với đồng bào, thúc đẩy họ từ khước, tẩy chay bất cứ điều gì không được giáo hội chính thức phê chuẩn”.

Lễ hội đón giao thừa trong Tết nguyên đán của người Việt, vốn cổ chỉ là một lễ trọng đón chào năm mới. Sau ngày 23 tháng Chạp âm lịch, người Việt làm lễ cúng, tiễn Táo Công lên trời trình báo mọi sự việc của từng gia chủ trong năm. Táo Công sẽ ở lại Thiên Đình họp với Ngọc Hoàng trong bảy ngày cuối năm, rồi sẽ trở về trần gian vào đúng lúc giao thừa, lại trông coi một năm mới theo chu kỳ. Cùng với Táo Công, ở một số nơi còn quan niệm có một vị quan hành khiển. Có 12 vị quan hành khiển, mỗi vị đại diện là thần cho một năm theo hệ lịch can chi.

Ở Việt Nam cũng như các nước Đông Nam Á, Công giáo lấy dương lịch làm mốc thời gian cho mọi sinh hoạt xã hội. Năm phụng vụ được tính theo chu kỳ từ 25 tháng 12 dương lịch là bắt đầu một năm mới. Tuy vậy, khi Công giáo hoà nhập với tâm linh người Việt thì Tết nguyên đán đã trở thành lễ hội của giáo dân. ở đây, nghi lễ đón năm mới là theo phong tục của người Việt, nhưng những thành tố cấu thành lễ hội được mở rộng; kết hợp chặt chẽ với các loại nhạc cụ, tụ tập đông người, hình ảnh của thần chủ truyền thống được thay thế là Chúa Giêsu. Bài văn tế Chúa trong lễ đón giao thừa có đoạn:

*Xin Chúa thương cách riêng đất nước
Việt Nam con, tổ quốc quang vinh
Toàn dân vui sống an bình
Chung xây đất mẹ, thắm xinh tình người
Cho bốn mùa ngát tươi lúa mạ
Đẹp yên đi sóng cả, chông ba
Đời này no ấm thái hoà
Mai sau hưởng phúc hoan ca thiên đường*

Mọi sự chuẩn bị lễ hội đón giao thừa đã chu tất. Trong những giờ phút thiêng liêng của năm cũ sắp hết, năm mới sẽ bắt đầu vào giây phút đầu tiên lúc 0 giờ ngày 1 tháng Giêng. Chuông đổ hồi giục giã. Lúc sau một hồi ba tiếng trống cái rung lên âm ĩ ở nhà thờ; ban nhạc gồm chiêng, trống, sênh tiền tấu liên khúc ca mừng xuân mới. Đèn nến lung linh, rực rỡ nơi tôn nghiêm chúa ngự. Đoàn tế viên từ 15 người với trang phục chỉnh tề: áo thụng, mũ thánh tiến vào nhà thờ làm lễ tế. Mười hai tế viên, mặc áo màu xanh, đội khăn xếp, xếp thành hai hàng sau chủ tế và hai bồi tế. Chủ tế và bồi tế để mặc áo màu đỏ, đội mũ cánh chuồn bước đến bên ban thờ Chúa thắp hương nến rồi quỳ phục bái lạy. Các tế viên làm theo răm rắp. Sau mỗi tuần tế, đội giáo nhạc lại tấu phối khí, nhạc cụ đàn, sáo, chiêng, trống và chuông rung. Mỗi tuần tế, chủ tế đọc một bài văn tế có nội dung khác nhau.

Ngoài sân nhà thờ, nhiều giáo dân cũng đến dự lễ đón giao thừa lấy lộc. Ở hầu hết các vùng đồng bằng Bắc Bộ, dường như tục xông nhà vào giờ phút đầu năm là rất thiêng liêng với tất cả cộng đồng. Giáo dân đã thực hành tính ngưỡng của tổ tiên trong lễ hội đón giao thừa. Khoảng nửa giờ sau, mọi người toả về nhà mình “xông nhà, xông đất”.

Lễ hội dâng hoa ở các xứ đạo Công giáo Việt Nam được tổ chức khá công phu diễn ra vào cả bốn buổi chủ nhật của tháng năm dương lịch_ còn gọi là tháng Đức Bà. Nội dung chính của lễ hội dâng hoa là rước kiệu mẹ Maria và dâng hoa lễ thánh. Đầu giờ chiều, tiếng chuông nhà thờ đổ hồi dài giục giã, đoàn người đi lễ hội đã tề tựu ở sân nhà thờ. Kiệu hoa được nâng lên vai. Đi trước kiệu là một thiếu niên mặc áo thụng, váy trắng và một người cầm nến. Một nhóm người già là nam giới đi ngay sau đó. Kiệu hoa tiếp theo. Sau kiệu hoa là linh mục có hai người giúp việc đi kèm. Hội ca công do nam nữ thanh niên đảm nhiệm vừa đi vừa hát thánh ca hoà nhịp với đội nhạc lễ. Số đông nam nữ thanh niên khác nối tiếp sau đội hát và đội nhạc. Hội các bà, hội các ông lũ lượt nề nếp trong trang phục lễ hội. Các giáo dân khác nối dài đám rước kiệu. Đám rước từ thánh đường đi quanh sân nhà thờ, rồi lại về điểm xuất phát. Sau khi dừng kiệu, tượng hoặc ảnh của Maria được đưa vào ban thờ cũ. Lúc này lễ hát múa dâng hoa mới diễn

ra. Trông, phách giữ nhịp điều hoà các công đoạn. Mười hai nữ thanh niên được gọi là “con hoa” đồng phục áo dài trắng; múa điệu dâng hoa theo kịch bản của đạo diễn.

Nhiều bài hát dâng hoa được cải biến theo làn điệu dân ca nghi lễ của người Việt. Quan sát động tác múa khi uốn thân xoay người, chuyển thế đứng, nhún chân, quay khuỷu tay, đánh mặt...ta thấy rõ sự xen kẽ hay lấy lại tất cả các điệu múa nghi lễ trong lễ lên đồng, chạy đàn...v.v.

Ở sân nhà thờ, sau lễ dâng hoa là hội kết chữ, kết hình do nam nữ thanh niên mặc đồng phục thể hiện. Có thể nghe nhịp trống điều khiển, một hai nhóm người kết hình mặt trăng, ngôi sao . Chữ A và M in là chữ cái lấy từ nguyên gốc Ave Maria. Mọi nghi thức trong lễ hội dâng hoa đều tràn đầy ý nghĩa kính dâng lên đức Maria lòng thành kính của giáo dân.

Từ chủ nhật Lễ Lá đến chủ nhật lễ Phục Sinh là khoảng thời gian các giáo dân thể hiện nghi lễ tưởng niệm Chúa Giêsu lâm nạn, bị chết, ba ngày sau thì sống lại.

Trong Tuần Thánh có những ngày lễ trọng. Lễ truyền phép Mình Thánh ngày thứ năm, còn được gọi là bữa tiệc ly, đây cũng gọi là ngày cuối cùng có bữa ăn của chúa Giêsu cùng các môn đệ. Đúng lúc kết thúc bữa ăn cuối cùng ở trần gian ấy, Chúa xác lập bí tích Mình Chúa. Ngày thứ sáu kỷ niệm sự kiện Chúa chịu chết, thứ bảy là lễ Vọng Sinh (chờ Chúa sống lại) và chủ nhật lễ trọng Phục Sinh.

Như vậy, Tuần Thánh trong mùa Giáng Sinh khiến cho tất cả mọi giáo dân đều bị cuốn hút vào không khí lễ hội. Tùy theo hoàn cảnh kinh tế, mỗi xứ, mỗi họ đạo có thể tổ chức lễ hội theo cách của mình. Xứ đạo Trung Lao (nay thuộc xã Trung Đồng huyện Nam Ninh tỉnh Nam Định) đã từng tổ chức lễ hội Tuần Thánh rất quy mô vào những năm đầu thế kỷ XX.

Diễn lại cái chết của Chúa, chiều ngày thứ sáu, lễ hội Tuần Thánh bắt đầu. Đám rước có hai kiệu vàng, kiệu đi đầu có tượng đức mẹ Maria đứng, cầm khăn trắng nâng ngang tầm ngực, như sắp lau nước mắt. Ngay trước và sau kiệu đức mẹ, là một đội quân đồng phục cổ vũ cho các “chân kiệu” và quan quân, thầy tớ cai đang chuyển động. Sau kiệu đức mẹ một đoạn; đến một đội quân, giả như

sắp phải thực thi việc hành hình Chúa. Trang phục binh sĩ, gươm giáo, lá chắn, súng ống... đều lăm lăm sẵn trên tay mà đi trong đám rước. Kiệu Chúa đi sau đội quân này. Sách Ký yếu Trung Lao đã miêu tả: “Tượng Chúa to lớn như cỡ người thật, mặt mũi máu me, tay chân gầy ốm, vác cây thập tự đứng trên chiếc kiệu lớn, ngoài có màn phủ, ai coi cũng phải ngậm ngùi thương xót.” Đám rước vòng quanh sân nhà thờ rồi hạ kiệu trước thánh đường, đưa tượng đức mẹ và Chúa vào cung thánh. Tượng Chúa Giêsu nằm trên cây thánh giá được dựng lên trong cung thánh lung linh đèn nến. Rèm che cung thánh khép lại. Phường nhạc lễ nổi lên khúc ca ai oán, trầm mặc. Con chiên áo thâm, khăn trắng làm rằm cầu kinh làm lễ Ngắm trước bàn thờ. Cuộc lễ kéo dài đến 12 giờ đêm. Bảy giờ có ba vị tông đồ lấy thang, mang búa, trèo lên tháo xác Chúa xuống, đặt giữa ban thờ cho đức mẹ Maria ngắm con”. Lời kinh cầu vang lên những đoạn đời Chúa.

Lúc sau, cuộc lễ táng tượng, xác được cử hành như thật. Mọi thành viên lớn, bé, trẻ, già đều mặc trang phục màu đen, đội khăn trắng, lắng nghe những khúc nhạc trống... đưa Chúa đi chôn. Cỗ đò khiêng quan tài Chúa được trang trí đẹp. Bốn góc có bốn thiếu nhi đóng vai thiên thần, “chập chờn đôi cánh”.

Cuộc rước xác Chúa, đi quanh đường làng. Đi đầu đoàn là những người vác cờ tang, tiếp đến đội quân dữ, lính tráng, đại diện các hội đoàn, đến ban nhạc. Đòn khiêng quan tài Chúa ở đoạn sau ban nhạc, có một số tông đồ, thầy cả... đều mặc áo trắng, khăn tang. Gọi là cỗ đò khiêng nhưng thực tế vẫn là bộ kiệu rước rực rỡ sắc màu. Tiếp sau đòn khiêng quan tài Chúa là một đoàn thiếu nữ mặc đồng phục quần áo trắng, miệng đọc kinh tay vắn tràng hạt. Sau đoàn thiếu nữ là đến kiệu thánh đức mẹ Maria. Trên kiệu đức mẹ còn có thánh Gioan và thánh nữ Madalenna, đã vì Chúa mà trở lại hoàn lương. Đoàn người đi sau cũng là các giáo dân bản xứ.

Đám rước đến chân núi giả ở gần hồ nước gần nhà thờ thì nghỉ dừng lại nghỉ. Các tín đồ đến bên đò táng, đến bên kiệu đức mẹ, ngắm thánh, đọc kinh rồi chuẩn bị ra về. Các vị chức sắc, người được phân công phục vụ nhà thờ đưa kiệu rước, tượng Chúa, tượng đức mẹ, tượng thánh vào cung thờ.

Với tất cả các hình thức nghiêm ngặt, chặt chẽ; lễ hội Tuần Thánh diễn ra từ chiều đến khoảng quá nửa đêm ở Nam Định, trước năm 1945 là dấu ấn khó phai mà trong đời sống văn hoá Công giáo Việt Nam. Song, có lẽ vì cuộc sống khó khăn, chiến tranh loạn lạc nên lễ hội Tuần Thánh ở Trung Lao, nay cũng đơn giản hơn nhiều.

Mùa Giáng Sinh và Mùa Chay nối liền nhau trong tháng 12 và tháng 1 dương lịch, trùng với dịp chuẩn bị đón tết nguyên đán và hội xuân của người Việt; nên lễ hội Công giáo người Việt Nam đã dung nạp khá nhiều yếu tố văn hoá bản địa. Còn các dịp lễ thánh khác quanh năm, trong mùa phụng vụ Công giáo không cấu thành lễ hội.

Đối với các nước Đông Nam Á khác, do số lượng giáo dân hạn chế, các nghi thức lễ chỉ diễn ra trong khuôn viên nhà thờ và mang tính biệt lập là ngày lễ thánh, nên hầu như không có lễ hội.

3.2 Một số lễ hội Công giáo lớn trên thế giới

3.2.1 Lễ Hội Thánh Mẫu lớn nhất thế giới ở Brazil

Lễ hội có tên chính thức "Cirio de Nazaré", là sự kiện để người Công giáo trên khắp Brazil để thể hiện lòng sùng kính Đức Mẹ Nazareth. Khách hành hương tham dự cuộc rước kiệu vài giờ đồng hồ đi qua các đường phố của Belém, là tên của thành phố Bethlehem trong tiếng Bồ Đào Nha.

Trong một tuyên bố hồi đầu tuần này, các vị giám mục Brazil cho biết rằng việc tổ chức lễ hội Công giáo lớn nhất ở Brazil này đã mang đến cho họ niềm phấn khởi: "Cirio là Ngày Lễ của gia đình, của tình bằng hữu! Đây là nỗ lực tập thể tuyệt vời khi "đổ đầy các chum nước để Chúa Giêsu có thể biến nó thành rượu, rượu mới của công lý, hòa bình và cam kết sống theo mục tiêu của Tin Mừng".

Vào hôm 5 Tháng Mười, hàng chục giáo xứ, phong trào giáo dân và các cơ quan mục vụ trong Tổng Giáo Phận Belém đã bắt đầu 48 giờ cầu Thánh Thể để chuẩn bị cho cuộc rước kiệu vào ngày Chúa Nhật 9 Tháng Mười. Cuộc rước sẽ khởi hành từ nhà thờ chính tòa Belém và sẽ đi qua một con

đường dài 2 dặm để đến Đền Đức Mẹ Nazareth. Tại đền thờ, linh tượng của Đức Trinh Nữ Maria sẽ được trưng đặt để cho hàng ngàn tín hữu đến từ mọi nơi trên khắp Brazil bày tỏ lòng tôn kính và tạ ơn vì những ân sủng mà họ nhận được thông qua lời cầu bầu của Mẹ.

Cuộc rước kiệu dài nhất trong lịch sử của Lễ hội Cirio de Nazaré là hơn 9 giờ đồng hồ.

Lòng sùng kính Đức Mẹ Nazareth xuất phát ở Bồ Đào Nha. Những linh tượng ban đầu về Đức Mẹ thuộc Tu Viện Đức Trinh Nữ Maria thành Caulina (Tây Ban Nha). Người ta tin rằng, linh tượng này do chính Thánh Giuse chạm khắc ở Nazareth, sau đó được đưa sang Âu Châu.

Lịch sử của cuộc rước quay trở lại vào năm 1792, khi Vatican cho phép tổ chức một cuộc rước kiệu tôn vinh Đức Trinh Nữ Nazareth ở thành phố Belém tiểu bang Para.

3.2.2 Lễ hành hương tới Sydney

Sydney (Reuters) – Khoảng 150 ngàn thanh thiếu niên hành hương đã tham dự thánh lễ tại Cảng Sydney hôm nay thứ Ba để mở đầu cho lễ hội giới trẻ vĩ đại nhất của Giáo hội Công giáo, nhưng những người chống đối cũng dự trữ một buổi tập trung phản đối Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI trước khi ngài cử hành thánh lễ ngoài trời vào ngày Chúa nhật sắp tới.

Trước thánh lễ, trong lời chào mừng khách hành hương, Thủ tướng Australia, ông Kevin Rudd, một người Công giáo ngoan đạo, phát biểu: “Trong lịch sử thế giới, rất thường khi người trẻ hành trình tới một nước khác trên thế giới với số lượng đông đảo là vì lý do chiến tranh, nhưng các bạn tới đây là những người hành hương để phục vụ hòa bình.”

“Một số người cho rằng không có chỗ cho đức tin ở thế kỷ 21 này, tôi xin nói là họ lầm. Các bạn là ánh sáng của thế giới giữa khi thế giới quá nhiều tối tăm.”

Hơn 250 ngàn người trẻ từ 176 quốc gia đã tới Sydney để tham dự Ngày Giới Trẻ Thế Giới từ 15 đến 20 tháng 7; họ không chỉ cầm thánh giá, tràng hạt mân côi và kinh thánh mà còn mang theo đàn ghita và choàng cờ nước mình trên vai.

Giáo hội Công giáo hy vọng Ngày Giới Trẻ Thế Giới sẽ tạo nên một sinh khí mới nơi thanh thiếu niên Công giáo trên thế giới giữa lúc sự tôn thờ cá nhân

và chủ nghĩa tiêu thụ đang trở thành những lôi kéo lớn trong cuộc sống hàng ngày của họ.

Đức giáo hoàng đã gửi thông điệp thứ nhất trong số thông điệp ngài sẽ chuyển đi trong Ngày Giới Trẻ Thế Giới: "Young friend, God and his people expect much from u because u have within you the Fathers supreme gift: the Spirit of Jesus - BXVI" (Hỡi bạn trẻ, Thiên Chúa và dân Người trông đợi nhiều nơi con bởi vì con có trong mình quà tặng cao nhất của Chúa Cha: đó là Thần linh của Đức Giêsu – Bê-nê-đi-cô XVI).

Đức giáo hoàng cho biết trong cuộc viếng thăm Australia ngài sẽ xin lỗi các nạn nhân bị lạm dụng tình dục trong giáo hội. Broken Rites, đại diện các nạn nhân, có trong tay một danh sách 107 vụ án lạm dụng trong giáo hội, nhưng cho biết có thể có thêm hàng ngàn nạn nhân khác.

Sydney có đôi khi được gọi là Thành phố Tội lỗi của Australia. Nơi đây có ngày mardi gras của giới đồng tính lớn nhất thế giới, cũng là nơi có khu đèn đỏ nổi tiếng nhất nước, đó là Kings Cross. Nhưng trong tuần lễ này Sydney đã tràn ngập một làn sóng thiện hảo và Kitô giáo.

Con đường George ở trung tâm thành phố thường ồn ào, kẹt xe và đông đúc vào giờ ăn trưa, nhưng hôm thứ Ba này đường phố bình yên, tràn đầy giọng hát thánh ca, chập chùng tiếng đàn ghita và bập bùng tiếng trống.

Hàng ngàn khách hành hương đi dọc theo đường George; đường này là một trong 300 con đường đóng không cho xe cộ qua lại và an ninh được bảo vệ theo kiểu tổ chức Thế vận hội. Giống như những fans hâm mộ các đội bóng, mỗi khi các nhóm người từ nhiều quốc gia gặp nhau họ cất tiếng hát lên để gọi nhau. Anh Rudimar Gouveia đến từ Brazil nói: “Chúng tôi hát lên để bày tỏ những gì cảm nghiệm trong tâm hồn. Chúng tôi gặp gỡ rất nhiều người và nói với nhau về chuyện Đức Giêsu có ý nghĩa thế nào trong cuộc đời chúng tôi.”

Còn anh Nazareth Atielza người Australia thì nói rằng Ngày Giới Trẻ Thế Giới đã biến đổi cả thành phố: “Không khí tích cực hơn trước rất nhiều. Vào ngày thường, mọi người bận rộn lo cho mình nhưng hôm nay đây ai gặp người lạ cũng cất tiếng chào.”

Phản ánh môi cuồng nhiệt tôn giáo tại Sydney, người ta thấy dòng chữ “Ratzinger Thông Trị” được sơn lên ban đêm trên đài tưởng niệm chiến sĩ. Josef Ratzinger là tên của Đức giáo hoàng Bênêđictô. Nhưng mặc dầu có đông đảo người Công giáo hành hương, mặt trái đen tối của Sydney cũng vẫn còn hiện lên bề mặt thành phố. Một nhà chứa tại Sydney hoan nghênh khách hành hương, thúc giục “người có cơ hội phạm tội hãy phạm tội đi” trước khi giáo hoàng rời Australia, thậm chí còn quảng cáo bớt 10% cho khách có mang theo thẻ Ngày Giới Trẻ Thế Giới.

Australia là một xã hội thế tục, nơi giáo hội Công giáo đang cố gắng lôi kéo thêm số người đến thờ phượng tại nhà thờ. Chừng 5 triệu người Australia theo Công giáo, nhưng số người đi lễ ngày Chủ nhật chưa tới một triệu. Đức Hồng y Australia là George Pell nói với khách hành hương trong thánh lễ mở đầu Ngày Giới Trẻ Thế Giới: “Đừng tiêu phí cuộc đời bạn trong do dự... bởi vì chỉ có những cam kết dân thân mới mang lại kết quả. Muốn làm môn đệ Chúa Giêsu, phải có kỷ luật, nhất là kỷ luật với chính mình.”

Có những luật lệ áp đặt chống lại người biểu tình tuần này khi Đức giáo hoàng thăm viếng Sydney. Người biểu tình có thể bị bắt giữ khi phiền hà khách hành hương Công giáo.

3.2.3 Lễ Phục sinh ở Pháp

Là dịp nhớ đến Chúa

Ngày xưa lễ Phục sinh chỉ diễn ra trong khuôn khổ của các giáo dân, để tưởng nhớ vị chúa tái sinh sau khi chết đi. Theo truyền thuyết Rome thì trên đường sống lại, chúa bắt gặp các quả trứng sinh sôi nảy nở, hoa lá tung bừng chào đón mùa xuân sau mùa đông giá lạnh, như các trẻ nhỏ vươn mình lớn lên. Cho nên để tưởng nhớ ngày này, gia đình giáo dân đi lễ nhà thờ thì các em nhỏ thường mang theo giỏ, bên trong là những quả trứng luộc chín và vẽ lên nhiều màu sắc sặc sỡ. Người lớn sẽ đem ra vườn giấu vào các gốc cây, bụi cỏ... Khi chuông nhà thờ vang lên sau buổi lễ, trẻ con ào ra sân tìm kiếm trứng phục sinh. Sau đó là bữa ăn gia đình sum họp.

Ngày nay, lễ Phục sinh cũng gần giống lễ Giáng sinh, dành cho tất cả dân chúng trên đất Pháp. Đây là dịp gia đình sum họp, ăn bữa cơm ấm cúng và tặng quà cho nhau. Người lớn không quên giấu các quả trứng được biến tấu với chất liệu chocolate xung quanh nhà. Các hình dáng nhỏ, to màu sắc luôn là điểm thú vị với bọn trẻ. Ngày hôm sau, trẻ con sẽ được người lớn dẫn ra ngoài chơi, thăm bạn bè hoặc vui chơi tại các công viên.

Ngày vui chơi của trẻ con

Trước ngày lễ, ở các trường cấp một, trường mẫu giáo và nhà trẻ đều treo lủng lẳng những hình hoạ vui mắt. Các buổi vui chơi "Săn trứng" trong khu vườn nhỏ tại trường được diễn ra vào ngày cuối của buổi học. Phần thưởng là những quả trứng mà các em tìm được.

Hầu như tất cả các siêu thị lớn nhỏ, các cửa hàng bánh kẹo đều ưu tiên cho dịp này. Kẹo chocolate được ưu ái nhất. Các nhà sản xuất nắm bắt thời cơ cũng tạo ra nhiều hình thù vui mắt nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm cho trẻ con. Những quả trứng bằng chocolate bên trong sẽ có bất ngờ một món quà nhỏ là một chú "lính", một chú thỏ trắng, nâu hay một chú gà... được thay đổi tùy theo năm.

Ở các công viên lớn, rất nhiều ngôi nhà nhỏ bên trong được lót bằng một lớp rom màu vàng óng xen lẫn những quả trứng bên dưới, bọn trẻ xếp hàng chờ đến phiên mình để được "săn trứng".

Món thịt cừu không thể thiếu trong bữa ăn cũng như món gà tây trong mùa Tạ ơn tại Mỹ hàng năm. Đùi cừu được tẩm ướp từ đêm hôm trước từ các loại gia vị riêng, phủ lên một lớp lá thơm sau đó là các loại rau củ xếp xung quanh và đem đút lò. Bàn ăn được trang trí hai lớp mặt bàn màu trắng, ly và đĩa đẹp cũng được đem ra sử dụng.

Món đùi cừu chính được cắt ra từng miếng nhỏ chia theo đĩa cho từng thành viên trong gia đình. Rượu vang đỏ và bánh mì được đi kèm. Ngoài ra còn có các món khác như món trứng chiên sữa và các món khai vị thơm lừng khác.

Món bánh cho ngày Phục sinh đa dạng như các loại bánh được làm từ pate broche. Bánh được làm từ bột và trứng. Bánh mềm xốp ngọt, thường hình tròn tượng trưng như quả trứng tròn. Hoặc được trang trí thêm

chocolate, các bánh hình thỏ cũng được ưa chuộng. Dĩ nhiên không thiếu những quả trứng bằng chocolate ngọt ngào.

Lễ Phục sinh diễn ra vào dịp nước Pháp vừa tạm biệt mùa đông lạnh lẽo. Mùa xuân đến như mang sự sống, sự sinh sôi nảy nở của con người và thiên nhiên. Họ lại hy vọng một mùa xuân hạnh phúc và an lành.

3.3 Định hướng khai thác lễ hội Công giáo

3.3.1 Xây dựng CSVCKT & cán bộ phục vụ việc khai thác lễ hội Công giáo

Văn hoá tâm linh Công giáo là một thuật ngữ được dùng để chỉ một loại hình văn hoá tinh thần đặc thù của người Công giáo lấy đối tượng là sự bày tỏ tình cảm linh thiêng, niềm tin linh thiêng, sự tri ân của những người đang sống đối với Chúa Giêsu, với Đức Mẹ Maria diễn ra trong một không gian thiêng và thời gian thiêng nhất định.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm chăm lo đến việc giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc, trong đó có các giá trị văn hoá tâm linh. Nhà nước và các địa phương đã đầu tư nhiều công sức, tiền của để xây dựng các công trình văn hoá tâm linh như tu tạo lại các công trình kiến trúc di tích văn hoá; tổ chức các nghi lễ hội. Nhân dân các địa phương cũng chung sức đóng góp tiền của để tu sửa, xây cất biết kết hợp giữa xây dựng các quần thể văn hoá tâm linh với xây dựng các cảnh quan, thu hút khách thập phương; kết hợp tổ chức nhiều lễ hội văn hoá - du lịch khá ấn tượng. Đó là những việc làm có ý nghĩa tích cực, cao đẹp, có tính giáo dục truyền thống rất cao, được lòng dân, đáp ứng một phần nhu cầu sinh hoạt tâm linh của nhân dân.

Do văn hóa tôn giáo có vai trò hết sức quan trọng để phát triển du lịch như vậy, cho nên việc khai thác tiềm năng này phải gắn liền với việc giữ gìn, bảo tồn những lễ hội Công giáo. Việc khai thác tiềm năng văn hóa lễ hội Công giáo không phải là công việc riêng của những người làm du lịch mà cần kết hợp với các nhà văn hóa cùng với sự trợ giúp của chính quyền và cộng đồng.

Tuy nhiên, điểm khó để khai thác lễ hội Công giáo vào du lịch hiện nay là các đơn vị du lịch thì thiếu sự hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến

tôn giáo, còn các đơn vị tôn giáo thì thiếu những dịch vụ du lịch chuyên nghiệp. Chỗ nghỉ lại qua đêm, hệ thống giao thông tới những điểm tổ chức diễn ra lễ hội Công giáo cần được nâng cấp và trang bị tốt hơn.

Ngoài ra, do hướng dẫn viên cũng đồng thời là giáo sĩ, các tín đồ và các vị linh mục am hiểu căn kẽ về văn hóa-lịch sử Công giáo nói chung và những lễ hội Công giáo nói riêng của từng địa phương, cho nên có thể vừa đồng hành khách hành hương, vừa sẵn sàng giải đáp những thắc mắc liên quan đến sinh hoạt tín ngưỡng.

3.3.2 Xác định đối tượng khách tiềm năng

Giá trị lễ hội Công giáo là giá trị những tài nguyên nhân văn được thể hiện cả ở dạng vật thể và phi vật thể. Đó là những kiến trúc áp ủ một truyền thuyết, một nỗi niềm, một bản lĩnh, một tư duy; là những lễ hội những trò vui dân gian... những cách thức ăn mặc, nói năng; những phong tục tập quán, tín ngưỡng... Thông qua các giá trị vật thể như di các công trình kiến trúc... và các giá trị phi vật thể như: phong tục tập quán, tâm hồn cốt cách của con người, Lễ hội Công giáo có sức thu hút con người tìm đến để khám phá, chiêm nghiệm. Sức thu hút đó chính là cơ sở của ngành Du lịch, vì du lịch xét đến cùng là một hoạt động của con người nhằm thâm nhận những giá trị vật chất và tinh thần đặc sắc, độc đáo ở một nơi khác bên ngoài nơi cư trú. Do đó, phát triển du lịch phần lớn là khai thác tiềm năng văn hóa để đem lại hiệu quả kinh tế, cũng có nghĩa là phát huy khả năng, phát triển kinh tế trên cơ sở khai thác tiềm năng văn hóa, trong đó có những giá trị văn hóa của tôn giáo.

Tài nguyên du lịch của nước ta rất đa dạng, trong đó các giá trị của văn hóa lễ hội là một nguồn tài nguyên dồi dào và phong phú. Như chúng ta đã nghiên cứu ở những phần trên, Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo và những tôn giáo khi du nhập vào Việt Nam đều ít nhiều đã được Việt hóa, mang bản sắc văn hóa Việt Nam. Qua quá trình du nhập và phát triển hàng nghìn năm, những giá trị văn hóa lễ hội Công giáo đã trở thành nguồn tài nguyên du lịch văn hóa rất đa dạng, phong phú. Đến đâu trên đất nước, người ta đều có thể nhận thấy ở mỗi vùng dân cư có các loại hình

văn hoá vật thể (nhà thờ, đồ cúng tế, hành đạo...) rất khác nhau, đó là do chúng mang dấu ấn văn hoá tôn giáo. Những công trình văn hóa tôn giáo này không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo đơn thuần, nơi sinh hoạt văn hoá của các cộng đồng dân cư mà với cảnh quan hài hòa, kiến trúc độc đáo, đặc biệt là nơi lưu giữ những giá trị tâm linh lớn lao, đã có sức hấp dẫn mãnh liệt đối với du khách trong và ngoài nước. Đó chính là những giá trị của văn hóa tôn giáo đối với việc khai thác và phát triển du lịch.

Thực ra việc khai thác di sản văn hóa lễ hội phục vụ cho phát triển du lịch không phải là ý tưởng mới, song gần đây, chúng ta mới bắt đầu chú trọng hơn tới những lễ hội của người theo đạo Công giáo. Định hướng phát triển du lịch lễ hội Công giáo. Những cố gắng thu hút khách ở các điểm du lịch phải mang tính chất văn hóa, tâm linh. Những động cơ thúc đẩy khách đến các điểm du lịch chính là sự mong muốn được tiếp cận giá trị văn hóa tín ngưỡng. Đối tượng khách tiềm năng là những người trong đạo, các tín đồ Công giáo, khách tự do và những người muốn quan tâm, muốn tìm hiểu về văn hóa và lễ hội Công giáo, những ai mong muốn có một đời sống tâm linh cao cả, hướng thượng và những ai muốn giải tỏa bớt những căng thẳng, mệt mỏi của cuộc sống thường nhật.

3.3.3 Xây dựng điểm du lịch có khai thác lễ hội Công giáo

- *Vùng Du lịch Bắc Bộ*

Một số giáo phận lớn: Hà Nội, Bắc Ninh, Bùi Chu, Hưng Hóa, Phát Diệm, Thái Bình...

Lễ hội lớn như

Lễ Mẹ Phú Nhai

Được tổ chức vào ngày mùng 8 tháng 12 hàng năm. Nhà thờ Phú Nhai nằm ở trung tâm của xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, cách thị trấn Xuân Trường hơn 1 km. Đây là một trong những ngôi nhà thờ có diện tích rộng lớn nhất Việt Nam.

Với sự tham dự của hầu hết các linh mục địa phận và trên 50.000 giáo dân.

Lễ Đâu Dòng Bùi Chu Nam Định

Được tổ chức vào mùng 8 tháng 8 hàng năm. Giáo phận Bùi Chu nằm ở xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Lễ hội gồm 160 linh mục trong giáo phận, ngoài ra còn có hơn 300 nữ tu, hơn 20.000 giáo dân.

- Vùng du lịch Bắc Trung Bộ

Một số giáo phận lớn như: Huế, Ban Mê Thuột, Đà Nẵng, Kon Tum, Quy Nhơn.

Lễ hội Công giáo lớn như

Lễ hội La Vang

Được tổ chức vào ngày 15 tháng 8 hàng năm. La Vang ngày nay là một thánh địa và là nơi hành hương quan trọng của người Công giáo Việt Nam, nằm ở huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, thuộc Tổng Giáo phận Huế.

Những người tham dự lễ hội gồm 15 vị Giám mục đồng tế cùng với khoảng 500 linh mục trong và ngoài nước, Số lượng giáo dân hành hương hiện nay tới La vang đã lên đến trên 500 ngàn người.

- Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ

Giáo phận lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa, Cần Thơ, Đà Lạt, Long Xuyên, Mỹ Tho, Phan Thiết, Phú Cường, Vĩnh Long...

Một số lễ hội lớn như:

Lễ phục sinh tại nhà thờ Đức Bà Sài Gòn

Được tổ chức vào ngày 23 và 24 tháng 4 hàng năm.

Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, tên chính thức là Vương cung thánh đường Chính tòa Đức Mẹ Vô nhiễm, là nhà thờ lớn nhất và đặc sắc nhất tại Thành phố Hồ Chí Minh, với 2 tháp chuông cao 60 m, tọa lạc tại trung tâm thành phố (số 1 Công trường Công xã Paris, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Đây là một trong những công trình kiến trúc tôn giáo đặc sắc thu hút nhiều khách tham quan nhất tại thành phố.

3.3.4 Xây dựng một số chương trình du lịch lễ hội Công giáo Chương trình du lịch vui giáng sinh Phát Diệm (2 ngày 1 đêm từ ngày 24/12-25/12)

Khởi hành : Hà Nội.

Phương tiện : Ô tô.

Ngày 01:Hà Nội- Ninh Bình - Tam Cốc Bích Động- Nhà thờ đá Phát Diệm.(24/12)

6h30: Hướng dẫn viên đón khách tại Hà Nội.

9h00: Quý khách thăm quan quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm. Là một quần thể nhà thờ công giáo diện tích 22 ha bao gồm 1 nhà thờ lớn, 5 nhà thờ nhỏ, 1 phương đình...Đây là công trình kiến trúc độc đáo và đặc sắc, được xây dựng chủ yếu bằng đá và gỗ trong một thời gian dài, từ năm 1875 đến 1899.

11h00: Quý khách dừng chân ăn trưa tại nhà hàng

13h00: Quý khách lên đường thăm quan Tam Cốc - Bích Động. Nơi đây được biết đến với những tên tuổi nổi tiếng như: " Vịnh Hạ Long trên cạn", hay "Nam thiên đệ nhị động".

17h00: Quý khách trở về khách sạn nghỉ ngơi và ăn tối.

18h30: Quý khách ăn tối tại nhà hàng.

Tối : Quý khách tham dự cùng đón lễ hội giáng sinh tại nhà thờ đá Phát Diệm.

Ngày 02(25/12):Tham quan Tràng An - Bái Đính - Cố đô Hoa Lư

6h30: Quý khách ăn sáng tại nhà hàng.

7h30: Quý khách xuống thuyền thăm quan quần thể khu du lịch Tràng An. Tràng An là một vùng non nước, mây trời hoà quyện. Đáy nước trong xanh soi bóng những vách núi đá trùng điệp. Nơi đây có tới 31 hồ, đầm nước được nối thông bởi 48 hang động đã được phát hiện trong đó có những hang xuyên thủy dài 2km như hang Địa Linh, hang Sinh Dược, hang Mây... Khu du lịch Tràng An - nơi những dãy núi đá vôi, thung lũng và những sông ngòi đan xen tạo nên một không gian huyền ảo, kỳ bí. Ngồi

trên chiếc thuyền nhỏ, du khách có thể tham quan các hang động nằm trong khu lịch Tràng An, để rồi phải trầm trồ trước bất ngờ này đến bất ngờ khác với biết bao nhũ đá đủ hình dáng, màu sắc lung linh.

10h30: Quý khách thăm quan và dâng hương tại Cố Đô Hoa Lư – kinh đô của nước Đại Cồ Việt cách đây hơn 10 thế kỷ, thăm đền vua Đinh, vua Lê được xây dựng trên nền Cố cung xưa.

11h30: Quý khách dùng chân ăn trưa tại nhà hàng

13h30: Xe đưa đoàn đến viếng thăm Chùa Bái Đính - ngôi chùa nổi tiếng với nhiều kỷ lục: Khu chùa có diện tích rộng nhất (107ha); Tượng Phật bằng đồng lớn nhất Đông Nam Á; Hai quả chuông lớn nhất Đông Nam Á: 36 và 27 tấn; Chùa có nhiều tượng La Hán nhất với 500 vị bằng đá cao hơn đầu người.

16h00: Kết thúc chương trình thăm quan. Chào tạm biệt và hẹn gặp lại trong những chương trình lần sau.

Chương trình du lịch tham dự lễ đầu dòng Bùi Chu Nam Định(2 ngày 1 đêm từ ngày 7/8- 8/8)

Ngày 1(7/8)

Tự do dạo biển, tắm biển, đi chợ và thưởng thức hải sản. tham quan các làng nghề truyền thống của Nam Định.

Ngày 2(8/8)

Tham dự lễ đầu dòng tại nhà thờ Bùi Chu.

Chương trình du lịch HCM- Đà Nẵng- Bà Nà- Huế-Lễ Mẹ La Vang- Hội An

Ngày 01 (13/8) : Thành phố Hồ Chí Minh- Đà Nẵng

Sáng: Đón du khách trước giờ bay 1h30 phút tại phi trường Tân Sơn Nhất, ga đi trong nước đáp máy bay khởi hành đi Đà Nẵng.

Chiều : Đón du khách tại Đà Nẵng Thăm danh thắng Ngũ Hành Sơn với Động Huyền Không, Chùa Tam Thai, Vọng Hải Đài ghé làng nghề điêu khắc đá Non Nước (tự do mua quà lưu niệm). Ăn trưa

Sau bữa tối du khách tự do khám phá Đà Nẵng về đêm với sông Hàn thơ mộng, Cầu Quay, Khu chợ đêm, phố Âm thực, Trung tâm Thương Mại Đà Nẵng. Nghỉ đêm tại Đà Nẵng

Ngày 02(14/8): Bà Nà- Huế (ăn 3 bữa)

Sáng: Điềm tâm, trả phòng. Khởi hành Huế. Xe đưa du khách qua cầu Thuận Phước là cầu treo dây võng dài nhất Việt Nam Cao nguyên Bà Nà nơi có khí hậu Châu Âu độc đáo, nổi tiếng tuyến cáp treo kỷ lục mới của thế giới. Ngắm toàn cảnh Đà Nẵng, thăm hầm rượu cổ , Suối Mơ, thác Cầu Vòng, đồi Vọng Nguyệt, viếng Linh Ứng Tự...(chi phí tự túc). Khởi hành đi Huế qua đèo Hải Vân, thăm Hải Vân Quan - đệ nhất hùng quan dừng bữa trưa tại bãi biển Lăng Cô.

Chiều: Đến Huế nhận phòng. Thăm quan Đại Nội (Hoàng cung của 13 đời vua triều Nguyễn) với Thế Miếu, Thư Viện, Hiền Lâm Các, Điện Thái Hoà, Cửu Đinh, Ngọ Môn..., viếng chùa Thiên Mụ ngôi chùa gắn liền với văn hóa và lịch sử Huế.

Ngày 03(15/08): Huế- Thánh Địa La Vang (Ăn 3 bữa)

Sáng: Tham dự lễ Mẹ La Vang.

Chiều: Trở về Huế, trên đường về Quý khách ngắm nhìn Vĩ Tuyến 17 với Cầu Hiền Lương và dòng sông Bến Hải...

Ngày 04(16/8): Huế- Hội An (Ăn 3 bữa)

Sáng : Điềm tâm sáng, thăm Lăng Khải Định – nét tiêu biểu trong các lăng vua triều Nguyễn, dạo chợ Đông Ba mua đặc sản xứ Huế. Ăn trưa. Quý khách trở lại Hội An qua hầm Hải Vân. Nhận phòng.

Chiều: Tham quan Phố Cổ Hội An - di sản văn hoá thế giới với Chùa Cầu Nhật Bản, Hội Quán Phúc Kiến, Đền Quan Công, Nhà Cổ Tân Kỳ ...Xe đưa du khách đến Cửa Đại tắm biển. Sau bữa tối du khách có thể dạo chơi tham gia đêm hội đèn lồng phố cổ nằm bên bờ sông Hoài. Nghỉ đêm tại Hội An.

Ngày 5(17/8) : Hội An – Thành phố Hồ Chí Minh (Ăn sáng , trưa)

Sáng : Điềm tâm sáng. Tham quan Bán Đảo Sơn Trà, viếng Linh Ứng Tự, thưởng ngoạn vẻ đẹp biển Mỹ Khê Đà Nẵng (1 trong những bãi biển quyến rũ nhất Hành Tinh). xe đưa ra phi trường Đà Nẵng đáp máy bay về TP HCM . Kết thúc chương trình, chia tay đoàn và hẹn ngày gặp lại.

Tiểu kết chương 3

Từ xa xưa, trong các hoạt động văn hoá truyền thống dân tộc, người Việt Nam đều có tổ chức các hoạt động văn hoá tâm linh, hoặc do nhà nước Trung ương tổ chức, hoặc do làng, xã tổ chức theo những lễ nghi trang trọng, uy linh, với sự tham gia một cách thành kính, tự nguyện của nhân dân. Đó là Lễ hội ,Lễ tế Trời, Đất, tế Thần, Thánh, nhằm mục đích cầu cho quốc thái, dân an, cho con cháu hạnh phúc.

Trong phạm vi một dòng tộc, một gia đình cũng có các sinh hoạt văn hoá tâm linh. Thông qua những hoạt động văn hoá tâm linh đó, con người ta tự tu tâm, tích đức để trở nên tốt đẹp hơn, đoàn kết hơn, hướng thiện hơn, bớt đi cái ác, cái xấu trong lòng. Ý nghĩa tích cực của các hoạt động văn hoá tâm linh được người Việt khai thác rất có hiệu quả vào việc giáo dục các thế hệ con cháu, cố kết cộng đồng. Hoạt động văn hoá tâm linh đã trở thành một nhu cầu văn hoá lành mạnh, đầy tính nhân văn của người Việt Nam.

KẾT LUẬN

Thông qua sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người mà tín ngưỡng, tôn giáo đã tô đượm cho văn hoá dân tộc nhiều sắc màu. Các cơ sở thờ tự của tôn giáo thường là nơi diễn ra nghi lễ, thờ phụng của tín đồ tôn giáo, đồng thời cũng là nơi lưu giữ văn hoá truyền thống làm cho văn hoá dân tộc có sức sống trường tồn.

Ngày nay, ảnh hưởng của tôn giáo đối với đời sống văn hóa, xã hội Việt Nam rất rộng lớn. Sự du nhập và phát triển của văn hóa Công giáo hàng nghìn năm để lại cho đất nước ta một khối di sản to lớn đó là hệ thống nhà thờ có mặt khắp các làng xã, là các lễ hội Công giáo đặc sắc. Đây cũng là một kho tài nguyên vô giá để chúng ta định hướng phát triển du lịch. Bởi ai cũng biết, khi đời sống vật chất ngày càng được nâng cao, xã hội càng hiện đại thì con người ta lại càng có nhu cầu nâng cao hơn nữa đời sống tinh thần. Cho nên sự phát triển của du lịch tâm linh trong tương lai không xa là nhu cầu tất yếu, nhất là đối với quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo như Việt Nam.

Du lịch tâm linh đến các thánh tích sẽ giúp con người tháo gỡ được các cảm xúc khổ đau, vun bồi tâm trí và tinh thần minh triết. Du lịch tâm linh rất cần thiết cho tinh thần con người trong xã hội hiện đại. Nó bao hàm cả hành trình tìm kiếm các giá trị văn hóa truyền thống lẫn tìm lại chính mình. Làm trỗi dậy đời sống giác ngộ của khách du lịch tại những địa danh tâm linh chính là mục tiêu của các tour du lịch tâm linh.

Việt Nam cũng chỉ mới để ý đến du lịch tín ngưỡng, một loại hình du lịch nhìn ngắm, thăm viếng. Du lịch tâm linh gần đây đã hình thành và đang phát triển ở những quốc gia châu Á, đặc biệt những quốc gia theo Phật giáo như Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan. Hàng năm, các cơ quan tôn giáo Nhật Bản kết hợp với các công ty lữ hành tổ chức tour cho trên vài ngàn khách hành hương từ Nhật Bản đến các thánh tích Phật giáo ở Ấn Độ, Thái Lan, Myanmar. Châu Âu hàng năm cũng đã tổ chức nhiều đoàn du khách tham gia các lễ hội tôn giáo, trong đó có những lễ hội Công giáo lớn. Các khóa tìm hiểu và nghiên cứu tôn giáo, Trong khi đó ở nước ta, trên bản đồ du lịch, trên các kênh quảng bá,

xúc tiến, người ta vẫn chưa thấy nói đến những nơi này như là điểm đến của loại hình du lịch này.

Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch, xây dựng chiến lược, quản lý thực hiện quy hoạch phát triển du lịch của từng tỉnh và từng vùng để tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo, chuyên biệt, đồng thời tạo tinh liên kết cao trong phát triển.

Định hướng du lịch mà khách đến hành hương, chiêm ngưỡng trong sự tôn kính nghiêm trang, gìn giữ bản sắc hồn nhiên trong sự thực hành tín ngưỡng của dân bản xứ. Điều ấy đòi hỏi chính tổ chức du lịch phải vạch ra một mẫu mực được sự hưởng ứng của nhà chùa và dân bản xứ, không thể làm cầu thả được. Làm cho du khách đến đó sẽ thấy nét đặc thù của bản địa, chứ không phải đứng xem những cảnh bát nháo, buôn bán hàng du lịch. Du khách không bao giờ đánh giá những nguy trang tôn giáo, họ muốn đến để xem thật và... cảm nghiệm, chiêm ngưỡng cảnh thật. Và đối với họ đó là sự tiếp cận thực sự “tâm linh”, “linh hồn” Việt Nam.

Vì vậy, cần phải có một chiến lược cụ thể như: Phải xây dựng được những tour du lịch trọng điểm đến các thánh tích, lễ hội tôn giáo đặc sắc, đồng thời phải có sự liên kết giữa các tỉnh trong vùng.

Tuyên truyền, quảng bá là một biện pháp cực kỳ cần thiết. Tăng cường công tác tuyên truyền rộng rãi trong cộng đồng dân cư để nâng cao hiểu biết và trân trọng các di sản văn hóa, hiểu biết về lợi ích của phát triển du lịch và cả những mặt trái mà sự phát triển này có thể mang lại. Làm tốt công tác tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch sẽ thu hút một lượng du khách không chỉ trong nước mà cả ngoài nước. Cần có nhiều ấn phẩm với nhiều hình thức quảng cáo được bán ở nhiều nơi công cộng và điểm du lịch.

Điều quan trọng là các quản lý du lịch cũng như các nhà đứng đầu của các tôn giáo cần nhìn thấy được tiềm năng vô cùng to lớn của chùa chiền, nhà thờ tôn giáo cũng như vai trò vị trí của nó trong đời sống tinh thần của mọi người dân Việt Nam. Đó không những là nơi sinh hoạt tâm linh mà còn là nơi sinh

hoạt tín ngưỡng văn hóa của cộng đồng làng xã. Một khi nhìn thấy được tầm quan trọng đó, chắc chắn những nhà lãnh đạo tôn giáo không thể nào không quan tâm đầu tư thích đáng cho các thánh tích, trong đó đầu tư phát triển du lịch là điều không thể bỏ qua.

Phối hợp quy hoạch du lịch với quy hoạch đô thị nhằm thống nhất các dự án xây dựng để không làm ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan. Quy hoạch các di tích danh thắng trên cơ sở quy hoạch du lịch sẽ đưa các di tích có giá trị trở thành các điểm tham quan du lịch đồng thời lồng ghép với kế hoạch tôn tạo và giữ gìn các di tích.

Cần có định hướng văn hóa trong kinh doanh du lịch tại các điểm di tích, danh thắng nhằm tránh thương mại hóa các di tích văn hóa ngăn chặn các hiện tượng phi văn hóa trong kinh doanh du lịch tại các điểm di tích.

Cần có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phù hợp với sự phát triển du lịch trên địa bàn. Quán triệt phương châm lấy văn hóa để phát triển du lịch và ngược lại phát triển du lịch để bảo tồn, duy trì bản sắc văn hóa.

Tuy nhiên, thực tế ở Việt Nam loại hình du lịch này mới chỉ manh nha và phát triển một cách tự phát. Điều ấy đòi hỏi chúng ta phải vừa có chiến lược ở tầm vĩ mô, vừa có các biện pháp cụ thể. Nếu có chiến lược khả thi và áp dụng triệt để, loại hình du lịch sẽ nhanh chóng phát huy thế mạnh trong phạm vi cả nước nói chung và vùng nói riêng. Cần phải triển khai đồng bộ các biện pháp để du khách khi đến các địa chỉ tôn giáo, tâm linh sẽ thấy nét đặc thù tôn giáo của bản địa, được xem, cảm nhận, chiêm nghiệm. Du lịch văn hóa tâm linh sẽ thực sự giúp du khách tiếp cận thực sự “tâm linh”, “linh hồn” Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hồng: Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, tập 1, Hiện Tại, SG 1959
2. Kinh thánh - N.x.b TP Hồ Chí Minh - 1988.
3. Những ngày lễ Công giáo- N.x.b TP Hồ Chí Minh - 1995.
4. Philippines: - Lê Huy Hoà biên dịch - N.x.b Trẻ TP H)
5. Nguyễn Hồng Dương: - Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam - N.x.b Khoa học xã hội - H, 2001.
6. Thánh công đồng chung Vaticano II - Phân khoa thần học giáo hoàng học viện thánh Pio X - Đà Lạt, 1972. Hồ Chí Minh, 2002.
7. Nguyễn Hồng Dương – Tôn giáo trong mối quan hệ văn hóa và phát triển ở Việt Nam, Nxb Khoa học Xã hội, H, 2004.
8. Biểu tượng mặt trăng, ngôi sao biển là đức mẹ Maria. Hình mỏ neo của giáo dân miền biển là biểu thị niềm tin chắc chắn vào đức mẹ.
10. Báo Người Công giáo Việt Nam
11. Báo Văn hóa
12. www.conggiao.vn
13. www.cinet.gov.vn
14. <http://vi.wikipedia.org>
15. www.dulichvietnam.com.vn

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	2
CHƯƠNG 1: CÔNG GIÁO VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM	4
1. Quá trình hội nhập văn hóa Kitô giáo với các nền văn hóa thế giới.....	4
1.1 Tại một số nước Châu Âu	4
1.2 Sự thích ứng văn hóa của một số giáo sĩ Công giáo tại một số nước Châu Á	6
1.2.1 Nobili ở Ấn Độ.....	6
1.2.2 Matteo Ricci ở Trung Hoa	6
2. Công giáo Việt Nam và quá trình hội nhập	8
2.1 Quá trình truyền giáo và phát triển của đạo Công giáo ở Việt Nam	8
2.2 Quá trình hội nhập Công giáo với văn hóa Việt Nam	10
2.2.1 Chiếc cầu nối giao lưu giữa văn hoá phương Tây với Việt Nam	10
2.2.2 Công giáo hội nhập văn hoá Việt.....	13
2.2.3 Giáo sĩ có những hoạt động tích cực để hội nhập văn hóa Việt Nam A Lịch Sơn Đắc Lộ.....	19
2.2.4 Những biểu hiện cụ thể của hội nhập nghi lễ Công giáo trong văn hóa Việt Nam.....	22
Tiểu kết chương 1	28
CHƯƠNG 2: LỄ HỘI CÔNG GIÁO	29
1. Năm phụng vụ và niên lịch Công giáo	29
1.1 Năm phụng vụ	29
1.2 Các lễ trọng, lễ kính, lễ nhớ	30
1.2.1 Lễ trọng (lễ lớn)	30
1.2.1.2 Lễ giáng sinh	33
1.2.2 Lễ kính.....	34
1.2.3 Lễ nhớ.....	34
1.3 Tuần Thánh	34
1.4 Chu kỳ năm phụng vụ (hay còn gọi là mùa phụng vụ).....	36
1.4.1 Mùa Phục Sinh	36

1.4.2 Mùa Chay	36
1.4.3 Mùa Giáng sinh	36
1.4.4 Mùa Vọng.....	37
1.4.5 Mùa thường niên	37
2. Các nghi lễ thường được cử hành trong lễ hội Công giáo.....	37
2.1 Hát thánh kinh, đọc sách và đọc kinh.....	37
2.1.1 Hát thánh kinh	37
2.1.2 Đọc sách và đọc kinh.....	38
2.2 Múa hát dâng hoa.....	39
2.3 Nghi thức tế trong lễ hội Công giáo.....	41
2.3.1 Tế giao thừa	42
2.3.2 Tế hoa	42
2.4 Nghi lễ sùng kính Mình Thánh Chúa Giêsu trong lễ hội Công giáo.....	43
2.4.1 Tuần châu lượt.....	43
2.4.2 Kiệu Santi (kiệu Mình Thánh).....	44
3. Một số lễ hội Công giáo nổi tiếng tại một số địa phương	46
3.1 Kỷ niệm thánh quan thầy địa phận ở xứ đạo Phú Nhai (Nam Định).....	46
3.2 Kiệu thánh tử đạo xứ Đông Trì	49
3.3 Lễ hội Thánh lễ La Vang Quảng Trị.....	50
Tiểu kết chương 2	57
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH LỄ HỘI CÔNG	
GIÁO	58
3.1 Thực tế khai thác các lễ hội Công giáo trên Thế giới và Việt Nam	58
3.1.1 Thực tế khai thác lễ hội Công giáo trên thế giới.....	58
3.1.2 Thực tế khai thác lễ hội Công giáo tại Việt Nam.....	62
3.2 Một số lễ hội Công giáo lớn trên thế giới	68
3.2.1 Lễ Hội Thánh Mẫu lớn nhất thế giới ở Brazil.....	68
3.2.2 Lễ hành hương tới Sydney	69
3.2.3 Lễ Phục sinh ở Pháp.....	71
3.3 Định hướng khai thác lễ hội Công giáo	73

3.3.1 Xây dựng CSVCKT & cán bộ phục vụ việc khai thác lễ hội Công giáo...	73
3.3.2 Xác định đối tượng khách tiềm năng	74
3.3.3 Xây dựng điểm du lịch có khai thác lễ hội Công giáo	75
3.3.4 Xây dựng một số chương trình du lịch lễ hội Công giáo Chương trình du lịch vui giáng sinh Phát Diệm (2 ngày 1 đêm từ ngày 24/12- 25/12).....	77
Tiểu kết chương 3	81
KẾT LUẬN	82
Tài liệu tham khảo	85